

Tác Giả và Tác Phẩm

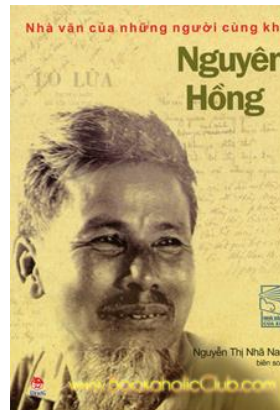
Nguyễn Hồng

Tiểu sử

Tên thật: Nguyễn Nguyên Hồng - Sinh ngày 5.11.1918 tại Nam Định
Mất ngày 2.5.1982 tại Yên Thế, Bắc Giang

Tác phẩm

Bỉ Vỡ - Những Ngày Thơ Ấu – Sóng Gầm – Giữ Thóc - Núi Rừng Yên Thế



Mục Lục

Vài hàng về tác giả – 2

Tôi viết Bỉ Vỡ – 3

Nguyễn Hồng – Tô Hoài – 5

Hàng cơm đêm – 12

Nguyễn Hồng bên lề trang viết - Nguyễn Thanh Kim - 19

Phụ đính:

Mợ Du - Buổi chiều xám – Hai nhà nghề
Chân dung Nguyễn Hồng – Chuyện làng văn
Nhà văn Nguyễn Hồng: tài năng và nhân cách
Văn Nguyễn Hồng

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Vài hàng về tác giả

Bỉ Vỡ một thời oanh liệt nhỉ
Sóng Gầm sông lấp mấy ai hay
Cơn Bão đến động rừng Yên Thế
Con hồ già uống rượu già vờ say
(Xuân Sách)

Ông là nhà văn đi lên từ “*bùn lầy nước đọng*”, cuốn truyện dài *Bỉ Vỡ* đến nay vẫn còn được nhiều người ưa thích. Năm 1957 ông được giao trọng trách cùng Nguyễn Công Hoan chăm nom tuần báo Văn. Lẽ ra nhiệm vụ được cấp trên giao cho là “*vạch mặt bợn Nhân Văn Giai Phẩm*”. Nguyễn Hồng đã làm ngược lại bằng cách phụ họa với đối thủ và Nguyễn Hồng bị cách chức, báo Văn đóng cửa. Nguyễn Hồng chán nản về Yên Thế, Bắc Giang sống và tiếp tục viết. Theo nhiều người từng quen biết, ông rất dễ xúc động, mỗi khi đối tượng mà ông quen biết, gặp những trắc trở, ông khóc thay cho họ.

Vũ Thư Hiên kể lại trong *Đêm Giữa Ban Ngày*, một lần gặp Nguyễn Hồng trên đường phố Hà Nội, từ xa, tác giả *Bỉ Vỡ* nhắc chiếc mũ phở trên đầu chào Vũ Thư Hiên rồi vội vã bỏ đi. Ấng chừng ông sợ liên lụy, Mà cũng có thể ông “*giả vờ say*” cũng nên.

Sau *Những Ngày Thơ Ấu*, *Bỉ Vỡ* viết trước năm 1945, Tiếp đến ông viết tiểu thuyết *Cửa Biển* nhưng không gây được tiếng vang nhiều cho lắm.

Lý Hồng Nhân
(trích trong *Nhận Diện Chân Dung Nhà Văn*)



Tôi viết Bỉ Vò

“Chết! Mỗi lần cái chữ đen tối khủng bố ấy hiện ra, tôi thấy sao mà chung quanh tôi sự vật gì cũng sáng sủa, tươi đẹp!” Chữ Chết hiện ra làm “tôi” thấy đời đáng yêu quá, tôi chợt nảy ý “phải để lại một cái gì tinh khiết nhất” của tôi cho đời. Cái ấy sẽ là một quyển tiểu thuyết... “Tôi” là một người đã nhiều nhiều tuổi và đã viết lách nhiều nhiều? Không đâu. Khi Nguyễn Hồng viết lời tựa cho Bỉ vò thì ông chỉ mới 20 tuổi và dĩ nhiên chưa viết được bao nhiêu. Giá trị của Bỉ vò nhắc ta thời gian trôi qua có thể trống rỗng hay đầy ắp những thứ giúp tâm hồn người trở nên già dặn. Và cũng chứng tỏ khả năng sáng tạo nghệ thuật chủ yếu là bẩm sinh...(Thu Tử)

Năm ấy tôi mười sáu tuổi, hết hạn tù, được tha. Mẹ tôi lên tận nhà giam tôi, đón tôi. Nhưng chúng tôi không về Nam Định - quê hương của chúng tôi - mà dắt nhau ra Hải Phòng.

Khi tôi đi tù, đoạn tang cha tôi, mẹ tôi bước đi một bước nữa. Nên lúc rời bỏ cái tình đã chứng kiến bao nhiêu việc không hay kế tiếp phá tan gia đình tôi, sự ngậm ngùi của mẹ tôi bắt tôi nghĩ đến lòng héo hắt của một người đàn bà đã cải giá trước sự khinh bỉ rề rúng của họ hàng nhà chồng và trước sự ghê tởm của mọi người quen biết đối với con mình, mới một dúm tuổi mà đã trải hết lao này sang lao khác.

Hôm đó, trời thu trong và sáng. Con tàu chở chúng tôi lướt trên một dòng sông lặng lẽ giữa những đồng ruộng xanh bát ngát.

Ra Hải Phòng chúng tôi càng khổ sở. Trông vào vài hào làm vốn buôn trầu cau, mẹ con tôi được bữa sớm mất bữa tối. Lắm phen, luôn mấy hôm, chỉ một bữa cháo lút lòng.

Bao nhiêu ngày tháng, bị câu thúc thân thể và phải làm những việc bần thủ, nặng nhọc quá sức mình, tôi tưởng khi thoát khỏi cảnh tù tội đầy ải ấy sẽ sống no ấm... ngờ đâu! Vì thế xác thịt tôi dần suy nhược; cái ngực thỉnh thoảng đau nhói lên, tôi cảm thấy đời tôi đã bị rút ngắn đi và một ngày rất gần kia sẽ hết. Chết! Mỗi lần cái chữ đen tối khủng bố ấy hiện ra, tôi thấy sao mà chung quanh tôi sự vật gì cũng sáng sủa, tươi đẹp! Hết thấy đều kêu gọi lòng ham sống của tôi.

Tôi chết đi, mới mười sáu tuổi đầu, sẽ làm cho mẹ tôi đau đớn biết chừng nào. Và cái phút cuối cùng của một đời sớm tắt ấy, tôi sẽ quằn quại như con bướm non bị hai ngón tay dữ tợn kẹp chặt vừa lúc nó mới đánh thấy mùi nhị hoa thơm ngát.

Những lúc lo sợ, bối rối, đau đớn quá, trong tâm trí người ta hay nảy ra những ước muốn khác thường. Tôi, tôi muốn có một cái gì để mãi mãi an ủi mẹ tôi và để tỏ lòng tôi mến tiếc và thương nhớ những người và vật đã làm tôi vui thích đến say mê. Nghĩa là tôi phải để lại một cái gì tinh khiết nhất của hồn và xác tôi cho cõi đời mà tôi yêu mến.

Ý quyết viết tiểu thuyết thụ thai trong trí tưởng tôi mỗi ngày một mạnh mẽ thêm, lan rộng mãi ra. Khi ăn, khi chơi, khi ngủ... lúc nào tôi cũng nghĩ đến viết. Ở nhà, ngoài đường, trên vỉa hè, ở ghé vườn hoa, dưới gốc cây, bờ sông bến tàu, đâu đâu cũng là chỗ tôi mơ tưởng đến viết. Có một xu một trinh nào tôi cũng mua giấy để viết. Không có tiền mua sách, báo, tôi cố đón đọc những báo hàng ngày ở phòng đọc báo của một hội ái hữu kia chỉ mở cửa từ 7 giờ đến 9 giờ tối để xem cách viết của một số nhà văn.

Nhưng, tiền càng ngày càng hiếm, tưởng như không còn bao giờ lọt vào tay tôi nữa, và trời về

tối đạo ấy càng rét dữ dội với những ngọn gió tê buốt và những trận mưa dầm dãi ghê sợ. Mẹ tôi phải đi vào Vinh, cầu cứu một người chị họ tôi, để tôi ở nhà với ông chú dượng. Trước khi đi, phải vay cho chúng tôi tám ngày gạo và một món tiền chi tiêu không quá bốn hào để mua củi và thức ăn.

Đã lâu lắm mới sẵn có một thạp gạo ở trong nhà ông chú dượng tôi và tôi bị khiêu khích. Không ngày một bữa nữa. Chúng tôi tin rằng vào tới Vinh vay mượn được tiền, mẹ tôi thế nào sớm tối chả gửi ra. Chúng tôi đã thất vọng. Và càng lo sợ, càng khổ sở vì đói. Hơn mười ngày rồi mà chẳng thấy thư từ gì ở trong đó gửi ra.

Tôi còn nhớ, nhớ rõ ràng lắm, những đêm mưa dầm gió bắc, trong một căn nhà không đèn lửa gì cả và ran ran tiếng muỗi, trên một cái phản lung lay, hai thân hình nhọc lả co quắp trong một chiếc chăn rách mướp, ông chú dượng tôi và tôi không ai nói với ai nữa nhời vì không đủ sức mà nói và cũng cảm thấy tiếng nói lúc bấy giờ chẳng còn ý nghĩa gì hết, chỉ làm đau tủi thêm hai con người muốn mà chẳng có việc gì làm để được sống. Sự yên lặng còn là sự đau đớn xót xa đến cực điểm của chúng tôi trước sự sống của vợ chồng người thuê nhà bên cạnh.

Người chồng làm thợ quét vôi, hiền lành, thất nghiệp, nghiện rượu. Người vợ, một người buôn thúng bán mẹt ở các chợ, rất lắm điều. Họ không còn cha mẹ già nhưng đông con. Chưa đứa nào quá mười ba tuổi và tinh khôn chút ít để đỡ đần công việc. Bữa có, bữa không, rách rưới và ốm yếu cũng như chúng tôi. Nhưng vợ chồng người này luôn luôn cần cấu, đay nghiến, chửi rủa và đánh đập nhau. Đã mấy lần, người chồng bị vợ sỉ vả đã uất lên, chực thất cổ mình và dìm ao mấy đứa con bé.

Bỗng gần về sáng đêm thứ mười hai, một tiếng người thất thanh gọi chúng tôi. Chúng tôi bỏ choàng dậy. Giời ơi! Mẹ tôi đã về. Mẹ tôi về với hai sọt hàng trâu vỏ mà ông chú dượng tôi và tôi ước đến gãy lưng mới khiêng vào được.

Từ ngày đó bụng tôi không đến nỗi cồn quá như trước. Và tôi đã có tiền mua cả một thếp giấy. Tiền mua giấy đó, mẹ tôi cho tôi những hôm lãi nhiều. Tôi không cần phải hỏi mẹ tôi cũng đưa. Mẹ tôi không nỡ trông thấy tôi thẫn thờ trước một ít giấy đã kín chữ.

Mấy truyện ngắn tôi đã viết xong từ lâu, và *Bỉ vỡ*, trải bao nhiêu ngày tháng đã dàn xếp kỹ càng trong đầu óc tôi.

*

Thưa mẹ, người mẹ hiền từ của con, thưa các bạn, những bạn đọc yêu dấu của tôi, *Bỉ vỡ* đã viết xong rồi.

Bỉ vỡ đã viết xong trên một cái bàn kê bên khung cửa trông ra vũng nước đen ngầu bọt của một bãi đất lầy dờ dang và một chuồng lợn ngập ngựa phân tro; *Bỉ vỡ* đã viết xong trong một căn nhà cứ đến chập tối là vang lên tiếng muỗi và tiếng trẻ khóc; *Bỉ vỡ* đã viết xong trong một đêm lạnh lẽo, âm thầm mà mọi vật như đều rung lên cùng với lòng thương yêu của một đứa trẻ ham sống dào dạt trong những bụi mưa thấm thía.

Thưa mẹ, người mẹ hiền từ của con, con xin dâng *Bỉ vỡ* cho mẹ với cả tấm lòng kính mến trong sạch của con, và xin tặng nó cho các bạn với tất cả cảm tình đầm ấm tươi sáng của tôi.

Tháng 3-1938

Nguyễn Hồng

Tô Hoài

trích *Chân Dung Văn Học*

Tôi muốn giới thiệu với bạn đọc về nhà văn Nguyễn Hồng, mà không biết nên bắt đầu từ đâu.

Ở sách giáo khoa, từ trung học đến đại học, học sinh các lứa tuổi đã học những đoạn trích giảng của Nguyễn Hồng. Có những ai lơ đãng, ít chú ý đến văn học, nhất định cũng đã học văn và biết lý lịch Nguyễn Hồng.

Tôi bạn với Nguyễn Hồng, mấy chục năm đã qua.

Nhiều khi, đối với người thân, lại không hay chú ý nhau như thế nào. Cũng như lắm khi hay đến nhà, đến luôn, lại nhãng không để ý số nhà.

Có điều, có thể nói ngay là, nếu như những năm trước, nhiều lớp bạn đọc khác nhau của Nguyễn Hồng, ai đã tình cờ gặp nhà văn - dẫn cho bạn có thói quen nhận xét tinh tế đến thế nào, cũng không thể ngờ ngờ một chút - một chút thôi, người vừa gặp ấy lại là một nhà văn. Không thể có một nét, một nét để ta bám lấy làm cơ cho nhận xét của ta, dù chỉ một nhận xét thoáng qua. Bởi ít ra, trong tưởng tượng mơ màng và sáng trong của bạn đọc, nhà văn ấy nhiều từng trải, khi còn ít tuổi đã viết hồi ký Những ngày thơ ấu hay cực, nhà văn ấy đã lặn lội xông pha khắp nơi, ở mặt trận và trong hầm lò. Và bất kể người như thế nào, trước trang bán thảo, theo cách nghĩ của bạn đọc, hình ảnh nhà văn phải liên quan đến bóng dáng bút mực, trang giấy, tập sách, với nét mặt hẳn những ưu tư, vừa đắm chiêu lại vừa thơ mộng, vân vân...

Đừng ai đợi như thế ở Nguyễn Hồng.

Tưởng tượng như thế, không bao giờ trông thấy Nguyễn Hồng.

Lần ấy, trong kháng chiến chống Pháp, ở một hàng cơm dọc đường, quăng Ba Giảng gần tới Đại Từ, đường đi thị xã Thái Nguyên trên Việt Bắc. Sáng ra, theo thói quen của phố kháng chiến, vách nữa, mái nữa ghép dựa nhau, lèo tèo, vừa bảnh mắt, nhà nào cũng đã dọn đồ đạc giấu vào bụi cây, bờ rào và khách trọ thì sấm nắm đi sớm. Để tránh máy bay.

Thế mà trong góc cái giường giát nữa lạch cạch ở gian trong vẫn còn có một khách trọ nằm co quắp, run rẩy, rên rỉ. Khốn khổ, người đi đường ấy đương lên cơn bệnh sốt rét.

Một người khách khác cũng nghĩ đêm ở nhà hàng đang soạn ba lô, sắp bước ra cửa. Bỗng ngừng lại nhìn sang giường có tiếng rên trong bóng tối âm trầm.

- Anh làm sao thế? Sốt ngã nước à?

- Hừ... hừ...

- Tiêm nhé. *Ki-lô-phoóc(1)* mạnh đấy. Nhưng mà dậy đi được ngay.

Người khách sốt sắng nọ hỏi nhà hàng lấy nồi đun nước luộc kim. Rồi trèo vào chỗ người ốm nằm, tiêm luôn.

Cái người tốt bụng ấy là nhà văn Nguyễn Hồng.

Chúng tôi đã thuộc tính Nguyễn Hồng, cạnh chiếc ba-lô con cóc trên lưng, trong cặp đúp(2) da bò nâu xỉn giữ gìn từ ngày trước cách mạng vẫn được tha đi bất cứ đâu, Nguyễn Hồng xếp chồng bản thảo, lại còn lỉnh kỉnh những hộp tiêm, kim tiêm, nhiều thứ thuốc tiêm, thuốc uống, thứ cho không, thứ bán, phân minh, ai nhờ tiêm, Nguyễn Hồng tiêm ngay. Lại còn hỏi bệnh, đoán bệnh và bảo người ta phải để mình tiêm. Như một thầy thuốc, một y tá thực thụ.

Như thế, nhà văn đi đường lẩn vào đám đông. Cái quần nâu, tấm áo cánh mờ hôi muối ăn đã bạc cả hai vai, chiếc mũ lá cọ, đôi dép lốp chẳng khác chút nào với màu sắc, dáng nét những người đi chợ, người nghỉ quán hàng, người trên đường.

Nguyễn Hồng chen vai giữa mọi người, như mọi người. Nét mặt lúc nào cũng dăm dăm - không phải khó dăm dăm, mà dăm dăm chăm chú, dường như ít khi rời rã, cả lúc đương đi. Người nhanh nhẩu trò chuyện hay có ý kiến với xung quanh. Cái bà này mắt để đâu, sao mà quang gánh nghênh ngang, sắp đâm vào người ta kia kia. Nguyễn Hồng giơ tay gạt gạt: đi cho ra hàng ra lối chứ. Một người xách bu vệt vào chợ. Vệt của nhà à, đúng rồi, vệt của nhà mới béo nần nần ra như thế chứ. Đám gì mà quần lại như ở sân chợ gà như kia. Sao? Trẻ con đánh nhau. Này các con ơi (các cháu ơi), quá tay mà rách áo rách quần thì rầy rà đấy. Thôi mỗi đứa nhin nhau một tý.

Chúng tôi ngồi nhìn cửa sổ trên gác xuống đường Hàng Bài. Bỗng chốc, nhà thơ Thế Lữ đội mũ phớt, lưng thưng qua dưới bờ hè. Nguyễn Hồng gọi to: "Thế Lữ! Thế Lữ". Rồi chạy sầm sầm ngay xuống, tay bắt mặt mừng chào anh Thế Lữ, vỗ vập như lâu lắm mới gặp:

- Tôi nhớ suốt đời Tiếng sáo Thiên Thai, từ ngày xưa ở Hải Phòng kia.

Rồi cứ nắm tay ông Thế Lữ, Nguyễn Hồng cất tiếng sang sảng đọc to một mạch bài thơ Tiếng sáo Thiên Thai, trong khi người đi trên hè phố và cả lũ trẻ con dần dần xúm lại quanh hai người.

Đã nhiều lần chúng tôi lên nhà anh ở Nhã Nam.

Một quả đồi cạnh chân rừng vùng Yên Thế. Đây là nơi tản cư khi kháng chiến, ở cùng chỗ với gia đình các nhà văn Ngô Tất Tố, Kim Lân, họa sĩ Trần Văn Cẩn và Tạ Thúc Bình... Đến khi hoà bình, mọi nhà về xuôi, Nguyễn Hồng cũng dọn về Hà Nội ít lâu rồi bầu đoàn thể tử lại lên, thế là một mình nhà Nguyễn Hồng ở đây, thành quê.

Tôi xin nói về nơi làm việc và cung cách làm việc của nhà văn. Đây là gian nhà ngang vách đất cạnh bếp trống hốc. Đứng ngoài giọt gianh trông xuống chân đồi, thấy mặt ruộng liền vào đến viền rừng xanh sẫm.

Nguyễn Hồng thường ngồi yên hàng giờ, lơ đãng nhìn thăm thẳm. Bàn làm việc là chiếc chõng tre, chập tối lại bê ra đầu hè, nhà văn và các con nhỏ nằm chơi xem sao, tìm con vịt bơi trên sông Ngân Hà.

Mảnh chiếu trải xuống mặt đất thay ghế ngồi. Lúc nào mỗi, ngả lưng luôn xuống chiếu. Nguyên Hồng ngồi xếp bằng tròn trên chiếu. Mảnh ván gỗ che mặt chống lổn nhổn những trang giấy học trò có kẻ xanh.

Và lọ mực tím, cái bút quản gỗ. Thứ giấy ấy, mực ấy có lẽ Nguyên Hồng đã dùng quen từ thời xa xưa Những ngày thơ ấu đến bây giờ. Cứ thế, ngoẹo người, trễ kính, hí hoát viết một thôi một hồi. Đôi lúc, đứng dậy, ra cái sân trước mặt, khua khoáng chân tay máy động tác thể dục. Có khi lấy chiếc thùng, xấm xấm xuống cái giếng chân đồi, xách lên mấy thùng nước giúp chị ấy chốc nữa thổi cơm.

Không phải Nguyên Hồng chỉ mới quen giản dị ở cái khi ai cũng ba lô trên lưng, thời kháng chiến. Từ trước năm 1945, hồi vợ chồng Nguyên Hồng thuê nhà dưới bãi Phúc Xá, đã thế. Ở Hà Nội mà chui rúc ngoài bãi trong mảnh mảnh cửa, kê vừa một cái giường, còn hòm xiềng, nồi niêu và mấy cái hoá lò, mấy bó củi nhét cả dưới gầm. Đến bữa, chị ấy lôi các thứ ra nhóm bếp, Nguyên Hồng ngồi trên giường - ngồi xếp bằng từ ngày ấy, hai đầu gối vênh lên, và viết. Đọc Nguyên Hồng, bạn đọc hẳn đã được biết chiếc phản mọt cạnh vại nước trong gian nhà ọp ẹp với một thanh niên mê mải cầm cúi ngồi viết, từ thuở ông kể mình đã viết Những ngày thơ ấu như thế nào.

Khi người viết say mê đưa xuống ngồi bút những điều mình ấp ủ, không hề biết đến xung quanh nữa, miễn sao có mực, có bút và chỗ kê được trang giấy lên.

Nghề nghiệp nhà văn bè bộn giữa mọi người, mọi nghề trong xã hội. Nỗi lo suốt đời của Nguyên Hồng là những tập bản thảo.

Hầu như những thú vui, cả những khó nhọc, khi có tiền cũng như xưa kia đói khó, miếng cơm manh áo, tâm hồn và tất cả, chỉ tận tụy gắn bó với những công việc sáng tác.

Những năm gần đây. Nguyên Hồng đã có tuổi, thỉnh thoảng lại khoanh tay đấm lưng thùm thụp.

Nguyên Hồng chữa đau lưng bằng rượu ngâm vỏ quít và cách đấm lưng như thế. Một người hay tiêm hộ cho người ta, tiêm cả lúc đi trên xe hoả, mà không lấy y bạ, chẳng hề biết đến cửa bệnh viện. Thế nhưng, vẫn cọc cạch cái xe đạp thiếu nhi Liên Xô không phanh, màu xanh rờ thủng thỉnh Hà Nội - Nhã Nam. Ấy là nói chuyện gần đây đấy.

Nguyên Hồng thường kể cách thức mình đi xe đạp từ Hà Nội lên. Không phải than thở, cũng không hẳn thích thú, nói vui bình thường thôi. Ngày trước đi một mạch không biết cả đêm tối, lúc nào về đến nhà cũng thế. Bây giờ không "hái hăng" thế được - tiếng nói rộn của Nguyên Hồng. Phải chia ra từng trạm. Nhà trọ ngả lưng, trạm số một ở dốc Vân. Cơm nước nhà hàng này khá. Và lại đi lâu năm, hàng cơm đã quen khách. Đến Bắc Giang, có nhà thẳng con công tác ở đấy. Từ thị xã lên, còn trạm nữa, trạm nữa, cung đường dài, cung đường ngắn, tùy sức chân đạp và mình phải tính. Đấy, đấy... Cái xe đạp con con, lúc ở Nhã Nam xuống, thò nào lặc, nào rượu ngâm vỏ quít, khi lên cũng trăm thứ bà rần. Ghé vào cửa hàng quốc tế phố Hàng Trống mua đôi chiếu. Xách ra, buộc dọc vào khung xe, lại lạch xạch thò lên Nhã Nam. Lúc đạp, lúc dất, vẫn vậy.

Đối với Nguyên Hồng, quần lành áo tốt hay áo quần lôi thôi, đều chỉ như vậy. Năm ấy, tình

cờ gặp nhau, có cả Nguyễn Tuân, ở khách sạn Bắc Kinh trung tâm Mát-xơ-va. Chúng tôi chén một bữa linh đình, mời cả bạn nhà văn Liên Xô. Mừng thọ nhà văn Nguyễn Hồng sáu mươi tuổi. Nguyễn Hồng, đôi giày mới chững chạc, thắt cà-vạt cẩn thận. Nhưng, làm sao mà vẫn thấy trong cái bề ngoài tươm tất ấy, con người tất bật, luộm thuộm như mọi khi, ở chợ Bắc Qua, ở dọc đường lên Nhã Nam.

Nhà văn Pháp Pier Abraham (1892-1974) chủ nhiệm tạp chí Châu Âu đến Hà Nội, tiếp Nguyễn Hồng ở khách sạn Thống Nhất. P. Abraham đã viết trong ký sự thăm Việt Nam về buổi gặp gỡ đó trên tạp chí Châu Âu "Như từ bờ bãi sông Hồng đổ rục gió cuốn đến đây, nhà văn lớn này là người của đất, thật là người của đất".

Lại kể chuyện đùa về Nguyễn Hồng. Như thế, mới hợp với anh ấy. Tính riêng tôi vốn ưa thăm lạng, vui mình vào một xó. Lắm khi, đột ngột, Nguyễn Hồng can thiệp ồn ào vui vẻ với xung quanh, mà mình cứ ngỡ ngỡ ngỡ người. Cả những khi thông thả đi chơi cũng vậy. Chúng tôi hay uống bia ở một quán bia hơi gần phố Huế. Những năm ấy, các hàng bia chưa có cốc vại, người Hà Nội mới quen với cốc bia pha nước ngọt si-rô. Khách biết uống, chúng tôi đã thân ngay với nhà hàng. Mỗi lần xe bia về, người xích-lô đẩy những thùng bia xuống đường. Cứ tự nhiên, Nguyễn Hồng ra ghé vai vác thùng bia vào. Bà hàng bia béo phục phích, cũng cứ tự nhiên đứng nhìn, không cười không cảm ơn ông khách tốt bụng. Nguyễn Hồng hì hục vác cả bốn thùng, lại còn cẩn thận kê một thùng lên bậc cửa, đặt vào chỗ cho bà ấy mở chốt rót cốc bia đầu tiên, chẳng bao lâu, mọi lần xe bia đến, thấy chúng tôi, người xích-lô đã quen mặt, lại gọi to:

- Ông khách ra đỡ một tay nào!

Thế là Nguyễn Hồng lại ra tận xe khiêng thùng bia, người xích-lô khói đạp thùng lăn xuống hè. Sau đó, người xích-lô và chúng tôi uống những cốc bia mới nhất vừa rót trong thùng ra. sáng khoái.

Bà hàng bia người đẩy đà ở cái phố khuất nẻo nọ không bao giờ biết bạn tôi là ông nhà văn. Cũng như năm trước, người đi đường được tiêm phát thuốc sốt rét và cũng nhiều người khác nữa, đâu biết cái ông dễ tính ấy là ai. Bà hàng nghĩ đấy cũng là bác xích-lô, bác xã viên hợp tác xã nghề mộc: nghề đan lát ở quanh đấy ra uống bia và cũng có ý bõm xòm bà và bà đã lợi dụng sự phải lòng đôi chút quá mùa ấy. Có lẽ Nguyễn Hồng cũng nghĩ về mình chẳng khác bà hàng bia.

Nghề văn một nghề lương thiện như mọi nghề trong xã hội, có gì mà phải khoe với ai.

Nhất nghệ tinh... Đã gọi là nghề cơ mà. Sự quý trọng: công phu trau dồi, rèn luyện của Nguyễn Hồng đối với nghề, những cái đó mới là điều đáng quan tâm cả đời. Nguyễn Hồng giữ gìn từng trang bản thảo. Cẩn thận đến độ đi đâu cũng ôm đồm vác theo. Không yên tâm để chỗ nào. Sợ lạc, sợ mất, Nhà văn quá lo lắng về bản thảo còn hay tưởng ra những việc oái oăm bi đát nhất, không dễ gì xảy ra: để ở đây, ngộ nhà nó cháy thì sao. Thôi, chịu khó đem theo. Cẩn tắc vô áy náy...

Nghề văn cũng là trăm nghề lao lực, lao tâm như mọi nghề. Những bản thảo, sự sáng tạo, cái dáng ngồi nghiêng nghiêng vất vả, thật quan trọng, thật nghiêm.

Cống hiến của tác phẩm Nguyễn Hồng vào kho tàng văn học Việt Nam thế nào, nhà phê

bình cực kỳ vô tư là thời gian đã lên tiếng và sẽ đánh giá. Nhưng tôi nghĩ thái độ, cách sống hàng ngày về nghề nghiệp, cho nghề nghiệp của Nguyễn Hồng thật tỏ rõ trách nhiệm với ngòi bút.

Làm sao mà quên được chợ Bắc Qua những năm ấy.

Chúng tôi đi chợ Bắc Qua đã bao nhiêu lần, nhưng khi nào nhớ lại cũng nhớ những đêm chợ vào mùa đông thời chống Mỹ. Người ta đi suốt đêm, chợ và phố xá suốt đêm, có lẽ đấy chỉ là tưởng tượng và còn lẫn lộn theo kỷ niệm. Mỗi khi Nguyễn Hồng về Hà Nội, thế nào chúng tôi cũng đi Bắc Qua.

Bấy giờ lại đương độ máy bay Mỹ đánh phá vào Hà Nội. Suốt ngày, trời thành phố rả rích còi báo động.

Loa, đài báo "máy bay địch cách hai mươi, ba mươi ki-lô-mét... mười ki-lô-mét! rồi máy bay địch đã bay xa..." Hồi ấy, tôi cũng đương làm công tác khu phố. Đêm thường cùng ban bảo vệ đi tuần. Nguyễn Hồng thích đi với tôi, đòi đeo băng đồ cẩn thận. Chúng tôi la cà ra cửa ga - ga Hàng Cỏ thức suốt sáng. Làm cốc bia hơi mậu dịch rồi kéo bộ thẳng lên chợ Bắc Qua vào nửa đêm.

Chợ Bắc Qua đêm đông hơn cả ngày, nhất là từ quãng một hai giờ sáng đổ ra. Người các miền giáp ranh Bắc Ninh - Bắc Giang về chợ kìn kìn gồng gánh suốt đêm sang sông.

Nói theo tiếng chợ búa, chợ Bắc Qua, cái chợ đổi vai: Mọi vùng bên sông phía bắc thành phố, từ thật xa trên Cao Thượng, ở Quế võ bên kia bến Hồ, người buôn, người trồng tía đưa xuống thành phố mọi thứ rau quả, mùa nào thức ấy. Xe ba gác cải tiến và người gánh nào cà-rốt, su-hào, nào cải bắp, cải bẹ, cải Lạng Sơn, hoa lơ. Những bó hành hoa, củ trắng nõn xếp chặt cả hai bên thùng sau xe đạp.

Những xe đạp thồ gà, chim câu, chim sẻ. Áp tháng chạp dương lịch, tiếng gà tây kéc kéc kéc loạn gầm cầu Long Biên. Vùng bến Hồ có nhiều hợp tác và nhiều nhà mới biết nuôi gà tây. Gà tây bên Bắc được thồ về, nhà Hoả Lò ra mua làm cỗ lễ Noël cho tù binh giặc lái Mỹ - phong tục nước Mỹ, tết năm mới nửa đêm nhà nào cũng chén thịt gà tây. Thế là chợ Bắc Qua mỗi cuối năm lại nẩy nòi ra mặt hàng mới. Và hầu khắp các chợ nội với các hàng bán rong phố từ trong cầu Giấy lên Bưởi xuống Ô cầu Dền đều ra chợ Bắc Qua đợi mua rau cỏ bên Bắc sang. Đổi vai đòn gánh bán cát bán mớ ở chợ ấy người ta quẩy vào các chợ trong, chợ đông vui suốt đêm, khắp các ngã. Đèn đường loáng thoáng và mỗi xó một đóm đèn con le lói, như hội làng ngày trước. Lúc còi báo động, chẳng còn một ánh lửa. Trong bóng tối, tiếng rào rào râm rân. Chúng tôi len vào, kẻ mua người bán xúm xít quanh các hàng cơm bát, gánh cháo lòng tiết canh, thịt chó, thúng bánh cuốn và miến dong riêng. Hàng nào cũng sắp sẵn đôi quang, có báo động một cái, gọn ghẽ ngay.

Những lúc ấy mắt Nguyễn Hồng ánh lên, gò má bóng nhẵn chòm râu hắt ra như người ốp đồng lấp bắp sắp nói. Những đêm vui, đầm ấm, thú vị của Nguyễn Hồng ở chợ. Quang cảnh ăn uống, lẫn lộn quanh gánh với người nằm ngủ úp nón lên mặt, người đương bơm xe sắp sang cầu, một cái bu sắt nhốt chó với cả những thò hành hoa vừa tới. Tiếng à àm àm không ngớt líu tíu bổi rổi mà lại như rẽ ràng, đầu ra đây, về lộn xộn lẫn với nền nếp của cái chợ đêm lấm thức mua bán.

Nguyên Hồng ngồi ngất ngưỡng, bắt chuyện với mọi người. Chỗn hàng quán giữa chợ, ai cũng vui tính cả ồ, những người bán quán chợ Bắc Qua, chẳng ai buồn lưu tâm, chắc lại như cái bà bán bia dưới phố Huế, ước đoán già ra cũng chỉ ngỡ đấy là ông lão kỹ tính, theo con cháu xuống chợ. Đứa cháu mới đi thò lần đầu, ông phải chịu khó đi theo bảo bạn chúng nó.

Ông lão ấy vào hàng ăn uống, vừa gắt với lũ cháu bướng bỉnh rồi lại cười xoà. Những ông lão trong làng ra chợ búa thành phố, nửa lảm cẩm, nửa cẩn thận, hay hỏi dớ dẩn như thế, ở chợ đêm Bắc Qua này chẳng thiếu.

Hồi ấy, Nguyên Hồng đã để râu. Bộ râu ria lưa thưa mà chúng tôi thường đùa: bộ râu già nua của ông không hợp với hai con mắt lúng liếng nhanh như chớp còn tống tình được của ông. Nguyên Hồng rung đùi, cười khơ khớ, nói: "Quái quý! Quái quý!". Chẳng hiểu tự cười mình hay thú vị vì câu nói đúng.

Vậy mà cả đến bộ râu hiêm hơi ấy cũng chẳng phải Nguyên Hồng cố ý điểm trang cho vẻ già của mình đâu. Nguyên Hồng để râu khoảng ngoài năm mươi. Nhưng nói Nguyên Hồng để râu, chữ nghĩa cũng sự việc chưa thật chính xác. Nguyên do là lăm khi Nguyên Hồng ở bên cả mấy tháng trên Nhã Nam, ngày đêm viết miệt mài. Mấy năm, xong cả bộ tiểu thuyết Cửa biển, vở kịch Thái hậu Dương Vân Nga, đôi khi cao hứng, làm bài thơ, hay viết cho thiếu nhi.

Ở nơi khuất nẻo, hết dao cạo râu. Hồi này, lưỡi dao cạo không dễ kiếm. Thế là mặc kệ, rồi đâm quen. Chỉ vậy thôi, thành "để râu".

Những đêm chợ Bắc Qua, những đêm chợ Bắc Qua. Chẳng mấy chốc, ông nhà văn đã như hàng xay hàng xáo với mọi người từ bao giờ. Giá hành, cà chua ra sao. Đem được mấy chục gà tây xuống, ở nhà còn lúá nào không. Đợi tuyển quân trên ấy đã xong chưa, à ra thế.

Lại nói lỡm, lại đùa nhả, cấu véo, đẩy vai nhau.

Chuyện cứ nỏ ngô rang. Ông bên cạnh vừa nói choang choác đã đắp mảnh ni-lông, gói đầu lên chiếc đòn gánh đặt ngang vành bánh sau xe đạp. Tiếng ngáy khò khò hoà tiếng rào rào không dứt của buổi chợ đêm đương đông.

Bỗng còi báo động trên đầu cầu Long Biên rú lên.

Đèn điện và các đóm đèn dầu lập loè, vụt tắt. Bóng Nguyên Hồng khom khom đứng lên.

Nguyên Hồng hét:

- Đâu ngồi đấy nhé, đâu cứ ngồi đấy nhé!

Hai tay Nguyên Hồng dang ra. Nhưng chẳng đợi có người quát lên như ra lệnh thế, cái chợ mới khỏi nhốn nháo. Chợ không vỡ đâu. Chợ đêm thời bom Mỹ có qui luật và nền nếp chợ thời chiến. Tiếng ồn vẫn tiếp tục đều đều mọi chỗ, nghe rõ cả tiếng cất nem, tiếng kéo tanh tách của anh hàng đu đủ thịt bò khô và những lời lẽ ngã giá thúng cà chua. Đằng kia, bọn gà tây bị nhốt trong gài cầu vẫn khục hục, khếch khếch rộn rã. Và, ngẩng đầu, trên mênh

mông trời nhưng thắm, rét ngọt, long lanh những vì sao. Cái chợ không biết bóng tối và đường như không nghe tiếng còi báo động, nhưng đã ra một vé thích ứng tối mò mò.

Nguyên Hồng rất mê chợ. Chúng tôi cũng nghĩ giống nhau. Cái chợ giúp ta biết nhanh mà chính xác về sự thật tình hình trong vùng. Không phải chỉ những thứ đem ra chợ, mà chính trị, kinh tế, văn hoá, phong tục, đủ vẻ, đều có thể trông ra cái chợ mà luận ra.

Nguyên Hồng nói:

- Học đấy chứ đâu. Người ta nói bao nhiêu chữ cho mà học, mình biết cái mách gì. Cái bà hàng gọi lão nằm ngủ lúc còi báo động: trối, trối, đúng là người chợ Thắng. Trên ấy người ta nói: trối trối. Chứ không nói đầy đủ: trối dậy, trối dậy đâu nhé. Chữ nghĩa hình thức trong sách lại đâm ra thừa.

Từ những nhỏ nhặt bình thường trong ý ăn nhẽ ở hàng ngày, mọi lúc, đã hoà liền như dòng máu cùng trên cơ thể, với tư tưởng và nghệ thuật của ngòi bút.

Thực tế sâu sắc tự nhiên như đời sống con người đã góp phần tạo ra tâm hồn và phong cách sáng tác, một khi quan niệm được cốt cách một tác phẩm nhất thiết phải bắt nguồn từ mọi mặt của xã hội, từ tâm tư tình cảm cuộc sống con người, trong đó có người cầm bút.

Toàn bộ tác phẩm Nguyên Hồng, từ hồi ký Những ngày thơ ấu đến bộ tiểu thuyết lịch sử Núi rừng Yên Thế viết chưa xong, mỗi tình huống được sáng tạo, ở nhân vật nào, vấn đề nào, tinh thần nhân đạo của tư tưởng chủ thể thật đậm thắm, thật thiết tha từ bắt đầu như thể. Một đời chuyên cần, yêu thương, mãi mê...

Lại thấy ra bao nhiêu điều muốn nói nữa về Nguyên Hồng. Ngỡ như chưa biết đặt bút từ đâu, từ kỷ niệm nào.

Thường thường đêm Nô-en chúng tôi hay đi chơi quanh hồ Hoàn Kiếm rồi vòng vào nhà thờ Hàng Trống. Cả đêm Nô-en 1972, trận Điện Biên Phủ đương ác liệt trên trời Hà Nội. Và đêm Nô-en năm trước, ở hiệu cao lâu ông Khải 202 phố Huế ra.

Chúng tôi dừng lại trên hồ, chỗ ánh điện ngõ Bảo Khánh trông xuống.

Tôi kể với Nguyên Hồng:

- Nhà chị Vân Đài ngày trước ở đầu phố này trên hàng Trống. Chị bảo khi còn nhỏ, bờ hồ còn ăn sâu vào tận đây. Nhiều cầu ao nhà trong phố bắc ra hồ, tắm giặt, vo gạo, rửa rau.

Nghe thế, Nguyên Hồng bỗng sa nước mắt.

Nguyên Hồng vốn mau nước mắt. Chắc câu nói vừa rồi của tôi gợi điều gì Nguyên Hồng đương nghĩ.

Chú thích:

(1) Một thứ thuốc chữa sốt rét

(2) Cặp hai ngăn

Hàng cơm đêm

Nguyễn Hồng mà viết về sinh hoạt trong một xóm nghèo thì cảnh với người cứ hiện ra rõ mồn một trước mắt ta. Như thế là vì ông chính ở trong ấy. Văn ông, từng chữ, viết thẳng từ đời. Mọi nghệ phẩm giá trị đều thể hiện tâm hồn tác giả. Trong Hàng cơm đêm, tâm hồn nhân ái của Nguyễn Hồng "hiện" thành cô Vịnh, cô gái đối với những người nghèo khổ luôn cảm thấy "rất gần họ", "tin cậy họ lắm" và lúc nào cũng "ân cần dịu dàng" với họ, hết sức giúp đỡ họ... Có người lòng tốt mà không tích cực. Có người lòng đã tốt mà tay lại luôn nhanh nhẹn đỡ nâng người. Đọc văn, đọc đời, thấy Nguyễn Hồng luôn lòng đau tay đầy. (Thu Tứ)

- Vịnh ơi! Mày sang xem chị Mấn đã về chưa?

- Mới có ba giờ, chợ còn đông, ai người ta chịu về mà sang?
Vịnh vẫn phải nhẹ nhàng giả lời mẹ.

Người mẹ càng dần dỗi:

- Thế có bằng giết người không! Thức ăn hết cả rồi mà chưa có một tý rau cỏ, cá mú gì. Lần sau thì tiên nhân ai dám nhờ cái thứ mặt nó nữa.

- Thì còn đầy vại dưa mới muối, mà người ta đang rao rươi kia kia, nhà mua lấy vài chục bát vừa làm chả, vừa xào củ cải bán cũng đủ mà.

Nghe người con gái nói lại người mẹ rít hần lên:

- Nhưng muốn xào nấu gì thì cũng có hành có mỡ chứ. Mà liền mỡ không còn lấy một giọt thì làm được cái gì? Cái con chết phải gió ấy nó làm nhỡ hết buổi của người ta rồi! Chỉ được cái miệng xoén xoét lúc mượn tiền đi chợ thôi.

Người mẹ dứt lời, một người đàn bà đặt phịch một cái thúng cấp ở nách xuống đất, vồn vã:

- Bà mua cho con nốt chỗ rươi này, còn tươi lắm.

Mẹ Vịnh không mua nhưng cũng ngửa miệng hỏi:

- Bao nhiêu một chục?

Người bán ngọt ngào:

- Bát của con to mẹ ạ, mẹ cho con bốn hào một chục, con chỉ dám lấy vốn mẹ thôi.

Mẹ Vịnh lờm người bán hàng một cái thật dài:

- Bốn hào thì đem đi. Hôm nay đầy một chợ rươi, rẻ thối ra kia kia.

Bà nói thế chứ thật bà có ra chợ đâu mà biết nhiều ít. Nhưng người bán vẫn tươi cười:

- Thì mẹ giả cho con bao nhiêu? Con nói thế chứ có đòi được cả thế đâu mà mẹ đuổi như đuổi ăn mày vậy.

Một giọng vồn vã khác bỗng chen vào:

- Mẹ ơi! Còn mấy cân vừa thịt vừa mỡ đây, mẹ mua cả con bán rẻ nào.

Mẹ Vịnh vẫn cái giọng san sát:

- Thuận mua vừa bán, chả ai thèm lấy rẻ của các chị.

Người hàng thịt cười ròn:

- Sao hôm nay mẹ khó tính thế? Vậy thì con nói bán thật đắt cho mẹ vậy.

Khi ấy Vịnh lần lượt lật những vỉ buồm đầy rổ thịt và thúng rươi lên. Rươi còn tươi, lúc nhúc đến lưng thúng, bốc lên một mùi tanh nạo ruột. Vịnh lại còn xóc mạnh để đảo những lượt dưới lên. Cũng như trên còn tươi lắm, cả mỡ rươi này nếu xào nấu bán thì không ai đã ăn một mà không ăn hai. Vịnh liền đưa mắt nhìn những chai rượu ty xếp thành ba hàng trên cái tủ gỗ con ở mép chõng bán nước. Vịnh lại xem lại mỡ thịt. Tuy bán rẻ nhưng không phải của ôi. Ba miếng mỡ lá toàn những thớ nước mọng. Miếng thịt bì mỏng, khi luộc chín, thái vừa dôi vừa bày đẹp đĩa. Nhưng người con gái không dám bảo mẹ mua. Y chỉ trông lên mẹ bằng hai con mắt lấp lánh. Bỗng y reo lên. Bà mẹ bước vội xuống đất, nhô đầu ra ngoài, tiếng nói lại sa sả:

- Mày chợ búa gì mà đến giờ mới về? Có chết đâu thì cũng phải dõng dặt chồng con nhà mày và người ta lấy một câu chứ.

Người đàn bà đội nặng nợ cười, ị ạch đặt cái thúng xuống ghế:

- Gớm! Mẹ chỉ được cái độc miệng. Mua bán cho mẹ còn phải mặc cả chứ. Ngày tư phiên chính, người đông như kiến, dễ chen chân lắm đấy.

Vịnh và mẹ đã lấy ra nào cá, thịt, rau, đậu để kín cả mặt ghế. Mặc những tiếng chê ỉ oi của mẹ Vịnh, người đàn bà mua hộ chỉ cười và nhả mặt đưa mắt cho hai người bán rươi và thịt đương chực. Vịnh cũng cười với hai người nợ. Xếp nốt những mỡ hành, rau thơm, ớt, tỏi vào rổ, Vịnh lần lượt bưng xuống bếp cạnh cầu ao.

Thức ăn và đồ nấu chỉ một lúc là sửa soạn xong. Tất cả những nồi, niêu, xanh, chảo, không như của những hàng khác chỉ tráng qua một lượt nước rồi đem thổi nấu, đây đều được Vịnh kỳ cọ không còn một tí nhớt nháp. Thịt cá thái xong, thức nào sẵn sàng với gia vị ấy, Vịnh chỉ còn việc nhóm bếp.

Bóng mờ xám nhạt đã chập chờn lan ở đằng xa. Mặt nước ao hồ và những thửa ruộng xanh ướt át trong một thứ khói đục lờ lờ. Vài miếng trời vàng úa rung rung giữa những khoảng trống ở mấy lũy tre, mấy chòm cây xào xạc.

Thứ tiếng ồn ào đều đều đã có từ bao năm khi ánh nắng hấp hối giờ đây cũng lại nói nhiều về cuộc đời như chiều hôm qua, hôm kia và những hôm đã lâu. Những tiếng chuông xe đạp bấm liên thanh là của những người học trò rất nghèo, khát học để cướp lấy mảnh bằng cơm gạo cho cả nhà, và của những người đi làm ở những sở xa về đã đói ngấu, mệt nhoài. Những tiếng guốc khuya, những tiếng xe bò âm âm vì đường gồ ghề, những tiếng xềng, cuốc và ván gỗ

trong thùng xe xô đẩy nhau, nhảy lên, nhảy xuống, những tiếng ấy là của những thợ nhà in, thợ nhà máy gạch, phu hồ, phu than ở những xóm trong cùng, họ đi làm lúc còn tối đất giời về cũng lại tối đất, nên càng mãi miết hơn. Những tiếng huyên náo của họ lúc vào trong xóm gần trùm lên cả những tiếng náo động khác. Hai bên đường dần đến kẹt những người và vật lố nhố. Những người bán hàng ở các chợ trên phố đóng cửa sớm đuổi ra và đi bán rong dòn về, lại họp chợ ngay cạnh đường, lại mời chào, mặc cả, cãi cọ âm ỹ. Lắm kẻ lại còn vừa phải bán hàng vừa dỗ con bé bú, vừa đánh mắng sa sả những đứa lớn cứ lèo nhèo mếu máo vòi quà.

Vịnh đã làm xong chả và rươi xào. Vịnh chuyển dần lên nhà. Người ăn đã đông. Toàn những kẻ quần áo rách rưới, lấm láp và khét lẹt những mùi dầu mỡ, khói, bụi và bùn đất đầm lấm ở những xưởng máy, những kho hàng, những lán gỗ, những hầm tàu. Họ vừa ăn, vừa chuyện trò, hỏi gọi nhau ồn ồn. Những chị phu hồ, phu than ríu rít như chim sẻ. Trong khi ăn, họ nô nghịch hơn cả đàn ông. Chửi đùa nhau, khèo bát này, chọc đĩa khác, họ cười nói không ngớt. Bản tính dễ dãi, vui tươi của họ vang lên trong những tiếng cười đến lúc này người ta mới được thấy biểu lộ sau một ngày đầu tắt mặt tối vượt mồ hôi không kịp.

Hàng đã phải thấp đèn. Đứa em gái Vịnh luôn tay lau chùi bàn ghế dọn dẹp bát đĩa và bưng thức ăn cho mọi người. Mỗi lần Vịnh bưng lên nhà một món ăn vừa ở xanh, nồi múc ra, Vịnh lại bị em gọi giật giọng:

- Mau lên cô, rồi lên đây với tôi chứ!

Vịnh chỉ nói nhẹ:

- Tôi thì ngồi chơi đây.

Nói thế nhưng Vịnh cố làm nốt vài món ăn nữa để lên giúp em và còn bán nước, diêm thuốc, chuối kẹo, hay tính tiền hộ mẹ. Bận rộn, vất vả thế hay hơn nữa Vịnh cũng phải chịu. Được cái tiếng đảm đang, những người con gái làm ăn còn hãnh diện hơn cả được tô điểm đầy mình những phấn sáp, vàng ngọc lụa là.

Xuống bếp, Vịnh đổ mỡ vào xanh. Mỡ chảy ra trong những tiếng xèo xèo. Một mùi thơm lừng lên qua một làn khói trắng xóa: thịt bò hành tây, tỏi bắt đầu tiết ra những chất ngọt.

Mấy ông khách già nghiện rượu đã lè nhè giục. Vịnh chất thêm đóm cho to lửa. Những thanh nứa phơi chưa khô sùi bọt vàng và thở phì phì. Những đầu củi gỗ, cháy đã thành than, đỏ rực như những khối vàng diệp. Lửa hồng tia ra làm nhiều ngọn vờn chung quanh chiếc xanh đồng có những đốm li ti vàng dính lên lượt nhọ đen xấp.

Mặt Vịnh long lanh. Gò má ửng hồng. Một mảng tóc loáng loáng. Những giọt mồ hôi lấm tẩm trên trán rồi rớt xuống má. Tấm ngực nở nang của Vịnh trong vuông yếm trắng càng phập phồng. Bỗng Vịnh cười, hai môi tươi mọng nở nhẹ trước ánh đèn nhánh của hàm răng. Trên nhà, lại những cái giọng ồ ồ vắng xuống:

- Thịt bò xào xong chưa cô Vịnh ơi?

- Đem lên chứ cô Vịnh ơi!

- Cô Vịnh ơi, mau lên!

... Cái ồn ào của chiều dần tắt. Ao bèo trước cửa bếp chìm sâu nửa dưới những lớp khói đen

nhờ. Mấy cây soan ở bờ hồ tít đằng kia đã như những nét chì than, lẫn vào nền trời tím. Nắng chỉ còn thoi thóp, theo những cánh chim bay mềm về một phía trời. Gió thổi mạnh.

Vịnh chợt rùng mình, khép vội tà áo lại, khi vừa ra khỏi cửa bếp lấy rổ rau cần để cho vào xanh thịt. Lễ mễ bụng đầy chậu thức ăn này lên trên nhà, Vịnh không phải xuống bếp nữa. Vịnh lau qua tay vào những miếng giẻ giặt ở gầm chống hàng rồi ngồi vào chỗ mình. Hết bát nước này đến bát nước khác, Vịnh lại còn nào tèm thêm trà, nào đưa cho người này diêm, người kia chuối, bánh kẹo, và tính hộ cho mẹ từng xu một bán cho khách hàng. Tóc vương cả xuống mắt, xuống cằm Vịnh cũng không dám sửa khăn lại. Và Vịnh cũng chẳng kịp để ý đến những câu hỏi ồm ồm của mấy anh trai trẻ. Nhưng cái em Vịnh thấy người ta chòng ghẹo chị mình nhiều quá thì gắt lên, vắng tục. Vịnh phải mắng nó vì cái tính đỏng đảnh ấy, và Vịnh cười nói xin lỗi những người trẻ tuổi nọ.

Không phải Vịnh lẳng lơ, chỉ vì Vịnh không muốn làm mất lòng ai. Vịnh nhận thấy rõ bọn họ có đùa cợt Vịnh chẳng qua để vui cười chứ không phải cố ý chim chuột hay mua chuộc Vịnh như với những hạng gái kiếm tiền. Thật ra cũng vì Vịnh mến họ. Những cử chỉ, những lời nói sỗ sàng là do tính tình chất phác của họ khiến Vịnh tin cậy họ lắm. Hơn nữa, Vịnh còn thấy rất gần họ. Nhiều lúc Vịnh đã thấy nao nao trong lòng nghe họ kể về cảnh sống của họ, hay khi họ oán thán những sự vất vả thiếu thốn đầy ải họ mà nào họ lười biếng, hoang phí cho cam.

Vịnh đã một lần giấu mẹ dúm trả lại hẳn hai đồng bạc tiền nợ cho một anh thợ sơn. Anh này đã sửng sốt, nhưng nhận ra Vịnh có cái cử chỉ ấy vì ái ngại cho mình, đầu tháng lĩnh tiền xong mà không còn đồng nào đưa về nhà, anh đành im lặng và cố giấu vẻ thẹn thùng. Anh đã không dám chào Vịnh, lủi lủi đi. Về nhà, thuật lại chuyện cho vợ, thì vợ anh ngay hôm sau xoắn xuýt chào hỏi Vịnh, rồi từ bấy thành một người bạn thân nhất của Vịnh.

Anh thợ này là chồng chị Mẫn, người đàn bà ban nãy mua thức ăn cho mẹ Vịnh.

Đối với ai Vịnh cũng ân cần dịu dàng như thế. Cả những với khách ăn cù nhầy. Mẹ Vịnh đã nhiều phen đay diếc Vịnh nào "hồng", nào "dại mả" nào "cứ như thế thì có ngày gì... để ngoài da" và day dứt Vịnh đã phải lòng những đứa khôn nạn ấy nên không dám đòi hỏi ráo riết công nợ. Không những Vịnh không thay đổi các tính nét nọ mà lại còn gây thêm cho mẹ những cơn tam bành, làm Vịnh bị chửi mắng tàn tệ hơn. Vịnh lại còn nằn nì xin hộ và đánh tháo cho cả những người đói quá vào hàng ăn liều, cơm rượu hẳn hoi, rồi thì lột quần áo thế, hay không thì ù té chạy...

Tối rồi.

Nhà nào nhà ấy đã lên đèn. Vài cửa hiệu tạp hóa to thấp đèn "măng-sông" sáng trưng. Quảng đường trước những nhà ấy tách hẳn ra giải đường đá gồ ghề như những miếng vải trắng xanh nối cách nhau trong tấm vải thâm. Cát bụi vẫn làm lên nhưng không rõ. Mỗi lần xe ô-tô phóng qua người ta mới thấy những làn bụi như vôi lơ rắc ra trước những khung cửa sáng. Rác rưởi đánh đống ở dưới mấy gốc cây và ở ven đường bốc lên một mùi tanh nồng, không khí nặng nề càng thấy rõ. Tới giờ lắm nhà mới bắt đầu làm bữa cho chồng con về muộn tầm, ấy là nhà chị Vượng, chồng làm thợ mộc ở nhà máy diêm, nhà mẹ Minh có hai con nhớn đi tập thợ nguội, nhà bác Chín, chồng đi bở củi, nhà bác Tý, bác Na, chồng làm phu khuân vác dưới bến tàu.

Khói bếp tím đặc quắn quýt lấy mái lá đen sẫm dần dần bị gió tản ra, lẫn với sương đêm.

Đã có tiếng rao phở, bánh rán nóng và "cà lóc dì chê"(1).

Hàng ngót khách ăn. Cái em gái Vịnh đã tót sang hàng xóm chơi với đứa bạn nhỏ tuổi như nó. Mọi khi nó phải lau chùi bàn ghế và rửa bát đĩa xong mới được đi, nhưng tối nay nó trút cả những công việc ấy cho chị. Chỉ nhìn qua em một cái rồi Vịnh làm cả mọi việc và lại nói đỡ cho nó khi bà mẹ quát gọi.

Chỉ còn vài ba người kẻ cà uống rượu và dăm bác phu xe ngồi trước cái chõng nước châu chực mua lại xe với cái giá rẻ của những bạn quen đã chạy được đủ tiền giả cai xe tiền chè chén và bữa gạo nhà. Thịnh thoảng họ lại châm lửa ở ngọn đèn hoa kỳ vắn nhỏ bằng hạt đỗ và kéo những điều thuốc lào ròn tan. Nét mặt rám nắng của họ mờ hẳn đi trong đám khói cay nồng. Họa hoằn họ mới móc ở cái cặp quần ra một chĩnh con mua nước uống.

Đường thưa người đi lại. Những cây bàng cao và to đẫm bóng tối, dãn xuống đường những bóng lá đen sẫm. Những vũng nước mà người ta đổ bữa ra, trước còn lấp lánh mấy vì sao nhưng khi nền trời đặc sương hạ thấp xuống nữa thì đen ngòm, không phân biệt trên mặt đường mấp mô.

Mẹ Vịnh đã tính tiền. Bà ngồi xếp hàng trên cái ghế dài bằng lim. Một chiếc hộp con đầy xu hào lọt thỏm trong lòng bà. Bóng bà lù lù cả một bức vách. Giơ tay lên gỡ đầu, cái cánh tay của bà khuỳnh ra dài xuống tới bếp. Đồ đạc của tất cả hai gian nhà và một gian bếp này cũng không hôi bằng cái áo dài của bà may rộng như cánh bướm và chẳng bao giờ biết mùi xà-phòng là mùi gì. Với cả cái khăn vuông ít khi giặt và cái mớ tóc trắng gàu ấy, bà rũ ra có thể đuổi ra xa không cần phải nói nửa lời với những ai cố ý kèo nèo xin xỏ, vay mượn.

Cái em gái Vịnh đã lần về. Nó chỉ dụi dụi chân vào cái chổi lúa là leo lên giường. Sợ muỗi đốt nó, Vịnh phải bỏ màn cho nó. Vịnh giữ luôn cả chăn và quạt màn cho mẹ. Rồi Vịnh thu xếp nồi niêu, dao thớt, và đóng cửa bếp lại. Nhưng Vịnh chưa được đi ngủ. Vịnh còn phải thức nữa để bán hàng. Theo thói quen. Vịnh tắt bớt ngọn đèn rồi ngồi co ro bên chõng nước.

Gió thổi mạnh, tát cái lạnh vào mặt Vịnh. Vịnh run run, ử hai tay vào nách, nép sát người vào bức vách. Sự mệt mỏi đã đè nặng lên lưng Vịnh. Vịnh thấy trên trán có một vật gì tồ tồ trĩu xuống. Vịnh gục mặt lên đầu gối, nhắm mắt lại.

Tiếng san sát của người mẹ cất ngay lên:

- Kia cái Vịnh, mày đã buồn ngủ rồi cơ à?

Vịnh choáng người, luống cuống:

- Không... không... con ngồi thế chứ có ngủ đâu.

Người mẹ cười nhạt một tiếng:

- Ừ ngồi thế chứ có ngủ đâu! Hay vào giường mà ngồi vậy.

Vịnh lại thấy đau đớn. Lờ đờ Vịnh nhìn mẹ rồi ngồi thẳng lên.

Khí lạnh đã đốt buốt chân Vịnh. Vịnh phải dậm dậm xuống đất. Tường Vịnh dần dỗi, người mẹ trừng mắt.

- Tao nói thế mà mày dỗi phải không?

Vịnh nhón nhác:

- Không con có dám làm gì đâu?
- Mà dậm chân là cái gì đấy!

Vỡ nhẽ, Vịnh đau đớn quá. Mẹ Vịnh đay nghiến Vịnh chỉ vì cái cử động tự nhiên mà bà cho rằng là một sự phản kháng. Vịnh chua xót nghĩ không biết đến ngày nào Vịnh mới thoát khỏi những sự đè nén ấy. Nước mắt của Vịnh đã lại mọng lên. Nhưng Vịnh không dám khóc. Lòng Vịnh lại mở ra để đón những giọt nước mắt thắm nọ rút xuống với những tiếng nghẹn ngào trong cổ họng.

Gió càng nổi to, sương mù thêm.

Vịnh buông tay trên đùi, thẫn thờ nhìn ngoài đường.

Trước nhà Vịnh là vợ chồng bác Nhân làm bánh cuốn. Giờ bác gái đương tráng bánh. Những ánh lửa bếp chờn vờn qua những kẽ liếp đến sáng rõ mới tắt. Lúc ấy người chồng mới dậy để đi làm, còn người vợ chợp mắt ít giờ rồi phải dậy để thổi nấu cơm nước cho con cái và đi bán hàng. Nói đến đàn con của vợ chồng bác ai cũng phải buồn cười. Lúc nhúc đúng mười hai đứa mà thằng lớn nhất mới mười ba. Người ta đã không hiểu tại sao những đứa bé ấy sống đủ cả. Nào chúng nó có được chăm bẵm, no ấm? Đứa nào đẻ ra cũng chỉ được mẹ bế ẵm nhiều nhất là mười ngày rồi thì quẳng cho thằng anh con chị, suốt ngày phơi nắng, phơi gió. Rồi ngoi ngóp ngồi vững và ăn được miếng cơm nhá nhót, sữa phần nó lại phải dành cho đứa mới đẻ và cho đứa bé khác lại mới đẻ nữa, mà ăn toàn cơm mớm, ăn cơm hột của mẹ hay của hàng xóm. Quần áo toàn của chung quanh cho. Người này cái áo cũ của con, người kia cái quần cũ của chồng. Thế mà lấm nhà giàu có hỏi xin những đứa bé ấy về nuôi đỡ thì vợ chồng Nhân nhất định từ chối.

Người ta đã nhiều lần nghe thấy người vợ nói câu này:

- Đây còn mạnh chân khỏe tay, còn kiếm được miếng thì còn là đẻ, còn là nuôi.

Và những lúc say rượu, người chồng lại thủng thẳng nói:

- Mười hai chứ đến mười lăm đứa đây cũng chẳng cần. Lớn lên, con giai, thằng cái búa, cái cuốc, cái xe, cái cày; con gái, đứa cái thúng, cái mẹt, cái quang là đủ có gạo bỏ vào nồi rồi. Không có thì làm mà ăn, chẳng luồn lụy, nhờ vả đứa nào cả.

Mấy kẻ đã phát ghét vợ chồng Nhân. Bọn họ thấy bằng ấy đứa con chẳng đứa nào được ăn học, chăm nom thì bĩu miệng:

- Rồi mà xem đấy, cứ những ngữ ấy thì chỉ đứng đường đứng chợ thôi chứ làm được cái gì!

Sẵn tức với chồng Nhân, bọn họ đâm ghét cả những đứa con. Thị của, bọn họ xúc từng bơ gạo cho ăn mà trước mặt hai người. Bọn họ còn cấm ngặt con cháu không được chơi với chúng nó, và chúng nó có bèn mảng đến thì bị xua như xua ruồi vậy.

Không hiểu tại sao lúc này Vịnh lại nghĩ đến vợ chồng nhà Nhân và đàn con lúc nhúc ấy. Vịnh có cảm tưởng Vịnh là một người rất thân trong gia đình y. Vịnh xót xa cho gia đình y nheo nhóc quá. Những kẻ hắt hủi vợ chồng y thật là ác quá. Bọn họ chỉ vì ghen với y được nhiều con đứa

nào cũng kháu khỉnh tuy bỏ lay lút, bữa cơm bữa cháo. Mà họ nào tầm bổ sâu nhưng quế phu, cầu hết đèn nọ phủ kia nhưng cứ trơ ra. Biết đâu rằng vì nhàn rỗi, sung sướng quá, không còn biết làm việc gì cho qua thời giờ, chồng, con, anh em họ đã phí hết khí lực cho cờ bạc giai gái, nghiện hút, chơi bời.

Sương mù ném xuống những mái nhà và là là cả ở trên mặt đường. Những xe tay lạng lẽ chạy qua với ánh đèn đục, lò mờ, thấp thoáng. Những bóng người thưa thớt. Thỉnh thoảng tiếng rao phở phào lên rồi chìm mất trong sương khuya. Chó của vài nhà gần đấy sủa ran ran.

Vịnh thấy lạnh thấm người và mọi vật chung quanh. Những bàn ghế, giường, phản, chõng hàng đã ọp ẹp, những bức vách nứt nẻ, loang lổ, những kèo cột xộc xệch, chằng chịt mạng nhện... dưới ánh đèn treo vàng cặn, tất cả những vật ấy úp súp, tối tàn thêm. Không phải nó đã thay hình đổi dạng trước mắt Vịnh mà nó thế nào Vịnh thấy đúng thế vậy, không như mọi khi chỉ được Vịnh nhìn qua và chẳng nghĩ ngợi gì. Vịnh hơi rùng mình, mắt chớp chớp rồi quay vào ánh đèn.

Vịnh lò mờ nhận thấy những năm tháng sống bên mẹ, bận rộn buồn bán đun nấu từ tang tảng sáng đến nửa đêm, thật là dằng dặc. Chẳng riêng mình Vịnh, cô Viễn con bà lý Cư bán mắm muối, cô Minh con ông phó Thung làm phu hồ, cô Vượng, cô Hiền con ông cụu Vịnh làm nhà diêm, cái Sửu, cái Bồng đi đội than, cũng y như cảnh Vịnh. Vài cô mới đi lấy chồng, kẻ vừa có con, kẻ đương to bụng, còn thì đều ở nhà làm lụng quần quật chờ một ngày kia về làm dâu con một gia đình mà cha mẹ kén chọn để rồi cũng lại đầu tắt mặt tối. May cô nào gặp được nhà chồng tử tế, người chồng có công ăn việc làm chắc chắn, chứ không lại như nhà mẹ Minh, cái Sửu gầy rạc đi vì vất vả lo toan, nào phần mẹ chồng, em chồng cay nghiệt, nào làm ăn thiếu thốn công nợ chồng chất, bao nhiêu miệng ăn, bao nhiêu giỗ tết, đóng góp trông cả vào mình, nào như nhà Nhân đeo đẳng một lũ con, không còn lúc nào cất đầu lên được.

Vịnh dân dân nước mắt và thấy tức ở ngực.

Hai vai gầy và đã đầy chai của Vịnh rung rung. Những cái nghẹn ngào chen lấn nhau dồn dập trong cổ họng. Tâm trí Vịnh lâu lắm mới lại bị kích thích mạnh. Vịnh thấy mình rồi sẽ như chị Mẩn, vợ nhà Nhân, cái Sửu, sống trong cảnh cùng khổ, bị hắt hủi, khinh bỉ. Đến bấy giờ Vịnh cũng sẽ vẫn ở cái xóm này, cái chỗ ở này trừ phi có bỏ hẳn đi, đổi khác tất cả thì mới mong được sáng sửa, rộng rãi.

Lá bàng rụng rào rào. Mưa bay đã lớt phớt.

Mẹ Vịnh ngáp luôn mấy cái rồi khàn khàn nói:

- Vịnh, thu chõng ghế vào đi thôi.

Một mình Vịnh chuyên hết các thức vào nhà. Chỉ còn đóng tấm phen liếp và tra gióng vào là xong. Tấm phen to, dày nặng quá! Vịnh phải hết sức mới kéo được lên thềm. Rồi Vịnh soãi chân, tỳ vai, nâng cao nó lên cho thật sát mái lá. Trong người Vịnh nóng bừng sau khi lắp được xong cái gióng cửa bằng cả một cây tre già. Vịnh kiễng chân kéo cái khăn mặt ướt vắt ở lao màn xuống để lau mặt. Vuốt miếng vải bông ướt lên trán lấm tấm mồ hôi và qua cặp mắt khô nhúc. Vịnh thấy đầu nhẹ bỗng, Vịnh thở ra một cái thật dài đoạn tìm guốc rửa chân.

Công việc chồng chất hàng ngày của một người con gái lớn trong một gia đình làm ăn đã tạm ngừng. Nhưng đêm nay, tuy rời rã, người con gái chịu khó ấy lại trần trọc không sao ngủ được.

1938

Nguyễn Hồng bên lề trang viết Nguyễn Thanh Kim

Bức vách trống

Đang viết, nhà văn Nguyễn Hồng đột ngột dừng bút, đứng dậy ngó nghiêng trước bức vách trống, lẩm bẩm không rõ điều gì. Và như bị thôi miên, ông lập cập chạy đến đóng rác góc nhà hối hả lôi ra một tờ giấy đã nhàu nát. Vừa như bị xúc phạm, vừa cảm thấy mình có lỗi, ông vội vàng đặt nó lên chiếc chõng tre quen thuộc.

Với đôi tay thô nháp, run run, nhà văn cẩn thận vuốt từng ly từng tí mặt tờ giấy đó, chỗ nào quăn và mép gầy gập ông lấy cùi tay xoa nhẹ nhiều lần cho phẳng. Bản thảo chẳng? - Không, đó là một bức tranh Đông Hồ, với những hình gà quen thuộc, màu sắc nhuần nhuyễn, tranh đã cũ, ai đó vô tình quét lẫn với rác trong nhà. Bức tranh được treo về chỗ, nơi nó đã rơi xuống. Trông bức tranh sáng sủa hơn vì ông đã dán thêm phía sau một tờ giấy trắng muốt.

Có lẽ chưa ai hiểu rằng nhà văn Nguyễn Hồng quý bức tranh đậm đà “Hồn dân tộc tươi trong” ấy đến thế.

Nhiệt tâm của Nhà văn với tác giả “Bên kia sông Đuống”

Gần 40 năm qua, bài thơ *Bên kia sông Đuống* của nhà thơ Hoàng Cầm được nhiều thế hệ bạn đọc yêu mến và chép tay truyền đọc. Ngay cả thời vượt Trường Sơn chống Mỹ, bài thơ vẫn nằm trong hành trang người chiến sĩ trên những chặng đường hành quân. Nhưng có lẽ ít người hiểu được bài thơ dài này đã được nhà văn Nguyễn Hồng trân trọng như thế nào?

Vào khoảng năm 1947-1948, nhà văn Nguyễn Hồng là chủ bút báo Quân Việt Bắc đóng ở xóm Thượng - Phú Bình (Thái Nguyên), cùng với nhà thơ Hoàng Cầm lúc đó phụ trách Đội Văn nghệ Tuyên truyền khu 12. Nhà văn Nguyễn Hồng sau một ngày làm “công việc bếp núc” của tòa soạn ngủ thiếp đi, chợt có ai lay mình dậy: “- Kia, Hoàng Cầm đấy à, có việc gì cần mình thế!”.

Nhà thơ Hoàng Cầm tay cầm mảnh giấy, khuôn mặt hốc hác sau một đêm mất ngủ, nhưng cặp mắt ánh lên vẻ nhẹ nhõm, thư thái: “Anh Nguyễn Hồng, đêm qua cán bộ và nhân dân làng tôi ở Thuận Thành lên báo cáo. Giặc Pháp chiếm hết khu Nam phần Bắc Ninh rồi, kể cả cái làng Nguyệt Cầu mà hồi nào anh chạy giặc ở nhờ nhà ông Ngọc Giao ấy! Mình xúc động viết bài thơ này đọc cho Nguyễn Hồng nghe nhé.

Nghe giọng đọc trầm ấm của Hoàng Cầm:

“Em ơi buồn làm chi? - Anh đưa em về bên kia sông Đuống...”

Tự nhiên nhà văn Nguyễn Hồng ôm mặt khóc nức nở. Ông vật mình thổn thức, nước mắt giàn giụa... Nhà thơ Hoàng Cầm biết tính ông, cứ đọc... cho đến hết bài thơ dài. Còn nhà văn Nguyễn Hồng cứ khóc... khi những âm hưởng của bài thơ kết thúc từ lâu. Rồi ông lặng lẽ rút ra 4-5 tờ giấy trắng tinh (hồi này giấy rất hiếm, ngay nhà văn cũng chỉ dám dùng giấy giang Hoàng Văn Thụ chép bản thảo của mình mà thôi!):

- Hoàng Cầm này, ông chép cho tôi ba bản thật sạch sẽ, bài thơ này rất cần cho nhiều người đọc... Nhất là các chiến sĩ ta.

Khoảng 2 tháng sau, trong lúc nhà thơ Hoàng Cầm đang hướng dẫn cho diễn viên tập vở kịch *Đưa con nuôi* thì nhà văn Nguyễn Hồng xuất hiện ở bậc cửa, tay cầm tờ báo Cứu Quốc khổ nhỏ (do nhà nghiên cứu văn học Như Phong và nhà văn Tô Hoài phụ trách): “Này Hoàng Cầm, bài của ông tôi gửi đây, giờ báo in đây!”.

Nhà thơ Hoàng Cầm run run nhận tờ báo từ tay Nguyễn Hồng. Bao nhiêu tâm sự trào dâng về quê hương ông, về cái làng Lạc Thổ phía bên kia sông Đuống, về các cô gái “môi trâu cắn chỉ”, về tranh làng Hồ. Màu dân tộc sáng bừng trên giấy điệp... đang bị giặc Pháp giày xéo dưới xuôi kia vẫn không thể làm hoen ố cái hồn dân tộc phấp phồng trên nền giấy bản lem nhem, dưới những con chữ mòn vẹt kia. Và nhà thơ Hoàng Cầm đến tận bây giờ cũng không quên được nhiệt tâm của nhà văn Nguyễn Hồng đối với ông là tác giả bài thơ *Bên kia sông Đuống* ngay từ những ngày đầu tiên ấy.

Không quá bận tâm

Trong một cuộc vui, một bạn viết văn trẻ có nói xen vào:

- Bác Nguyễn Hồng ạ, bên Liên Xô vừa in tuyển tập của bác đấy! Bác thấy thế nào?”. Nhà văn Nguyễn Hồng trầm ngâm một lúc rồi chậm rãi trả lời:

- Việc in và giới thiệu là việc của họ. Việc của mình là lo viết và viết cho hay, cho có ích. Không nên quá bận tâm đến việc in và ấn loát làm gì cho nhọc thân...

Ông nâng chén rượu lên và nói sang chuyện khác.

Tìm đâu cũng không thấy nữa

Nhà văn Nguyễn Hồng rất ưa hoạt động. Trong các môn thể thao, ông rất mê môn bóng đá. Hồi trẻ, ông đã từng giữ chân cầu thủ trong nhiều năm. Cậu con trai nhà văn Nguyễn Hồng có kể lại một chuyện về người cha thân yêu của mình: Hồi sinh thời, Nguyễn Hồng có đưa cậu đi xem trận bóng đá ở sân Hàng Đẫy (Hà Nội). Hình như là đội Cảng Hải Phòng gặp đội Công an Hà Nội. Suốt buổi xem, ông cổ vũ rất hăng hái, hò hét, tay chân vung lên, thậm chí nói cười đến... chảy nước mắt.

Có điều, ông rất ít chú trọng đến kỹ thuật đá bóng, mà thiên về nhận xét tính cách của cầu thủ: “Thằng hậu vệ này “hỗn” quá, cản bóng không được, cứ giở người ta mà nện. Đến nước ấy chỉ có thể tống cổ ra khỏi bãi mới yên được!”. Một pha bắt bóng của thủ thành ở cạnh “góc chết” khi chịu quả phạt đền. Ông reo lên như con trẻ: “Chà, một pha tuyệt đẹp. Nghệ thuật cũng chỉ đến thế là cùng!”

Xong buổi bóng đá, Nguyễn Hồng kéo cậu con trai xuống bãi, bắt tay từng cầu thủ. Riêng thủ thành, không những ông bắt tay, mà còn ôm hôn hồi lâu cảm động. “Tuyệt quá, hay quá. Thỏa quá... Trận này không có cậu cứu nguy cú sút hiểm thì... đội này hôm nay thua “trắng rồn” rồi còn gì”. Mọi người còn đang ngỡ ngác vì một cổ động viên quá nhiệt tình và hơi kỳ quặc như vậy. Khi hỏi ra biết ông là nhà văn Nguyễn Hồng, định kéo ông ra chụp ảnh chung kỷ niệm với đội thì ông và cậu con trai đã đi tự hồi nào, tìm đâu cũng không thấy nữa.

Nhuận bút ấy sử dụng sao cho ý nghĩa?

Nhà giáo ưu tú Khuất Chi Mai (nguyên là Hiệu trưởng trường PTCS xã Quang Tiến - huyện Tân Yên - Hà Bắc cũ) cho tôi biết: “Hồi sinh thời, nhà văn Nguyễn Hồng có đưa cho thầy số tiền nhuận bút cuốn sách vừa in xong tặng nhà trường mà thầy cứ bần khoản mãi.

Hai người vốn là hàng xóm nên chẳng còn lạ gì gia cảnh của nhau. Nhà văn có ẩm trà ngon cũng bảo con mời thầy sang chơi. Khi đi xa về, có chuyện gì nhà văn cũng kể với thầy. Tuy chênh lệch về tuổi đời nhưng Nguyễn Hồng coi thầy như bạn tâm giao.

Thời gian này, nhà văn rất eo hẹp về kinh tế gia đình - thầy Mai bảo thế - nhà neo bán, các con đi học xa. Chẳng hiểu nhuận bút cuốn *Sóng* găm được bao nhiêu, mà sử dụng số tiền vào nhà trường sao cho có ý nghĩa. Thật khó quá!”.

Nghĩ đi nghĩ lại, thầy Mai cất công đạp xe xuống tận Xí nghiệp ngói Bến Tuần đặt vấn đề mua ngói cho nhà trường. Nghe thầy Mai trình bày và khi biết số tiền thầy Mai mang theo là nhuận bút của nhà văn Nguyễn Hồng, các đồng chí trong Ban giám đốc Xí nghiệp đã ưu tiên cho nhà trường mua ngói loại 1, giá cung cấp và hai phòng học đầu tiên của trường PTCS xã Quang Tiến được lợp ngói. Cảm kích trước tấm lòng của nhà văn Nguyễn Hồng, cán bộ và nhân dân xã Quang Tiến đã ngói hóa toàn bộ các lớp học của nhà trường chỉ sau một thời gian ngắn.

Tình huống khó xử

Hôm ấy, Nguyễn Hồng xách nước đi từ dưới suối lên. Bỗng ông nghe ngoài ngõ xôn xao tiếng người cười nói. Chiếc xe com-măng-ca đỗ xích dưới chân đồi. Mấy người khách da trắng cao lớn, ngực đeo máy ảnh bước vào. Thì ra khách nước ngoài của Hội Nhà văn Việt Nam từ Hà Nội lên thăm. Mấy ngày nay, vợ ông xuống huyện chăm sóc cô con dâu vừa ở cũ. Chợ xa, khách lại lên đột xuất, thật bí. Ông bảo cô con gái út làm thịt con ngan đang ấp và “ốp lép” một chực quả trứng gà để tiếp khách.

Đồng chí phiên dịch can ông: “Bác không lo, chúng tôi đã mang đồ nguội lên”. Khách bày thức ăn chật chiếc chiếu trải giữa nhà. Suốt buổi, chủ nhà hàn huyên đủ chuyện. Tuy vậy, Nguyễn Hồng vẫn đứng ngồi không yên. Nhìn dáng điệu lúng túng của ông, ai tinh ý sẽ nhận ra tình thế khó xử của ông. Khách đã gỡ cho ông thế bí khi lên thăm nhà, riêng ông vẫn bần khoản vì chưa chuẩn bị được chu đáo để đáp lại sự thịnh tình của khách từ xa lại.

Về một vé đối

Nhà văn Nguyễn Hồng đang ngồi dự họp ở Vinh Phú thì có người đến đưa cho ông một mảnh giấy. Ông giờ ra đọc. Thì ra, anh cán bộ văn báo nọ biết nhà văn đang viết bộ tiểu thuyết *Núi rừng Yên Thế* liền ra một vé đối:

- Buổi sáng lên núi Sáng, trông hoa vàng lại nhớ Hoàng Hoa.

Về đối này khá hóc hiểm, vừa gợi thời gian và không gian “Buổi sáng - Hoàng Hoa” vừa gợi tên hoa, tên người “hoa vàng - hoàng hoa”, lại mở ra địa danh Hoàng Hoa Thám và nghĩa quân Yên Thế hoạt động ở vùng núi Sáng (Vinh Phúc) trong nỗi hoài vọng mệnh mang. Người ra vé đối đã khó, nhưng đối lại càng khó hơn. Xong buổi họp, Nguyễn Hồng đến xin khát một dịp khác đối lại.

Sau đó, tình cờ một buổi chiều muộn, ông đạp xe qua Phồn Xương, bốn phía sương giăng mờ lung. Tâm trí ông rưng rưng trước cảnh sắc núi rừng. Vé đối nảy ra trong óc. Nhà văn Nguyễn Hồng vội về viết thư ngay cho anh cán bộ văn hóa nọ trong đó có vé đối:

- Đêm sương đến Phồn Xương, ngắm sự thế càng yêu Yên Thế.

Vé đối này rất chỉnh về đối y, khá chỉnh về đối lời nhưng quan trọng hơn là đã ký thác được nỗi niềm tâm sự của ông đối với con người và mảnh đất Yên Thế.

Luyện thơ có như luyện võ?

Nhà văn Nguyễn Hồng có lần tâm sự với anh em làm thơ trẻ:

- Mỗi người làm thơ phải luyện cho mình một ngón độc - “độc nhất vô nhị”. Trình Giảo Kim ngón độc là búa. Lý Nguyên Bá có cặp chùy đồng... Ra trận, đối phương nghe thấy khiếp vía, vào trận chỉ có bỏ mạng. Chữ thì phải có hồn chữ, phần máu thịt nhất của nhà thơ hiện lên trang giấy. Chữ nghĩa run rẩy, phập phồng tươi mới như ép thì chẳng làm rung động được ai. Chỉ có điều khác là luyện võ thì dùng để đánh người (hay là tự vệ), còn luyện thơ là thứ nghệ thuật “đánh” vào lòng người, nhưng trong ý hướng nâng đỡ.

Cái tên nhỏ của một nhà văn lớn

Cách đây gần 30 năm, họa sĩ vẽ bìa cho cuốn sách đầu trong bộ tiểu thuyết Núi rừng Yên Thế do Hội văn nghệ Hà Bắc xuất bản, đem mẫu bìa đến, nhà văn Nguyễn Hồng rất cảm động: toàn bộ bìa được bố cục bằng mảng chữ được lặp đi lặp lại, màu sắc nhẹ nhàng chắc khỏe. Ông đặt mẫu bìa ngay ngắn trên bàn vừa nói chuyện, vừa ngắm nghía với vẻ hài lòng. Có một chi tiết mà họa sĩ nhớ mãi khi Nguyễn Hồng chỉ tên mình trong bìa sách, ông nói nhỏ bằng giọng nói lấp chân tình:

- Này họa sĩ, trước khi đưa in, cháu nhớ giúp bác bố trí cái chữ này nho nhỏ lại nhé, để to bác thấy chướng quá.

Nói xong ông cười. Hôm đó họa sĩ thấy trong mắt ông có đọng giọt nước mắt vì sung sướng.

Phụ đính:



Mợ Du

- An! An!

Tiếng gọi vừa dứt, một bàn tay nắm chặt cánh tay tôi lôi tôi đi. Tôi mở to mắt nhìn người đàn bà này. Còn tôi, càng nhìn về mặt hốt hoảng của mợ Du tôi càng hồi hộp và nóng lòng chờ một câu nói của mợ ta. Đến đầu phố mợ mới dừng lại, ghé miệng vào tai tôi:

- Thằng em Dũng đâu hở con? Con đi tìm nó cho mợ. Con bảo nhỏ thằng em Dũng chứ! Nếu nó ở trong nhà thì con chờ nó ra ngoài đường rồi hãy gọi.

Đoạn mợ ta ẵm mạnh tôi:

- Mau lên con! Mợ đứng chờ con và em Dũng ở bên đường ông Hào đấy!

Mợ Du! Mợ Du! Một người đàn bà mà hiện giờ tôi còn nhớ từng nét mặt, tiếng nói. Mợ có một gương mặt trắng mát, gò má hơi cao, mắt có quầng thâm và lúc nào cũng ướt át, lờ đờ. Tiếng nói của mợ nhẹ và ấm. Mợ đã là người bạn buôn bán thân nhất của mẹ tôi. Nhưng từ ngày mợ bỏ cậu Du, tôi ít thấy mẹ tôi chuyện trò với mợ, cho đến ngày nghe đâu mợ vào Vinh cùng với một người thợ may tây rồi để con với người ấy.

Mợ Du bỏ chồng! Mợ Du phải bỏ chồng vì bị mẹ chồng và em chồng bắt được quả tang tình tự với anh thợ may trai trẻ, có duyên, làm cho nhà mợ! Tôi đã không hiểu tại sao mợ Du đã có con lớn lại bậy bạ như thế. Và, như những người lớn, tôi đã ghét và khinh mợ mỗi khi nghe nhắc đến mợ với cái tội không thể tha thứ ấy.

Nhưng sau một đêm kia, đối với mợ Du tôi bỗng đổi ra thành lòng thương và mến. Rồi từ đêm ấy trở đi, tôi cảm tức vô cùng trước những kẻ bêu riếu mợ hay ra vẻ ghê tởm thằng Dũng con mợ.

Đêm ấy là một đêm trăng và tôi không nhớ về tháng tám hay tháng chín, chỉ nhớ là một đêm trăng sáng lắm. Mợ Du cũng bỗng nhiên hiện ra trước mặt tôi và nắm chắc cánh tay tôi.

- An! An! Con giúp mợ việc này rồi mợ cho một xu nhé.

Tôi chau mày lại nhìn người đàn bà đã vắng mặt ở phố tôi và không biết đi đâu đã sáu bảy tháng nay:

- Tôi chịu thôi! Mợ nhờ đứa nào thì nhờ.

Mợ Du giọng ngọt ngào van lơn:

- Con chịu khó một chút mà! Chóng ngoan! Đây mợ cho con hai hào đây.

Đồng hào đôi sáng loáng dúm vào tay tôi có ngay một hiệu lực rất mạnh. Tôi không còn thấy khó chịu vì sự nhờ vả của mợ, và tôi như không còn nghĩ đến cái tai tiếng không ra gì của mợ khiến mợ trở nên một người chịu đựng sự khinh bỉ và nguyên rửa của cả các gia đình.

Tôi vẫn làm ra bộ khó khăn, nhìn mợ bằng cặp mắt do dự. Mợ Du liền kéo tôi vào một hàng hiên. Mợ nói nhỏ, giọng càng run run:

- Con vào nhà rủ thằng em Dũng ra đường chơi với mẹ. Con đừng cho ai biết! Và con rủ nó sang gốc ổi vườn ông Hào đằng đầu phố ấy.

Tuy nhỏ tuổi, nhưng chỉ nghe mẹ Du nói ngàn ấy câu, tôi nhận thấy ngay tại sao có sự gặp mặt vụng trộm giữa hai mẹ con này, và tôi cảm thấy rõ ràng sự lo lắng và đau khổ của một người đàn bà bị đuổi ra khỏi cửa một gia đình nay lẩn lút trở về để được thăm nom con giây phút.

- Ừ con, - tôi đổi tiếng xưng hô - con đi gọi thằng Dũng cho mẹ, nhưng nhớ nó đừng đọc sách cho cậu nó nghe trong khi cậu nó hút thuốc phiện thì sao?

Mẹ Du chớp chớp mắt rồi lơ lơ nhìn về một cửa hàng đã đóng cửa. Trong bóng tối giữa hàng hiên, cặp mắt mẹ Du bỗng long lanh như hai viên ngọc:

- Thì con chịu khó ngồi bên nó rồi thừa cơ bấm nó rồi bảo nhỏ nó ra ngoài.

Tôi liền gật đầu, chạy vút đi.

May quá, tôi vừa tới cửa nhà cậu Du thì thằng Dũng ở trong nhà đâm bổ ra gọi hàng mía. Nó không để tôi nói thêm với nó một nhời, chạy theo tôi ngay và luôn luôn bắt tôi đưa xem đồng hào đôi mới.

Chúng tôi vừa mới đến cổng vườn nhà ông Hào, mẹ Du ở một bụi râm bụi lao sầm ra, ôm chặt lấy thằng Dũng vừa nức nở kêu tên Dũng:

- Dũng! Dũng! Dũng con ơi!

Mẹ bế xốc Dũng lên, đẩy cánh cổng chạy vào trong cùng vườn. Tôi theo vào. Mẹ Du đặt Dũng xuống đất, mẹ quỳ hẳn đầu gối, hai tay choàng lấy người Dũng. Vẫn cái giọng nghẹn ngào ấy:

- Dũng! Dũng! Dũng có nhớ mẹ không! Bà có đánh Dũng không? Cậu có bệnh Dũng không? Dũng có nhớ mẹ không? Có thương mẹ không?

Dũng không đáp, ngả đầu vào vai mẹ mếu máo:

- Hự! Hự... mẹ về nhà với con cơ...

Mẹ Du hôn hít vào má, vào trán, vào cằm Dũng rồi khóc nức nở:

- Giời ơi! Giời ơi! Mẹ chết mất! Dũng ơi! Dũng ơi!

Ánh trăng vàng vạc đã gội tràn trề xuống hai gương mặt đầm đìa nước mắt áp lên nhau và hai mái tóc ngắn dài trộn lẫn với nhau. Hương hoa cau và hoa lý sáng và ấm đã xao xuyên lên bởi những tiếng khóc dồn dập vỡ lở ở một góc vườn, rì rì tiếng dế.

Tôi dần thấy nghẹn ở cổ. Tôi phải bưng lấy mặt và quay đi chỗ khác: 'Mẹ ơi! Mẹ ơi!'

Đằng kia Dũng cũng: 'Mẹ ơi! Mẹ ơi!'

Tiếng khóc của Dũng và cả chính tiếng khóc của tôi càng xé lòng tôi ra.

Chợt mẹ Du đứng vung lên, hất mạnh mớ tóc xõa ra đằng sau.

Thoáng cái, mắt mẹ quắc lên sáng ngời và gương mặt trắng mát của mẹ tái hẳn đi. Mẹ cắn chặt môi dưới, lắc mạnh đầu luôn mấy cái. ánh trắng càng chảy cuộn cuộn trong những đợt tóc đen ánh trở nên hung dài chấm gót của mẹ Dũng.

Mắt người mẹ khôn nạn, mắt đưa con đầy đọa và mắt tôi đắm vào nhau không biết trong bao nhiêu phút, yên lặng và tê mê...

Một lúc sau, mẹ Dũng dắt Dũng ra ngoài vườn. Tôi chực chạy ra hè trước, mẹ vội chạy theo, kéo tôi lại. Mẹ, một tay nắm tay Dũng, một tay xoa đầu tôi, giọng khàn khàn và vẫn nghẹn ngào:

- An và em Dũng về nhà nhé. Mấy hôm nữa mẹ lại về. Mẹ đã dặn ông Hào rồi đấy, An và Dũng muốn thức ăn gì thì ăn.

Nói đoạn, mẹ cúi xuống lại hôn hít vào trán, vào má vào cổ, vào gáy Dũng.

Toàn thân tôi lại rung chuyển trước sự quyến luyến này.

Nhìn sự chia lìa đau xót của hai mẹ con Dũng, tôi đã có cảm tưởng chính tôi là Dũng, và tôi đã có ý muốn ôm ghì lấy mẹ Du, ôm ghì mãi mãi, ôm ghì lấy rồi dù bị chết cũng cam tâm...

Từ đấy trở đi, mỗi lần mẹ Du ở Vinh về là tôi đi gọi Dũng. Tôi không còn nhớ rõ là tôi đã gọi Dũng tất cả bao nhiêu lần. Chỉ biết rằng trong một thời gian khá dài - hơn ba năm - lần nào sự gặp gỡ của hai mẹ con Dũng cũng làm tôi sung sướng, và lần nào sự chia lìa của mẹ con Dũng cũng thấm cả nước mắt tôi và làm tôi bùi ngùi trong sự thương tiếc mệnh mông như cái bàng bạc của đêm thu đầy trăng.

... Bẵng đi 17, 18 năm tôi không một lần nào gặp Dũng và người mẹ của Dũng đã một thời kỳ từng tai tiếng. Dũng, tôi gần quên hẳn. Vả lại, dẫu chúng tôi có gặp mặt nhau, tôi cũng khó nhận ra Dũng sau bao năm đằng đẵng có thể là một nửa đời người non yếu này.

Nhưng, tôi đã được gặp mẹ Du. Thì đó lại là lần cuối cùng, cuối cùng của cả một đời tất mãi mãi và cuối cùng của những dòng chữ viết về một người.

án tượng của cái kỷ niệm này không bất ngát bàng bạc như xưa kia nó hẳn với tâm hồn tôi trong cái đêm trăng sáng, hương hoa cau, hoa lý ngát không khí. Trưa hôm ấy nắng. ánh nắng vàng rực, các vật ngoài trời đều chói lòa trong những tiếng rào rào của ánh sáng bị gió thổi cuộn cuộn như sóng.

Sau đấy, nhất là giờ đây, bất cứ một hình sắc gì của mẹ Du trong cái cảnh buổi ấy đều ngùn ngụt trước mặt tôi qua một thứ lửa tê tái tỏa ra cả ở trong da thịt tôi.

Lúc đó vào khoảng hai giờ, hầu hết những người đi làm đã đến sở mình.

Ngoài phố, những ngã ba, ngã tư, sự ồn ào trào lên chỉ ở từng khu và cảnh tấp nập không lắm lại, rối loạn như trưa nay. Nắng trong dần đi. Sắc xanh pha-lê trên cao bao la thêm. Nhưng cảnh xuân ở thành thị vẫn không rõ rệt tươi tốt bằng ở nhà quê với những cánh đồng lúa, những đình chùa, những con đường đất nổi lên nhịp nhàng dưới vùng trời khoáng đãng (1) và, với tiếng cười nói, hỏi gọi của người ta cứ vang vang trong gió. êy về xuân ăn chơi, vui quên chỉ còn sót lại ở mấy phố ta trong những nhà cửa với mới quét lại hơn hờ lên vì nắng, trong

mấy hiệu tạp hóa và trong những đám súc sắc, xóc đĩa (2) đương hạp lén lút với những đám trẻ con bản thổ mà tôi, thằng bé An xưa kia, hễ có tiền là sống chết cũng sục vào.

Tôi đương viết tập cho một đứa cháu thì thấy có tiếng súc sắc, và đứa cháu tôi không nhìn trộm ra ngoài nữa mà chạy hẳn ra. Bà ở chung nhà với tôi, đi vào, lắc đầu:

- Thế mà chết rồi!...

Trước nét mặt nhăn nhó chỉ có vẻ buồn cười của bà ta, tôi bật lên hỏi:

- Thừa bà ai thế? Sao thế?

Bà ta càng làm ra bộ ảo não:

- Cái người mới đến ở nhờ bà cụ Ký bên kia, bán quà ở gần rạp hát và đầu ngõ ấy mà.

Tôi vẫn không thể nhớ ra là ai. Thấy tôi băn khoăn, bà ta vừa gắt vừa cười:

- Cái người một hôm cậu bảo tôi gọi lại mua chuỗi ấy. Tôi gọi ba bốn lượt, nhưng chị ta cứ đi lúi lúi làm cậu tức mình, đến tối chị ta rao bán, cậu không mua mà cho các cháu đi mua hàng khác.

Tôi 'à' lên một tiếng, gật gật đầu. Bà nọ cho thế là đã thỏa cái công việc tò mò của mình và làm trọn cái sự cố động lòng thương xót một kẻ xấu số rồi, lại ngồi xuống vừa chẻ củi chan chất vừa quất tháo chỉ bảo người nhà. Xong hai trang viết tập cho đứa cháu, tôi giở sách ra đọc tiếp. Một dòng, hai dòng... năm dòng, mười dòng... rồi hết một trang, sang trang bên. Những chữ in nhỏ ấy trước còn từ từ đi vào tâm trí tôi, hơi chập chờn, lộn xộn với những nghĩa không đảm thắm mấy. Sau, tôi càng trấn tĩnh bao nhiêu, chú hết cảm tưởng vào những hình ảnh, những tình tứ trong truyện, thì chỉ thấy đầu óc càng bưng bưng. Tất cả những cái tôi đọc để nghiên ngắm chỉ là một sự rối loạn khô khan.

Tôi đành phải để sách xuống, mắt lim dim, chân tay duỗi mềm mại, mặc bất cứ cái gì đến trong tâm trí. Nhưng câu nói trên của bà cùng nhà với tôi bỗng trở lại bên tai tôi rành mạch từng tiếng. Theo liền những tiếng thì thăm này, một dáng người co ro, những mảng quần áo vá vúi và một mẹt quà lèo tèo hiện ra, mờ mờ, lạnh lạnh. Tôi thấy lòng nao nao và sau thì khó chịu vì sự vờ vẩn này. Tôi cau mày, định cầm sách lên đọc nốt để còn làm mấy việc khác.

Một người ở nhờ ở vả, chết đột nhiên và cô độc không ai thân thích ma chay, một người khốn nạn như thế nhan nhản ra muốn xem lúc nào chả có. Đằng sau nhà tôi, trong những xóm nhà lá của những đám người tha phương cầu thực (3) kia, thường thường lại nổi lên những tiếng khóc lóc, rên rỉ về sự chết chóc, mà người chết tuy không một thân một mình nhưng cũng chỉ được đến cỗ ván mỏng, bát cơm, quả trứng, vài thẻ nhang, và bốn người khiêng đi vùn vụt như chạy trốn, họ chuyên sống với cái nghề này và uống rượu...

Tôi đã nghĩ như thế. Tâm trí tôi dần trở nên sáng sủa, tỉnh táo. Đọc hết cuốn sách, tôi ra đi thông thả ngoài sân, khoan khoái lâng lâng.

Bọn người chuyện trò vang vang, ra vào nhà có người đàn bà chết đã ngót. Bà cụ chủ nhà mượn được cái màn bèn che chắn ngay lấy chỗ người chết nằm. Trời vẫn nắng to. Sau bức màn lọc nhẹ đi, làn ánh sáng vàng rực, cái chõng và thi hài chăm chú trông lại rõ hơn. Tôi thấy cả những đợt khói lừ lừ tản ra trên đầu người chết và những đốm lửa nhang rung rung khi gió

nổi lên thổi tan tác những mảnh nắng ở ngoài trời và loạt xạ những cát bụi trong cái khoảng màu che cho người chết. Không tiếng kèn tỉ tê, không tiếng khóc kể lẻ rên rỉ, không nồng mùi bồ kết đốt với mùn cưa, cái tử khí đây kia thăm thẳm, chứa đầy những độc ác, như của một nơi mà các người chung quanh không còn ai sống...

Bất giác (4) tôi sang sân vào nhà bà cụ. Thoạt thấy tôi, bà cụ, và mấy người đàn bà sang hỏi thăm, ra đón:

- Cậu sang chơi. Đấy! Cậu xem có khổ không, nhà chị ta đã sắp thúng định đi chợ mua thêm hàng, nhưng ra khỏi cửa lại về nằm lịm đi một lúc thế mà đã chết rồi. Tôi chẳng là họ hàng gì mà phải làm ma đấy. Các bà ấy cứ trách tôi dễ dãi quá, nhưng thôi, mình cứ ăn ở cho hết cái tình cái nghĩa đối với những kẻ bơ vơ, khốn khổ còn thì mặc gùi kiêng cho.

Thấy tôi chăm chú nghe, bà lại kể tiếp, giọng rất trơn tru, nào người đàn bà nọ nói không có chồng con gì cả, nào đi buôn bán mại Vàng Danh, Cẩm Phả về ốm yếu quá định về đây lần hồi, nào bà cụ thương tình cho ở nhờ hẳn một nửa gian, giường chiếu, bát đĩa của bà cụ tha hồ dùng, nào bao người năn nỉ thuê nhà bà cụ không được vì các con cái bà cụ đi làm xa, bà cụ chỉ cần có người sạch sẽ chịu khó và hiền lành bầu bạn với cụ và các cháu bé của cụ cho vui thôi.

Bà cụ sai cháu rải chiếu cạp điều (5) ra trường kỉ và rót nước thân mời tôi. Chè hột có gừng, ủ trong bình, tuy còn nóng sôi nhưng tôi vẫn thấy lờ lợ. Tôi chỉ nhấp qua rồi sau một lúc yên lặng, đứng dậy đến chỗ người chết nằm. Bà cụ lại bỏ khách đi theo tôi. Khi chúng tôi đứng sát cái chõng, bà cụ trở vào người chết:

- Chị ta chỉ có mấy cái quần áo mặc theo đi ấy là lạnh lặn thôi, còn mấy cái kia rách mướp mườn mướp tôi còn để đấy mà cũng chẳng ai muốn lấy cả. Một bà trong ngõ phải mua lại cái chần của phu xe gán ngoài hàng cơm để liệm với cái chiếu của tôi. Sáng mai một bà cho cỗ ván nữa là xong.

Để chứng thực sự ngay thẳng và lòng ăn ở khác thường của mình, bà cụ kéo ở xó cửa đằng kia ra một cái thúng. Bà cụ lật vĩ buồm lên, chìa ra trước mặt tôi từng cái xống áo cũ rách một. Chợt bà kêu lên, qua gọi đứa cháu gái lớn:

- Khổ quá mày ơi! Những thứ chuối chần, kẹo bông kia mày còn để đây làm gì! Cho người ta không lấy thì vứt đi chứ!

Cả tôi cũng phải cau mày lại trước những quả chuối đã đen nhũn, lấm tẩm những lỗ ngo ngoáy và những kẹo vừng, bông bắp ướt át, kiến bâu chi chít. Những đồ hàng cuối cùng của người đàn bà! Nếu y bán rẻ đi thế nào chả hết. Nhưng đời nào y chịu lỗ vào cái vốn nghèo ngặt sống còn của mình. Chẳng phải y, bất kỳ người đầu đường cuối chợ buôn thúng bán bưng nào cũng thế hết, trong sự làm ăn bát cơm đổi bằng bát mồ hôi của mình. Và đến phút hấp hối, người đàn bà nọ vẫn không thể tin được mình chết. ở cái buổi sáng tung bưng hôm ấy, phở xá tấp nập, đâu đâu cũng ồn ào đầy những hình ảnh của sự cố gắng, mài miết để được sống, ai mà không búa lầy sự tin tưởng tốt đẹp?!

Những người trong xóm đi chợ đã lác đác về. Họ đi từng tốp, chuyện ríu rít, rủ nhau tối nay tắm rửa sạch sẽ để đi lễ đền, lễ chùa. Xuyên qua bọn họ, những người gánh nước làm nhóp nhép thêm cái lối vào xóm chật hẹp, mấp mô tách ra hàng mười ngõ. Bên trong ở những vườn rau diếp, rau cải, sà lách, và những vườn trồng hoa bán trên phố tây, những thùng tưới cứ rào rào đưa trên những luống đất nhỏ tươi, kín sắc xanh mướt và những sắc hồng tím, vàng, nhưng,

trắng, tươi mọng... Nắng và gió tỏa ra lành láng. ánh sáng trong suốt reo lên trên những cây cỏ nảy nở như thổi.

Đứng ở trong này, tôi đã thấy lòng run run. Tôi nghĩ đến cái giây vừa thở hắt ra, vừa quần quai của một con người cách tôi không đầy chục thước mà tôi và cả mọi kẻ chung quanh đều không hay biết. Tâm trí tôi lắng sâu hơn nữa. Tôi nghĩ đến cả cái kiếp người kia chắc chỉ toàn những sự đầy đọa, cái kiếp làm thân đàn bà không chồng con, không thân thích, đâu có kẻ thân mến là quê hương, gia đình mình, và tất cả sự no ấm chỉ trông cậy vào sức mình, sự chịu khó của mình.

Tôi hồi hộp nhắc cái vuông khăn tay dòng dọc đỏ phủ mặt người đàn bà lên. Tôi lặng đi, tê tái nhìn cái bộ xương hốc hác, gồ ghề, xám xịt. Thay cho gối, tóc y cuốn thành một mớ đầy, vẫn còn đen nhánh, giá cắt đi làm một cái đuôi gà thì phải dài, óng ả lắm.

- Cậu này! Cậu xem cái giấy gì và hình gì thế này?

- Vâng! Vâng!

Tôi phải quay lại với bà cụ. Tôi vội vàng đón lấy mấy tờ giấy đã nhàu nát, nhòe nhoẹt và tấm hình nhỏ tí bà cụ đưa cho. Không!... Không!... không phải là những miếng giấy vứt đi, mà là bốn bức thư. Bức, chữ viết ngò ngoài, bức đã thẳng dòng, bức đã có những câu chấm gẫy gọn và những dấu chấm than và bức, chữ lại nguệch ngoạc, nhưng rần rỏi và lòi lẽ gay gắt như trong một bài báo tranh biện. Tất cả, dưới đều kí tên Dũng, từ những nét ngây ngô trở nên những nét sắc tron. Tôi đã suyết kêu lên nhưng cổ họng nghẹn hẳn. Tôi giờ hẳn tấm hình ra ngoài cửa xem.

Tấm ảnh chụp hai mẹ con kia rõ ràng là mẹ Du và thằng Dũng. Người mẹ ấy đôi mắt vẫn sáng, và cái sống mũi dọc dừa, cái cằm thon trong gương mặt vẫn đầy tươi trẻ, tinh anh (6). Còn thằng nhỏ thì bé nâng lên trước mặt người mẹ, một tay y bịt lấy rốn nó, mặt hơi cúi xuống với nó nhưng mắt vẫn ngược lên như trở cái sự vật đang trước cặp mắt bờ ngõ của nó cho nó cười thêm. Dưới tấm ảnh mà tôi không thể nào làm lẫn được ấy lại còn có thêm dòng chữ này:

- Kỷ niệm ngày con Dũng của mẹ lên hai nhưng mới được tám tháng.

Và ở một góc có hai dòng chữ nhỏ như kim:

- Dũng ơi! Con của mẹ ơi! Biết đến bao giờ mẹ mới được gặp con?!

*
* *

Mẹ Du đã chết rồi?! Người mẹ khổ nạn kia bị người chồng sau tình phụ, hay vì y chết, mẹ sa sút và cho mình đã phạm một trọng tội, mẹ đành sống lén lút, để khỏi dây dính đến Dũng? Hay mẹ đã tìm đến Dũng nhưng không được nhìn nhận? Hay Dũng chết rồi? Hay những giấy má, hình ảnh kia chỉ là của người đàn bà chết bất được?!

Tôi đã nhiều lúc tự hỏi nhưng chỉ thấy thêm rằng chắc chắn mẹ Du đã chết và những cảm tưởng về mẹ chỉ càng thấm thía, tê tái trong tâm hồn tôi, thằng bé An xưa kia không còn những dòng nước mắt tràn trề để khóc nữa.

(1939 - 1943)

(Đã đăng một phần trên Tiểu thuyết thứ bảy số 277 ra ngày 23-9-1939 trong truyện Những đêm trắng)

Chú giải

(1) Khoáng đặng: rộng rãi, bát ngát.

(2) Súc sắc, xóc đĩa: hai hình thức cờ bạc, đồ đen (súc sắc: gieo những quân súc sắc bằng xương. Xóc đĩa: úp bát xuống đĩa xóc những đồng tiền hai mặt sấp ngửa).

(3) Tha phương cầu thực: kiếm ăn nơi đất khách quê người.

(4) Bất giác: không có chủ ý gì.

(5) Chiều cạp đều: chiều cạp vải đồ chung quanh - chiều sang, quý.

(6) Tinh anh: phần tinh túy, tốt đẹp; ở đây có nghĩa là sáng sủa, linh lợi.

Buổi chiều xám

Xan bỏ hẳn kính ra, cất vào túi áo trong rồi ngược mắt trông, Xan hơi bàng hoàng vì sự hiện diện đột ngột này. Trên đầu Xan, mây chì càng thấp xuống, và chung quanh Xan, cảnh vật càng thẫm lại. Gió thổi mạnh hơn. Bụi đường cùng lá cây cuộn lên thành từng đám dày, chạy rào rào và quần quại như những chim chóc chạy trốn trước cơn bão.

Cái lạnh càng thấy rõ nữa trong cảm giác Xan. Xan rít tiếng khe khẽ:

- Không biết còn rét đến bao giờ hở?

Câu hỏi này làm Xan cúi mặt xuống, không dám nhìn ra xa và nhìn kỹ chung quanh nữa. Từ những thân thể trần truồng, co quắp, những cái dáng đi lầy bầy mờ mờ, và những cặp mắt ngơ ngác của những đám người nhan nhản ở hai bên đường và các xó hè, đến những cây cối, nhà cửa và thời may đều âm âm hỏi theo Xan:

- Đến bao giờ nữa hở? Đến bao giờ nữa hở?

Cái không khí u uất về chiều này! Cái cảnh tượng nhợt nhạt của chiến tranh này! Cái hoang mang của sự sống qua những đói rét, tàn phá và chết này! Nghĩ tới đây, thót cái tim Xan như bị kẹp mạnh, bởi bột cái kim, vào ngực San như bị ai đứng dận lên. Lại như có từng núi gạo đương đốt cháy ngùn ngụt ở trước mặt Xan. Lại như có từng đồng xác chết vây bọc lấy Xan trong đó có cả cha mẹ, anh em, vợ con, và bao nhiêu người quen biết của Xan, mấy tháng trước đây còn vạm vỡ, nhanh nhẹn không thể tưởng tượng được. Và không !... không !... có cả Xan nữa. Xan giờ đây ở nhà in và, nay vẫn còn khét mùi dầu mắt vẫn còn những trang giấy dập thữ lấp loáng dưới ánh đèn điện và trong đầu vẫn còn âm ỉ những tiếng máy. Xan - một kẻ trong cái hạng người cũng chỉ có hai bàn tay làm việc mà tiền lương chưa cuối tháng đã hết, gạo trữ không, ruộng cày cấy thì thật hoàn toàn không bao giờ biết đến.

ình... ình... ình... sầm... một cái 'cam nhông' lao qua mặt Xan và rồi dừng lại trước một máy nước. Không bóp còi và phóng bừa cho tới cả lúc rẽ vào đám đồng, cái xe quái gỡ nợ chi tí nữa là hất tung Xan đi hoặc đè nát Xan. Ngã dúi vào một cột đèn. Xan, khi đứng lên, không phủi quần áo vội mà chỉ trừng mắt nhìn. Sự căm tức lại chẹn lấy cổ Xan. Đó là cái xe của quân đội

Nhật lù lù như một coi voi, bụi bặm bám đầy, với mấy chục lính lố nhố, súng dựng ở trước ngực, tay cầm rung rung như sắp vung lên bắn vào người tao.

Sau một câu chửi hỗn hển, Xan đã toan đi, nhưng thấy mấy tên lính phốc xuống đất, sấn vào đẩy dúi những người chực nước mà tranh lấy cái vòi, thì Xan nảy ra một ý nghĩ bèn thôi. Xan muốn với tất cả đầu xốt trong lòng chúng kiến một lần nữa sự đã man mà đồng bào Xan phải chịu để xem nó còn tới mức nào trên những kiếp người hiền lành nhẩn nhục này.

Ê ê ê... hô hô hô...

Những tiếng doạ nạt, xua đuổi và cười đùa càng làm cho không khí đặc sệt lại. Chỗ này là một cái chợ chuyên họp về chiều cả các thứ hàng ế với các người làm ăn đầu tắt mặt tối. Bị cái xe cam nhông chần gằn hết lối đi, xe cộ, gồng gánh ứ lại, chen chúc nhau ầm ĩ. Trong khi ấy những kẻ chực nước và rửa ráy đun nấu hễ được dịp ghé vào vòi nước là lại xô đẩy nhau, thùng xích loảng xoảng, chửi bới lộn bậy. Bọn lính vừa phần bị vướng, vừa phần tinh nghịch, lại đẩy lại đạp, lại giơ thùng vung lên để cùng cười ran trước những trẻ con vỗ tay, reo hò... Xan tưởng đầu óc đến nứt mắt.

Xan càng rùng rục cả tâm trí.

Chợt vào tai Xan, ở những xe đàng đầu đường kia, lại luôn luôn có những toán lính ngồi lên, nhảy xuống, dậm thành thịch và cười hát hô hô. Cuối cùng, chúng thúc cái nắp mui xe lên. Thế là mấy tên lính nữa lại ủa xuống. Nhưng trút được mấy tên lính xuống xe thì sự đùa nghịch đã bớt. Hơn chục tên lính còn ở trên xe lại dựng súng lăm lăm trong tay. Xan bỗng ngạc nhiên vì nhận ra một tên lính hình thù rất lạ trong số lính im lặng ấy. Hấn - không ! một thứ người ở một rừng núi nào bên Triều Tiên, Trung Quốc hay ở một xứ nào khác thì mới phải chứ người Nhật sao lại thế - hấn cũng lùn, nhưng đó là một lùn dày và bè ra của một thân thể to chắc. Cái mũi hấn đội chỉ vừa dính có chòm đầu, mà đầu thì tóc xoắn tít mọc trùm cả gáy! Mặt hấn chỉ để nhận thấy có hai con mắt, hai con mắt quăm quăm dưới đám lông mày lăm lăm bạc, hai con mắt rất sáng, rất tợn nhưng không làm người ta sợ - còn thì chỉ thấy râu ria xồm xoàm.

Một con khỉ độc!

'Con khỉ độc' nay lại mặc cái quần thùng thình như cái vá, thắt lưng da trẽ ra để hở cái rốn và lông bụng. Nó không lông xuống đám đông để phá phách mà đứng ngậy ra nhìn. Trời tối gần hết. Chỉ còn một khoảng bằng cái hang nhỏ đỏ bầm ở góc phía tây. Dưới cái ánh sáng thoi thóp này, một ngọn núi tím đục cố ngoi lên giữa lớp sương nhờ nhờ như khói. Bao nhiêu ngọn cây và nóc nhà về phía tây cũng đều như có khói quán quít. Và từ cái biển khói ấy, tiếng chim gọi nhau, tiếng lá xao động, tiếng gió vi vu thoang thoảng đưa lại hoá thành một thứ tiếng xào xạc heo hút vô cùng.

Cặp mắt nhìn quăm quăm của 'con khỉ độc' bỗng chớp chớp. Gian hàng tạp hoá ngay chỗ ô tô đã bật đèn. Từ cái cửa sáng trưng đi ra, một người đàn bà gế một đứa nhỏ cuống quít chỉ trở: - Kia mợ đã về!... Em nín đi... chóng ngoan... Mợ về kia.

Đứa bé càng giãy đạp. Nó đòi bé hẳn ra hè để được thấy hẳn nếu thật mợ nó về. Người đàn bà bế nó phải chiều theo. Y càng riu rít nựng nịu nó, vỗ về nó. Cảnh nhộn nhịp và những tiếng ồn ào dần dần quyen rũ đứa bé. Nó không những nín hẳn lại còn cười khanh khách và sà xuống nô với con chị nó đưa tay vẫy vẫy đùa cợt. Người đàn bà bế nó mấy lần phải nhào theo đà đứa bé mà y bế có vẻ nặng lắm.

Không phải vì trời rét nó quấn chần bông và mặc nhiều áo nên nó làm người đàn bà khó bế. Da dẻ hồng hào, mắt sáng và xéch, môi tươi, cổ tay như bột nặn, đầu đội mũ len hồng bịt kín tai, kiểu mũ tàu bay, đứa bé tự nói rằng nó là một thằng cu khoẻ mạnh lắm. Người đàn bà mỗi khi nâng nó lên hay xốc lại nó thì cả người đều chuyển động. Hai bắp tay béo mẫn của y gân lên, ngực y rung rung nổi căng, mặt y đỏ bừng.

Xan chột giật mình.

'Con khỉ độc' bỗng quăng súng lên mặt hòm nước, nhảy bịch xuống đất, xô đến người đàn bà, hai cánh tay lông lá đưa ra như sắp ôm lấy. Người đàn bà rú lên, quay ngoắt đi. Khùng khiếp vì cái hình thù quái đản ấy, đứa bé cũng choé lên một tiếng rồi nhắm mắt lại, gục mặt xuống vai người bế. Chết rồi. Khốn nạn!... Khốn nạn! Xan mím môi lại, quắc mắt lên, chờ một cảnh đùa nghịch dâm đấng sắp xảy ra giữa người vú em béo trẻ và 'con khỉ độc', mà kẻ sợ đến mất trí là một đứa trẻ ngây thơ đương cười nô hồn nhiên. Khốn nạn! Khốn nạn!... Sự khốn nạn đã đến cùng tột rồi! Đi bắn giết người, đi cướp đất nước, đi bóc lột của cải, vợ vét thóc gạo trong khi mùa màng mất và sự đói kém tàn hại hàng triệu sinh linh chưa đủ lại còn hãm hiếp đàn bà một cách công nhiên nữa. A! Đồng bào xem! hơn hai mươi triệu linh hồn máu mủ với Xan còn phải đợi những điều kiện nào mới vùng dậy, đập tan những thống khổ?

Nhưng không! không phải Xan loá mắt. 'Con khỉ độc' đã đến sát người vú em rồi mà cánh tay lông lá của hắn giơ ra chực ôm lấy. Đã thế, thấy người vú em luống cuống chực chạy trốn vào nhà thì hắn lùi lại. Hắn khép bớt một cánh tay, và hắn vừa gật đầu vừa cười rất tươi bằng hai con mắt sáng nhấp nháy:

- Ê ê ê... tý ty ty... tý ty ty...

Lần này, vừa nói hắn vừa tiến sát lại người vú. Một tay hắn níu lấy cánh tay bé em của người vú, một tay hắn vẩy vẩy đứa bé mà hắn ghé hẳn mặt nó vào mặt hắn, vừa nháy nháy mắt, vừa gật đầu, khấn khoản ra hiệu với đứa bé đừng sợ gì nữa, hãy theo hắn bế ẵm.

Trẻ con và người lớn đã đổ xô đến. Tất cả đều bám nhau chỉ trừ 'con khỉ độc'. Không để người vú trao đứa bé cho mình, 'con khỉ độc' ôm giàng lấy nó mà áp vào người. Hắn vỗ về nó, cười khà khà rồi xốc cao nó lên trên mặt mình nhăn nhó gật đầu, nháy mắt. Thế rồi, sau khi bàn chân bé xíu đi bít tất hồng nhảy nhẩy trên cái mặt xòm xoàm nọ thì những tiếng cười nức nở rúc lên 'Con khỉ độc' lại rít miệng vào trán, vào má đứa bé. Cái tã bông cái kim băng bị tuột. Hai bắp đùi mập mạp của đứa bé lộ lộ tất cả làn da thịt mơn mớn, 'Con khỉ độc' liền ngoạm lấy, nhay nhay, suốt từ háng xuống gót, lại từ gót lên háng, sau đó thì rúc vào cái dái quả ớt của đứa bé mà hít lấy hít để.

Như có một ánh sáng khác, một bầu trời khác mở ra trước mắt Xan. Một buổi chiều ở đảo Phù Tang xa nước Xan kia. Ngọn núi Phú Sĩ phơi lơ lửng vừng trán trắng xoá giữa những sương lung linh cuộn cuộn nở. Hoa hạnh đào phơi phới nhợt trời. Một người cha đi làm về ở một xưởng máy mịt mù than bụi hay ở, ở một cánh đồng đất nâu xói, mịn tơi như bột. Quần áo hãy còn nhớp nháp, tay vẫn còn đen thui, y đã ôm chầm lấy con bé trong tay vợ đứng đón ở trước cửa cái nhà gỗ nhỏ. Y cũng đã hôn hít, cũng đã trao tất cả tình thương yêu và lòng hy vọng đời mình vào da thịt của con, cái giọt máu của y sẽ ra... Ba năm, năm năm, mười năm rồi! Hay lâu hơn nữa cũng nên, cái buổi chiều ấy mới trở lại. Mà biết đâu, biết đâu nó lại sẽ không mất hẳn với một con người đã bị chiến tranh lôi đi không còn biết tới đâu không còn biết đến bao giờ, mà cả dân tộc của bọn đi xâm chiếm và dân tộc bị xâm chiếm, đều ê chề, tàn hại.

Xan lạnh tê cả người, Xan thôi không nhìn người lính nọ đưa mắt trông lên tốp lính đứng trên xe. Và hung bạo trên những con mắt một mí và những gương mặt lầm lẫm kia không còn nữa. Đó là những bộ mặt phờ phạc, ngây độn dưới ánh chiều hấp hối đã gần lẫn hẳn với bóng tối.

Quần áo màu nước dưa đen xin lại vá víu, xốc xếch, nó cũng bần thủ tòi tàn chỉ kém một tí những quần áo rách rưới của những người chung quanh. Sự thiếu thốn khổ sở đã kêu lên cả ở những con người này với những tiếng kêu bị bóp một cách chặt chẽ hơn, quyết liệt hơn, mà nếu kẻ kêu để bọn cầm đầu hay bên ngoài nghe thấy thì cái chết đến ngay lập tức.

Trong giây phút, Xan tưởng đến bao cảnh choáng lộng đã diễn ra làm bao kẻ phải nghẹn ngào khao khát. Những dãy ô tô bóng lộn, những cờ bay phấp phới, những vàng ngọc chói ngời, và những toà nhà sực nức hương hoa của những ngày đại hội, của những dạ tiệc. Tiếng hát, tiếng đàn, tiếng kèn... âm nhạc lúc từng bừng, lúc lả lướt, lúc loạn xạ, mê toi đã cất lên át những tiếng rên âm u của đói và chết. Cảnh hoan lạc đã được cực điểm trang hoàng để làm quên một cuộc chiến tranh bần thủ, quên rằng ngoài mặt trận kia khói và lửa đang ngút trời, từng lớp, từng lớp những người bỗng thành bia thịt, những máy bán chém người không tiếc tay, giày xéo lên xác chết để làm giàu cho một lũ lái súng, khát vàng và máu.

Cách buổi chiều ấy không đầy hai tuần, Xan đương coi máy chạy thì nghe được một chuyện sau đây:

'Một đêm kia ở một ga nhỏ trong một hàng cao lâu đã đóng cửa, có một viên võ quan Nhật còn rất trẻ và người lính già vào gọi cà phê. Cả hai uống xong rồi vẫn ngồi thừ trên bàn, chẳng ai nói với ai một lời. Chợt người lính choàng dậy. Y móc ở trong túi áo ra một bức thư một tấm hình và một con búp bê nhỏ. Y đặt tất cả lên bàn, méo máo nhìn rồi khóc nức nở. Xem bức thư ngắm tấm hình và mâm mê thú đồ chơi của trẻ nọ, viên quan cũng nước mắt đầm đìa và cũng gục mặt xuống bàn mà mức nở.

Đoàng... đoàng... hai tiếng súng vang lên. Mọi người đều kinh hoàng.

Người lính rút súng lục của viên quan ra lúc nào không biết ghé vào thái dương mình bóp cò. Viên quan nhanh mắt giằng được súng. Người lính già liền tuột vôi lưỡi lê, chạy vụt ra chỗ khác mà tự rạch nát cổ và xĩa be bét vào ngực mình. Lính đóng ở gần đấy đổ đến, thì sau một phát đạn suốt qua thái dương với khẩu súng của chính mình, viên quan trẻ tự bắn, chết gục xuống bên cái thân súng máu của người lính già tuý tưng'.

Như có một mũi kim chọi vào tâm trí Xan. Máy đương rầm rầm dưới tay Xan mà Xan cũng thần mặt ra nhìn. Cái hình thù đầy bè bè và cái bộ mặt râu ria xồm xoàm, mắt quăm quăm của trên lính mà Xan gặp buổi chiều hôm nọ đã tưởng quên đi, giờ lại hiện ra trước mắt Xan. Xan lại thấy hai cánh tay lông lá thú vật ấy giơ ra đón đưa bé bụ bẫm, và cả cái mũi, cái miệng râu ria che kín của hắn cứ rít vào tay, vào trán, vào má, vào đùi, nhất là vào háng, vào dái đừa bé. Xan lại tưởng đến một buổi chiều xa xôi gần mờ mịt kia mà 'con khỉ độc' ấy, một người cha cũng như Xan, đã ôm ấp hôn hít lần cuối cùng rồi dứt ruột ra đi.

Nước mắt Xan không vỡ ra nhưng một cảm giác đau xé ran lên khắp trí tưởng Xan. Xan thờ hờn hờn và vội nhẩn mặt lại vì một câu hỏi:

- Người lính Nhật già kia có phải là 'con khỉ độc' không? Hay cả 'con khỉ độc' ấy cũng chết rồi, chết vì buồn nhớ, chán nản và đau khổ rồi?

1945

Hai nhà nghề

Đã lâu tôi không làm cái nghề nhào lộn ấy nữa để kiếm cơm ăn. Nhưng, một đôi khi, nghe tiếng thanh la inh-ỏi, hay tiếng phèng phèng khua ran, hay những điệu kèn đu-đu rè rè, tôi lại thấy lòng náo nức. Một cái gì mềm yếu trong thâm tâm tôi bị rung động lúc bấy giờ, và một cái gì chua xót làm tê dại linh hồn tôi. Lập tức, tôi phải đi xa chỗ tụ trẻ làm trò kia, hoặc cho chúng một vài hào để chúng đi nơi khác biểu diễn tài nghệ.

Thưa các bạn, những bạn đã từng nếm qua các vị ngọt bùi, cay đắng của một nghề tự do trong sạch nào, chắc các bạn phải từng có những phút giờ bùi ngùi như tôi, sau khi các bạn bỏ nghề ấy, bỏ hẳn nghề ấy.

Một kỷ niệm cũ dù êm đềm, sáng suốt, hay thảm khốc, tối tăm, bao giờ cũng xúc động lòng ta hơn là những sự lo âu, mừng rỡ của tương lai dẫn đến. Nhất là những kỷ niệm ấy lại thuộc về thời kỳ thơ ấu của ta, cái thời kỳ rất yêu dấu, rất nên thơ, vì chan chứa cảm tình.

Một ngày xuân đã qua, lâu lắm rồi, một ngày xuân sáng và ấm, nghề nhào lộn đã khắc sâu vào tâm khảm tôi những dấu vết không thể mờ nhạt được.

Dạo ấy, bọn trẻ con cặn bã đặt cho tôi cái tên kếp: Nhân-đen vì tôi, hết năm này sang năm khác, lang thang trong nắng, mưa và gió bụi, có một nước da bóng nhẫy, mùi gỗ lim cũ đóng bàn học trong những nhà trường. Chúng lại còn gọi tôi là Nhân-đu-đu, vì tôi kiếm tiền của thiên hạ rất dễ dãi bằng những bài kèn "la-mát", "mạc-xây-e", "ma-đơ-lông" vân vân, thổi với ba ống đu-đu.

Trước kia, đi theo tôi có một thằng bé kém tôi hai tuổi. Nó không biết thổi kèn, không biết ca những bài cải lương mà bây giờ người ta cho là chương tui vô cùng, nhưng nhào lộn giỏi. Tôi gặp nó ở chợ nhà quê, vùng Hà-Đông đất thuê cho một ông già mù. Thấy nó kháu khỉnh, mắt sáng, miệng cười luôn, tóc hung hung xoăn xoăn như tóc tây, lại tinh lanh, chỉ xem tôi nhào lộn vài lần mà đã bắt chước uốn cầu vòng đi bằng tay được, tôi liền dỗ nó bỏ ông cụ ăn mày.

Cùng tôi lang thang nay đây mai đó được hơn một năm, tới khi biết làm nhiều trò, thì nó bỏ tôi, đi kiếm tiền một mình. Tại dạo ấy tôi ốm yếu luôn, không thể nhào lộn nhiều được và ca hát, thổi kèn hay như trước. Mấy ngày đầu, tôi buồn rầu và nhớ nó chẳng khác gì một người anh có đứa em gái nhỏ chết ở dọc đường khi cùng nhau đi tha phương cầu thực.

Nó bỏ ông già, vì sống với ông, khổ sở, bệ rạc quá. Nhưng làm bạn tôi, được tôi quý mến, có cái gì cũng chia sẻ cho, mà nó đánh "roi" ngay tôi khi tôi cùng quần, hỏi sự bội bạc ấy còn gì khôn nạn hơn? Ấy là tôi không nghĩ đến công phu luyện tập cho nó thành một nhà nghề khéo, giỏi.

Tuy bị một phen lừa lọc, tôi vẫn cố gắng tìm kiếm một đứa bé kháu khỉnh, khôn ngoan như nó, để truyền cho các cách múa lộn rồi cùng đi kiếm tiền. Nhưng gần hai năm, tôi chẳng chọn được đứa nào hết.

Cuối năm thứ ba, tôi càng ốm yếu hơn... rồi sang xuân năm thứ tư, tôi bắt đầu đi sâu vào một quãng đời thiếu thốn, khổ sở vô cùng.

Tiếng hát của tôi đã khàn khàn! Tiếng kèn không vang to và ngân dài như trước. Đi bàn tay chỉ được bốn, năm thước. Nhiều lúc, trên dây thép, tôi phải bỏ dở trò vì thấy đầu bốc nóng, ù tai,

quáng mắt.

Nghề làm xiếc của tôi đến thời kỳ cùng mạt rồi!

Tôi bỏ Hải Dương về Hải Phòng chính lúc người đời đương vui mừng đón chào xuân mới. Bởi cái tỉnh nhỏ với vài dãy phố vắng vẻ kia, đến một thành phố không sầm uất lắm nhưng cũng đông dân cư, tôi hy vọng sẽ kiếm được một món tiền kha khá, đủ cho tôi chuộc lại ít quần áo gán nợ cho hàng cơm và cắt vài chén thuốc.

Xe lửa qua khỏi cầu Phú Lương lại bắt đầu chạy rất nhanh, lắm lúc đến quãng đường vòng tưởng như sắp chồm ra ngoài đường sắt. Bấy giờ ánh nắng vàng tươi đã láng khắp bầu trời không gợn một vệt mây đen và khắp vùng quê lạng lẽ trong một thứ hơi gì mong manh ướt lạnh.

Tới khi mặt trời lên cao, phải che tay nghiêng mắt mới nhìn được, và gió lồng lộng tung cát bụi lùm, tôi thấy đâu đâu cũng như có những màu sắc gì rực rỡ và những tiếng gì trong sáng.

Từ cánh đồng mạ bao la nổi sóng xanh rờn, từ những mắt nước thỉnh thoảng rùng lên như tấm nhung nõn nà căng trùng, từ những chòm cây phấp phới, lấp loáng, đến những đàn chim yên lặng xoải cánh bay về những lũy tre bờ phờ, hết thấy đều như nó rỡ vì vui mừng, vì sung sướng.

Lòng khắp khởi của tôi phút chốc bùng bốt; tâm trí tôi trở nên tươi sáng, những cái gì mới mẻ, ấm áp lan rộng trong linh hồn tôi, tôi không còn nghĩ đến hơn một tuần lễ vừa qua, nằm liệt trong một quán trọ bẩn thỉu, không được ai săn sóc, trái lại, còn bị hắt hủi, xua đuổi.

Ngày đầu xuân bao giờ cũng xóa bỏ hết những sự buồn bã, chán nản đến ám ảnh người ta, làm cho người ta lây sự vui sướng của vạn vật và ham thích sống. Nhìn cảnh vật rực rỡ dưới ánh nắng một giờ một chói lọi, tôi cảm thấy có thể gặp những ngày đầy đủ như năm nào, hay hơn cũng có. Không phải vì nhờ cái nghề làm xiếc và ca hát này, mà vì một sự may mắn gì bỗng đến.

Xuống ga Hải Phòng, tôi đeo túi vải đi lên Ngã Sáu, rẽ qua Ngõ Cấm. Thấy không có mấy đám bạc và trẻ con tụ họp chơi đùa, tôi lên phố Đầu Cầu. Phố này gần bốt, nên rất ít xóc đĩa và súc-sắc. Tôi phải đi lên phố Khách. Đến đây tôi đứng lại, vì chỗ tôi định diễn trò ấy có ba đám xóc-đĩa, người lớn, trẻ em chen chúc nhau, vòng trong vòng ngoài.

Đặt cái túi vải xuống thêm gạch tháo miếng vải vàng để lợp mui xe ra, quẳng nốt chiếc mũ dạ tàng rúm ró ra giữa vòng, đoạn rút chiếc kèn bằng ba ống đu đủ, tôi phồng má lên, thổi một hơi kèn.

Cũng như lần trước, trăm nghìn lần trước, điệu kèn nhà binh ca khúc hải quân kia đã kéo đến chung quanh tôi một số đồng người.

Tôi hơi dạ, ngẩng mặt lên trời cao và sáng, lấy hơi thổi nốt đoạn cuối.

Sao hôm nay tiếng kèn vang to thế? Tại tôi khoan khoái, nức lòng chăng? Hay bởi trong người tôi nhẹ nhõm vì luôn mấy ngày nghỉ ngơi và ăn rất ít? Khi đó, nếu dư tiền tiêu xài, tôi quyết hẳn không cho đám người đông nghịt quây tròn lấy tôi tất cả những bài kèn và những trò nhào lộn điêu luyện của tôi, để hưởng cái khoan khoái thấy nhiều kẻ thưởng thức tài nghệ của mình.

Tiếng kèn ngừng, dưới ánh mặt trời nóng ảm, tôi từ từ đưa ngang tay gạt mồ hôi trán. Một giọt rớt xuống mắt tôi, xót quá! Tôi phải đợi hồi lâu bằng chiếc khăn bông giặt ở cặp quần thâm cộc có nẹp trắng. Cơn sốt lai nhai làm cho tôi nhọc mệt và rét run không được, đến giờ là hết!

Tôi trải miếng vải vàng ra giữa thềm gạch, mặc chiếc maillot đỏ dòng dọc xanh, và lấy ở túi vải ra những dây thép, những cọc tre, và hai quả bóng quần. Bắt đầu tự lúc này tôi được người ta chú ý đến một cách sốt sắng.

Vây chung quanh tôi có tới hơn trăm người. Nhiều nhất là trẻ con hí hờn trong những bộ quần áo mới, đến các phu phen ế việc, những thằng nhỏ, con sen, và vài tốp đàn bà nhà què.

Tôi đã đi ngược bằng tay ba, bốn bận. Muốn cho người xem sướng mắt hơn, tôi đổi sang trò uốn cầu vòng, uốn con tôm, uốn cong người để cấn đồng xu cắm xuống đất và nhạt mùi soa. Càng phấn khởi tôi càng không thấy mệt nhọc. Tôi trở hết tài nhào lộn trên mặt đất.

Bao nhiêu tiếng vỗ tay, tiếng reo hò cất lên không ngớt. Trong lúc ấy, người lớn và trẻ con tưởng chừng như đã lạc vào được một rạp xiếc nào. Họ không ngờ tôi, một đứa trẻ đi làm trò một mình, lại tài giỏi đến thế, làm họ khoái trá đến thế. Trời! Sự khoái trá vui thích tăng thêm sự tươi tốt của ngày đầu xuân êm đềm trở lại trong đời họ.

Nhưng... tôi bắt đầu thờ bằng tai sau trò tung cầu trên dây thép. Sau ba phút biểu diễn trò ấy, nhảy xuống đất, tôi nhao hẳn người đi, và khi ngẩng đầu lên, mắt tôi tia ra những đốm sáng, trong tai tôi như có muỗi nhỏ sa vào.

Tôi phải đứng lặng một hồi lâu, và, chợt tôi nhận ra một cái gì, một sự phung phí vì kiêu ngạo nếu không phải vì dại dột.

ánh nắng đã trở nên gay gắt. Mồ hôi trán tôi càng vã ra. Tôi rút khăn lau qua mặt nóng bừng, đoạn vươn vai thở hắt mạnh ra một cái. Tức thì, bao nhiêu sự nhọc mệt mất hết, xác thịt và tâm trí tôi lại nhẹ nhõm phẳng lặng như thường.

Đời sống cảm ngột tôi không được một giây nào chán nản và ủy mị, phải luôn luôn hoạt động, hơn hờ hơn là ánh nắng tương bưng nở rộ với muôn loài.

Không ngờ rằng tôi sắp sửa xin tiền, bọn phu xe và vài người quần chúng áo dài thúc giục:

- Hay quá! Làm nữa đi.

- Làm nữa đi, kia người xem càng kéo đến đông kìa!

- Thế nào chả được nhiều tiền.

Có kẻ giọng quả quyết:

- Ít nhất là hàng hào.

Tôi mỉm cười, trật chiếc mũ nồi đội lệch trên đầu ra, thông thả đi lại chỗ người nói sau cùng, lễ phép thưa:

- Vâng, tôi xin làm nữa, nhưng xin ngài và các ngài hăng thưởng cho ít nhiều.

Những nét mặt tươi tỉnh của hắn ta phút chốc đổi thành những nét cau có. Hắn lắc đầu một cái, ngoảnh mặt đi, lùi bước. Giá là kẻ làm trò khác đã kèo nèo xin, nhưng tôi đây có chút ít học vấn, biết tự trọng và khinh bỉ kẻ không biết tự trọng, tôi chỉ nhìn hắn bằng đuôi con mắt rồi chìa mũ đi xin người khác.

Tiếng vỗ đùi đền đẹt làm tôi chán ngán. Tôi phải đến xin người thứ ba. Tuy ăn vận bảnh bao nhưng chàng nào cũng túi không. Đến người thứ tư, thứ năm, thứ sáu... thứ mười rồi thứ mười mấy chả rõ, cũng túi không.

Rồi những phu phen và đám đàn bà nhà quê lảng dần. Còn lại mấy chục đứa bé... suýt soát... tuổi tôi giương những con mắt thao láo nhìn.

Ngay bấy giờ những tiếng nhạc đồng xoang xoảng từ đầu phố vẳng tới. Tôi kiểng chân lên trông: một thằng bé để tóc hớt kiểu móng lũa, quần vải áo xanh thô, chân dận hài sảo, vừa đi vừa tung đôi dao sáng loáng vừa lắc một chuỗi nhạc đồng. Kêu gọi người xem, anh nhà nghề này dùng những hát lỏ lảng, giọng lè nhè:

- Sẻ cô pa lý sênh ế ề ề... Sẻ cò pà lý sênh ể ề ề... ể ề ề...

Lũ trẻ con bỏ ngay tôi, chạy lại xúm xít quanh thằng bé. Tốp đàn bà nhà quê và phu phen cũng kéo đến liền. Phút chốc trên thềm hè trơ khác mỗi mình tôi, mà đằng đầu phố đồng nghịt những người.

Thằng bé múa dao hơi dạ, tung thêm một con dao nữa, và ráng sức ném nhanh hơn, vừa lắc mạnh cho nhạc càng vang to. Giọng hát lỏ lảng của nó như cổ dươn cao lên:

- ể ề ề... ể ề ề ... sẻ cô pa lý sênh ế ề ề... sẻ cò pà lý sênh ể ề ề ... ể ề ề...

Hơn lúc nãy bội phần, đám người xem, vẫn đám khán giả cũ của tôi, reo hò ầm ĩ.

Thằng bé múa dao bỗng dừng tay. Nó rút cái khăn bông cũng giặt ở cặp quần ra, lau mồ hôi trán, và tháo bình nước đeo ở sau lưng, tu một hơi dài. Mặt nó đỏ bừng đã diu diu. Nó cởi chiếc áo cụt tay ném phất xuống đất, mặc một chiếc xích sắt vào một đôi dao:

- Các ông các pà từng lòi ra, từng lòi ra.

Dứt lời, nó cầm chắc hai con dao có chuôi nối dây xích rồi hất một con dao khác lên. Con dao này vừa rơi xuống, thằng bé không bắt bằng tay, nó lấy một chuôi dao cầm chắc trong tay hất bắn chuôi dao kia lên.

Đồng thời, một lưỡi dao sáng loáng vọt lên theo.

Nguy hiểm hơn, không dùng chuôi dao nữa, nó dùng đoạn xích căng thẳng hất cả hai con dao trước khi và sau khi lộn mũi rơi xuống.

Nó tung thật nhanh, mắt nó sáng ngời lấp lánh như những lưỡi dao ấy, vàng trán bóng rõ hẳn ra cũng nhip theo.

Trò nhào lộn và tung cầu của tôi trên dây thép đã nguy hiểm nhưng đem so sánh với trò múa dao của anh nhà nghề người Tàu này còn thua kém xa.

Nếu không cứng tay, nếu không tinh mắt, nếu chỉ nghĩ lãng đi một giây, hai mũi dao sắc, nhọn kia sẽ cắm sâu hoặc trên đầu, hoặc giữa mặt.

Những tia máu sẽ vọt lên! Những tia máu mà tài múa dao đã cho nó!

Tiếng nhạc rung càng ròn rã, tiếng hát ló lảng càng kêu gọi thêm được một số đông người thua bạc đến xem. Hai lưỡi dao tung lên, rơi xuống nhanh quá đổi, chỉ còn là những làn chớp loáng.

Thằng bé này quả là một nhà nghề đặc sắc, một con cưng của sông hồ. Tôi quên hẳn mình đang cần phải kiếm tiền nuôi miệng bữa chiều nay và những bữa ngày mai, tôi thần thờ trông anh bạn trôi dạt ấy trở hết tài năng.

Chuỗi nhạc đồng rung lên một hồi thật dài rồi ngừng tiếng. Phập, bốn lưỡi dao chập cả lại vào lòng bàn tay phải. Thằng bé múa dao quỳ một gối xuống đất, cúi đầu chào tất cả người xem.

Cánh tay phải nó chuỗi thẳng ra, bốn mũi dao ấy đỡ lấy một giỏ mây xinh xắn. Nó yên lặng chờ những xu hào... Không thể nói nhanh tới chừng nào, những cảm giác chua cay, đau tủi ran lên khắp tim tôi. Tôi không thể cầm lòng nhìn thằng bé cũng dạn dày vì lang thang kia quỳ lâu thêm một phút nữa, chìa giỏ xin tiền những người xem không tiền và không giàu lòng thương lắng dần dần ra những chỗ khác.

Trời! Hai đứa bé nhà nghề chúng tôi đã phô diễn hết tài năng trong bao giờ để sau cùng đổi lấy những cặp mắt lãnh đạm của mọi người.

Tôi vội chạy lại, đỡ thẳng bé múa dao kia dậy; tôi muốn nói với nó một câu gì nhưng cổ họng đã nghẹn ứ mất rồi.

Báo Ngày Nay, 1938

Chân dung Nguyễn Hồng Nguyễn Đăng Mạnh

Bài nghiên cứu văn học đầu tiên của tôi là bài viết về Nguyễn Hồng. ấy là một chương trong giáo trình *Lịch sử văn học Việt Nam giai đoạn 1930 – 1945*, viết chung giữa Đại học Sư phạm Hà Nội và Đại học Sư phạm Vinh, xuất bản năm 1963.

Thỉnh thoảng tôi có gặp Nguyễn Hồng, thường ở trụ sở Hội nhà văn (65 – Nguyễn Du), đôi khi ở báo Văn Nghệ (17 Trần Quốc Toản).

Nguyễn Hồng cũng đến tôi mấy lần, khi ở nhà K2, khi ở nhà B2 khu tập thể cán bộ Đại học Sư phạm Hà Nội. Có lần ông ở cả ngày, ăn với gia đình tôi hai bữa cơm.

Trông bộ dạng Nguyễn Hồng, không ai nghĩ là một nhà văn. Mặt đen sạm, để râu dài. áo cánh màu xanh chàm, bốn túi, mũ lá, dép lốp xỏ cả hai quai hậu, đi xe đạp thiếu nhi Liên Xô, mắt cả chấn xích lẫn chấn bùn, đeo đằng sau một bị cói vừa đựng tài liệu, vừa đựng một chai rượu cốc lùi, kèm theo mấy thanh giang chẻ lạt.

Lần thứ nhất, ông đến tìm tôi khi tôi ở khu nhà lá thuộc dãy nhà K2, chung quanh toàn là cán bộ giảng dạy văn học mà không ai biết đó là nhà văn Nguyễn Hồng. Họ cứ nghĩ là một ông phụ huynh học sinh ở quê ra xin xỏ gì đó

cho con đang học vợ tôi. Ông dắt xe vào khu nhà tập thể, hỏi thăm đúng vào thằng con tôi đang đá bóng ở đầu dãy nhà. Nó không thèm dẫn ông về nhà, mà cứ đứng từ xa chỉ chỗ.

Nhưng nghe chị Ngọc Trai nói về Nguyên Hồng mới thật thương.

Ngọc Trai từng ở với Nguyên Hồng trong một lớp bồi dưỡng nhà văn tại Quảng Bá. ấy là lớp học của một số cây bút trẻ chuẩn bị đi B. Ngọc Trai phụ trách quản trị. Nguyên Hồng phụ trách chuyên môn. Học viên đi B được hưởng tiêu chuẩn ăn cao hơn. Ngọc Trai và Nguyên Hồng không đi B nên không được hưởng tiêu chuẩn ấy. Vì thế ăn chung một chế độ, Ngọc Trai và Nguyên Hồng phải góp thêm tiền. Nguyên Hồng quyết định ăn nửa suất cơm. Ngọc Trai khuyên thế nào cũng không nghe.

Bữa ăn, học trò thương thầy cứ chia cho Nguyên Hồng cả suất như mọi người. Nguyên Hồng không bằng lòng: *“Lại có đũa nào ăn gian đây! Tao có nửa suất mà sao lại như mọi người?”* Ngọc Trai bàn hai người ăn chung, Nguyên Hồng không nghe. Nguyên Hồng rất đạo đức và gương mẫu. Sáng dạy ông tập thể dục. Cũng đeo gạch vào balô chạy, rồi tập đi. Ngọc Trai khuyên không nghe.

Nguyên Hồng đi liên hệ công tác với Vụ Tổ chức Trung ương. Ngọc Trai đề nghị liên hệ ô tô. Nguyên Hồng cũng không nghe, cứ đi xe đạp, vì cho là gần, ngay Bách Thảo thôi mà. Còn người ta coi thường vì có vẻ lúi xùi thì không lo. Ông nói: *“Khinh trọng là do nhân cách của mình chứ!”*

Nguyên Hồng đi xe đạp cùng Ngọc Trai. Buồn cười lắm. Xe không có chuông. ông vừa đi vừa hô bọn trẻ con trên đường: các cháu cho bác đi nhờ nào, xe đạp đây!... cứ thế suốt dọc đường.

Nguyễn Tuân rất bực với Nguyên Hồng: *“Này sao anh lại tự làm khổ mình như vậy, anh có đến nỗi nào!”*. Nguyên Hồng nói: *“Anh khác, tôi khác, tôi làm sao giống như anh được! Người ta có số cả. Số tôi nó thế!”* Có lẽ số Nguyên Hồng thế thật. Sống cũng khổ, chết cũng khổ.

Khi Nguyên Hồng chết, nhà còn có năm bơ gạo, một con gà nhỏ.

Trong túi còn đúng 20 đồng. Hàng xóm cho vay cỡ quan tài. Nguyên Ngọc báo anh em lên đưa ma, nói, Nguyên Hồng nghèo lắm đấy, không có gì thết đãi đâu. Chưa làm điều văn vội, Nguyên Ngọc trước hết lo chạy lên tỉnh, lên huyện, lên đảng uỷ xã bàn với họ cho tiền, cho lợn, cho gạo để làm ma. Hôm đưa ma Nguyên Hồng, tôi không lên được. Ngô Thảo có tả quang cảnh đám ma thật là tội nghiệp: xe tang từ trên đồi đi xuống dốc, phải hò nhau đẩy trở lại làm phanh. Phường kèn toàn là thương binh cụt tay cụt chân (phải là thương binh mới được vào hội kèn, ăn công điểm của hợp tác xã).

Nguyên Hồng có người con cả là Hồng Hà (Nguyên Hồng sinh Hồng Hà khi gia đình ông ở bãi Phúc Xá, bờ sông Hồng) dạy tiếng Anh ở Đại học Sư phạm Ngoại ngữ Hà Nội, cũng ở gần khu nhà ở của cán bộ khoa Văn Đại học sư phạm chúng tôi. Một lần biết ông đang ở chỗ Hồng Hà, tôi đến thăm. Không thể tưởng tượng được nhà ở của một cán bộ giảng dạy đại học mà lại khốn khổ đến thế. Như một cái lều vệt, dựng trên một bãi rác, sau lưng là một dãy nhà xí, cái nào cũng mất cửa.

Nguyên Hồng đang ngồi uống rượu. ông nhắm rượu với một đĩa rau củ cải luộc (ngọn rau, lá rau chứ không phải củ cải). Vậy mà ông cũng nhắm nháp ra vẻ đắc ý lắm. Nguyễn Đình Thi còn nói với tôi, có lần còn bắt gặp ông nhắm rượu với cơm nguội. ấy là cái hồi ông phụ trách trại bồi dưỡng nhà văn trẻ ở Quảng Bá - người ta thường gọi đùa là ông Đốc Hồng. Ông dặn mọi người, sau

10 giờ tối, ông đóng cửa phòng, làm việc riêng, không tiếp khách. Hôm ấy, Nguyễn Đình Thi có việc gì đó khẩn cấp cần gặp ông. Anh đẩy cửa phòng Nguyễn Hồng sau 10 giờ tối, thấy ông đang nhắm rượu với cơm nguội. Nguyễn Đình Thi cười: “*Đấy, nhà văn Việt Nam ăn chơi như thế đấy!*”

Trở lại chuyện tôi đến thăm Nguyễn Hồng ở nhà Hồng Hà. Ông nói: “*Chỗ này giống hết như nơi ngày xưa tôi viết Bỉ vô. Chỗ viết Bỉ vô như thế nào? - Đây, ông viết trong lời Tựa cuốn tiểu thuyết: “Bỉ vô đã viết xong trên một cái bàn kê bên khung cửa trông ra vũng nước đen ngầu bọt của một bãi đất lầy dờ dang và một chuồng lợn ngập ngựa phân tro. Bỉ vô đã viết xong trong một căn nhà cứ đến chập tối là ran lên tiếng muỗi và tiếng trẻ con khóc...”*”

Trò chuyện với Nguyễn Hồng, tôi mới biết ông bị tù từ tuổi thiếu niên. Ông có một người chú dượng thường ức hiếp, hành hạ vợ, tức là một bà cô của ông. Ông tức quá, rút dao đâm ông này và bị đưa đi trại cải tạo trẻ con hư (đầu như ở Bắc Giang).

Lần thứ hai ông bị tù vì tham gia phong trào thanh niên dân chủ của Đảng cộng sản cuối thời kỳ mặt trận dân chủ Đông Dương (1936 – 1939) ông bị bắt về tội tàng trữ tài liệu cộng sản, giam ở Căng Bắc Mê, Hà Giang. Không phải ngẫu nhiên mà ông hay viết về nhà tù: *Bà Vỹ, Khói ken nếp và xà lim, phóng sự Tù trẻ con, Tù đàn bà, Tiểu thuyết Bỉ vô, Con bão đã đến...*

Thời kỳ Mặt trận dân chủ Đông Dương, Nguyễn Hồng rất hăng hái hoạt động. Ông cùng Như Phong tích cực viết cho các báo chí tiến bộ như *Thế giới, Mới, Người mới*. Rất phục những chiến sĩ cộng sản trong nhóm *Tin tức*, muốn sáng tác theo khuynh hướng tả thực xã hội chủ nghĩa. Sau khi viết *Bỉ vô, Những ngày thơ ấu*, ông có vị trí khá nổi nên có quan hệ với Mười Cúc, Nguyễn Thiện Chân, Lê Quang Hoà, Bùi Vũ Trụ... Ông say mê đọc *Le Travail, Rassemblement, Bạn dân, Thời thế*. Đọc Gorki, L.Tolstoi, *La Resurrection, Voyage à Moscou* của Henri Barbusse, sách của Hải Triều viết về ba nhà văn cách mạng. Đọc *Ngục Kontum* của Lê Văn Hiến, *Một ngày ngàn thu* của Tôn Quang Phiệt... Rất mê *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản (b) Liên Xô*. Ngày 1.5.1938, ông đi nghe Trần Huy Liệu diễn thuyết ở Đẩu Xảo. Phan Bội có mở một lớp Mác xít, ông có dự cùng với Trần Quang Huy, Đào Duy Kỳ, Nguyễn Hữu Dụng, Thành Ngọc Quảng, Nguyễn Thường Khanh, Như Phong, Đào Văn Trường, Trần Đình Chi. Lớp mở ở Phạm Phú Thứ. ông nói, nghe giảng chán bỏ mẹ, đọc sách thú hơn. Ông nhớ có đọc một cuốn sách về Gorki như con gà ủ các nhà văn trẻ...

Lúc ấy ông tự coi mình đích thực là cộng sản rồi. Ông quyết chuyển đề tài viết về giai cấp vô sản. Ông viết về công nhân, về thợ mỏ, về phu đồn điền: *Một quả đấm, Đến cây số 13, Người đàn bà Tàu, Đẹp, Những giọt sữa...* Ông đi vào mỏ Vàng Danh và viết *Thanh niên trong bụi đen...* Tinh thần lúc ấy hết sức lạc quan tin tưởng. Ông viết *Nắng mới* (Đăng trên báo *Người mới*) với tinh thần ấy.

Năm 1939, thực dân bắt đầu khủng bố.

Tháng 9 – 1939, ông bị bắt. Lý do: tàng trữ tài liệu cộng sản. Đó là cuốn *Tự chỉ trích* của Nguyễn Văn Cừ. Lúc bị bắt, ông đọc câu thơ Tố Hữu và rất lấy làm tự hào:

Tôi sẽ cười như kẻ sẵn lòng tin

Giữ trinh bạch linh hồn trong bụi bần.

ở Căng Bắc Mê, Tô Hiệu mở lớp huấn luyện về lý luận. Dự lớp có Tô Quang Đẩu, Ngô Minh Loan, Hồ Đen, Trần Các, Tô Dĩ, Phan Bôi, Xuân Thuỷ, Nguyễn Hồng. Ông nói, chúng tôi hát rất hồn nhiên, rất say sưa, say lý tưởng, sống cứ như trong mơ...

Trong tù có những hình ảnh rất đẹp. Ông nhớ hình ảnh chị Bùi Đình Đồng bụng chửa, ung dung vào xà lim với chồng, dắt theo đứa con lên ba. Đẹp nhất là hình ảnh Tô Hiệu, áo cổ lọ, mũ nồi, ngực đẹt, tiếng khàn khàn vì bị tra tấn, làm việc say mê chuẩn bị cho lớp huấn luyện. Ai dự lớp huấn luyện coi như không được tha.

Trong tù, có tin Liên Xô ký hiệp ước với Đức. Lúc ấy, vấn đề đặt ra là:

Lý tưởng và lòng tin? Không có lòng tin thì làm sao chống lại được sức mạnh của đế quốc hết sức ghê gớm lúc bấy giờ.

Nhưng nghe Tô Hiệu giảng bài, sức thuyết phục còn hơn cả sách vở.

Cái feu, cái ánh sáng ở con người Tô Hiệu rất thuyết phục! Lớp học mỗi ngày giảng ba buổi. Giờ khác thì soạn bài, ghi trên giấy cuốn thuốc lá, thuốc Lào, giấy gói bánh khảo. Tô Hiệu viết từ 9 giờ tối đến 2 giờ đêm... Sáng đi làm cỏ vệ thì chuyển tài liệu cho các trại.

Vợ chồng Bùi Đình Đồng và Tô Hiệu, sau này được Nguyễn Hồng dùng làm nguyên mẫu cho mấy nhân vật cách mạng của ông trong bộ tiểu thuyết *Cửa biển*.

ở tù ra, Nguyễn Hồng lấy vợ. Chả quen biết gì nhau đâu, chỉ nhờ mối lái mà lấy nhau. Đám cưới không có chú rể. Người ta đưa dâu về nhà chồng ở xóm Cẩm, Hải Phòng, nhưng chú rể, tuy đã ra tù, vẫn phải chịu chế độ quản thúc ở Nam Định.

Nguyễn Hồng rất giàu tình cảm, rất dễ xúc động, hay khóc. Các con hay cười bố về chuyện này. Mẹ ông chết năm 1973, ông thương khóc như mưa như gió, dữ dội quá, làm cho vợ ông sợ quá, phát ốm. Lúc sống, mẹ con hay gắt nhau, thế mà lúc chết thì khóc như thế. Hôm tôi lên Nhà Nam ăn một trăm ngày Nguyễn Hồng, bà Nguyễn Hồng nói với tôi như vậy.

Ông Hoài Thanh cho biết, Nguyễn Hồng có lúc đang nói trên diễn đàn hội nghị, bỗng dừng lại: "*Các đồng chí cho tôi khóc một lúc đã*".

Hoài Thanh có vẻ nghi ngờ sự chân thật của Nguyễn Hồng, vì thấy có một cái gì không bình thường trong cách biểu hiện cảm xúc của ông. Thực ra chính vì ông có một trái tim khác thường – một trái tim lớn. Cho nên trong suốt cuộc kháng chiến 9 năm, đi đâu ông cũng cống balô tập bản thảo tiểu thuyết *Sống mòn* dày cộp của Nam Cao. Mùa hè ông có thể ngồi quạt cho các bạn bè ngồi viết văn. Trước cái chết oan ức và vô cùng thảm khốc của Lan Khai, ông gửi cho vợ Lan Khai những dòng chữ như viết bằng máu:

Sống làm than, chết cũng làm than

Viết mọi rợ, chết vì mọi rợ.

Một ngọn đèn xanh, hai dòng lệ đỏ...

Kim Lân còn chứng kiến Nguyễn Hồng vừa viết văn vừa khóc. Khóc nước nớc. Vừa đấm lưng vừa khóc. Thương cả nhân vật do mình hư cấu ra. Trong *Cửa biển*, có nhân vật tên là Gái Đen, phu bến tàu Hải Phòng. Người rất tốt, gia đình có truyền thống yêu nước, nhưng lấy nhầm phải một thằng phản bội cách mạng, có mang với nó. Đau khổ quá, lúc trở dạ đẻ, cô quần quai, vật vã, đẻ xong thì chết. Ngồi viết ở Đồi Cháy, Nhà Nam, đến chỗ Gái Đen chết, ông vừa

khóc vừa chạy xuống bếp, nói với cô con gái đang nấu cơm: “*Con ơi, Gái Đen chết rồi!*”. Hôm ở trụ sở báo *Văn nghệ*, thuật lại chuyện này, ông cũng khóc. Nói chuyện với ông, tôi rất ngại. Vì ông khóc mà mình chẳng thấy xúc động gì cả, y như thằng không có tình cảm. Mà nhìn người đàn ông râu ria ngời khóc, trông rất tội.

Giàu lòng thương người nên Nguyên Hồng quan niệm chủ nghĩa hiện thực không tách rời tình cảm đối với nhân dân lao động. Cho nên ông không thoả mãn với chủ nghĩa hiện thực của Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng. Ông không thích Mạnh Phú Tư, Tô Hoài, cho là nhạt, không có tâm huyết, thiếu tình người. Ông thích Hồ Dzếnh, đánh giá cao *Am cu li xe* của Thanh Tịnh là vì thế. Nguyên Hồng cho tả thực xã hội (hồi ấy người ta không nói *hiện thực* mà nói *tả thực*) phải gắn bó với người lao động nghèo khổ, yêu thương và có trách nhiệm với người cùng khổ. Vì thế, ông cho Nguyễn Công Hoan không phải là tả thực. Cũng vì thế mà trong thời kỳ Mặt trận dân chủ Đông Dương, chịu ảnh hưởng của phong trào cộng sản, ông bắt ngay lấy học thuyết giai cấp. Ông tự thấy không phải không có tinh thần yêu nước và lòng tự hào dân tộc, nhưng say giai cấp hơn. Đây là chỗ khác với phần lớn các cây bút tiểu tư sản đương thời. Họ nhạy cảm với vấn đề dân tộc, còn chuyện giai cấp thì rất khó “vào”.

Nguyên Hồng thì say giai cấp. Ông viết *Người đàn bà Tàu* (1939), ca ngợi tinh thần quốc tế của giai cấp vô sản.

Người đàn bà Tàu, ông coi đây là một bước rẽ của mình về tư tưởng và nghệ thuật.

Nhưng cũng là bước rẽ vào nhà tù - ông nói với tôi như vậy.

Lần thứ hai, Nguyên Hồng tìm đến tôi, khi gia đình tôi đã chuyển lên ở nhà B2, tầng năm. Lần này ông ở lại với gia đình tôi cả ngày. Thông thường người uống rượu, thích thuốc lá, trà tàu. Nguyên Hồng đi đâu cũng xách theo chai rượu, nhưng không hút thuốc lá, uống trà tàu. Trời nóng ông chỉ xin một cốc nước lạnh.

Hôm ấy đưa con gái tôi mới học lớp một. Nó đi học về, phàn nàn là cô giáo bắt làm một bài tập kể tên các loài chim có ích. Nguyên Hồng đã gợi ý giúp nó làm bài tập ấy.

Tôi nhớ lần gặp ấy, Nguyên Hồng có nói một câu mới nghe có vẻ vô lý, nhưng nghiệm ra thấy rất đúng: “*Thầy giáo Mạnh này, bọn văn xuôi chúng tôi rất dại, chỉ có bọn làm thơ là khôn*”.

Sự thật quả có thế. Mấy ông văn xuôi thường hay bị đánh: Nguyễn Tuân (*Phở, Tình rừng, Tờ hoa...*), Nguyên Hồng (*Con hổ ở Suối Cát*), Nguyễn Huy Tưởng (*Một ngày chủ nhật*), Tô Hoài (*Mười năm, Để mèn phiêu lưu ký*), Nguyễn Thành Long (*Cái gốc*), Nguyễn Khải (*Đối mặt*), rồi Phùng Quán, Trần Dần, Nguyễn Ngọc, Nguyễn Dậu, Hà Minh Tuân... Còn bọn làm thơ, phần lớn là quan chức cao cấp, được Đảng tín nhiệm: Tố Hữu, Huy Cận, Chế Lan Viên, Xuân Diệu, Chính Hữu, Nguyễn Đình Thi. Thế hệ sau là Bằng Việt, Hữu Thỉnh, Vũ Quần Phương, Nguyễn Khoa Điềm, Trần Đăng Khoa... Tất nhiên có ngoại lệ, nhưng không nhiều. Phần lớn đúng như Nguyên Hồng nói.

Trong hoàn cảnh của chính thể ta, tôi cho Nguyên Hồng là người cứng cỏi hơn cả, bản lĩnh hơn cả. Hồi anh Nguyễn Đình Nghi đến thăm tôi, tôi có tặng anh cuốn *Con đường đi vào thế giới nghệ thuật của nhà văn*, trong đó có

bài *Nguyễn Đình Thi như tôi biết*. ở bài này, tôi có ý chê Nguyễn Đình Thi thiếu dũng khí. Nguyễn Đình Nghi đọc sách và phân cho tôi, ý nói nên thông cảm với giới văn nghệ dưới chính thể này. Anh nói, anh là con ông Thế Lữ, nên được tiếp xúc nhiều với giới nhà văn. Anh biết, chẳng ai có dũng khí được đâu, kể cả Phan Khôi, Nguyễn Tuân.

Đúng thế thật. Nguyễn Tuân vẫn được tiếng là ngang bướng, vậy mà tôi nghe nói, có lần ông vừa uống rượu vừa khóc: “Tôi được như thế này là vì biết sợ”.

Nguyên Hồng không sợ. Hồi ông phụ trách thư ký toà soạn tuần báo *Văn*, tờ báo bị quy là Nhân Văn góc đầu dây, ông không chịu, không cho mình là sai. Ông từ chối kiểm thảo, từ chối đi thực tế cải tạo tư tưởng, trong khi hầu hết đều tự kiểm thảo và đi thực tế: Nguyễn Tuân, Nguyễn Huy Tưởng, Nguyễn Khải, Tô Hoài đi Tây Bắc, Điện Biên, Huy Cận đi vùng mỏ, Đào Vũ đi nông thôn...v.v

Nguyên Hồng không đi. Ông khinh tuốt, cho tất cả chúng nó đều hèn. “*Tao đéo chơi với chúng mày nữa*” - ông tuyên bố thế và bỏ ra ngoài biên chế, đưa cả gia đình lên Nhã Nam, trở lại Đồi Cháy, nơi ông sơ tán thời kháng chiến chống Pháp. Ông đã phải trả giá rất đắt cho thái độ cứng cỏi này. Đang có nhà cửa, việc làm ở Hà Nội mà lại bỏ đi như thế, ở thời bao cấp, là một hành vi hết sức dũng cảm, thậm chí liều lĩnh. Lên Nhã Nam, một phiếu gạo của ông (13 cân rưỡi) nuôi 9 người: một vợ và 7 con bé lắt nhắt. Lại còn mẹ ông nữa lúc ấy còn sống. Đói theo nghĩa đen! Vợ đi chăn bò cho hợp tác xã, mùa đông phải gặm một con cá mắm khô cho đỡ rét. Các con thì mò cua bắt ốc. Ăn ngô ăn khoai thay cơm.

Hôm cúng 100 ngày Nguyên Hồng (Nguyên Hồng mất ngày 2.5.1982, một trăm ngày là 10.8.1982), tôi có lên dự cùng với Nguyễn Xuân Sanh và Vương Trí Nhàn.

Này đây là Đồi Cháy, ấp Cầu Đen đây. Nơi từng hội tụ một số gia đình văn nghệ sĩ thời kháng chiến chống Pháp: Ngô Tất Tố, Kim Lân, Nguyên Hồng, Tạ Thúc Bình, Trần Văn Cẩn. Ngày xưa không biết quang cảnh thế nào, còn giờ đây chỉ có căn nhà của Nguyên Hồng. Nhà lợp ngói, tường đất (gọi là tường trình). Một cái bếp. Trên chái nhà thấy còn treo một cái bàn thấp, nhỏ, gỗ tạp, giống như một cái kỷ nhưng rất thô sơ. Nguyên Hồng thường đặt bàn lên giường ngồi viết, hoặc đem ra gốc cây khế góc sân, giải chiếu ngồi làm việc. Khoảng 9, 10 giờ sáng ngày 2.5.1982 – bà Hồng kể - Nguyên Hồng đang làm việc ở gốc khế, xoay ra vác đất đắp vào chân tường nhà bếp. Tường xi măng mà không có móng, sợ chuột đào ổ, nên phải đắp đất cho vững. Bà Hồng bảo thuê thợ, ông không nghe. Trời mưa lất phất. Ông thấy mệt, giải chiếu nằm nghỉ ở bờ tre. Bà Hồng đi về nhà ngang, sau lên nhà trên. Ông tắt thở khoảng 2 giờ chiều. Trước khi chết chỉ đập đập tay xuống giường có vẻ bức bối, nói với vợ, gọi cho Hội nhà văn. Bà Hồng thở dài “*Ông ấy cả đời chả bao giờ được sướng. Uống rượu chả có gì nhắm cũng khê khê. Trông dáng dấp như anh cụ li xe ngồi nhắm rượu ở vỉa hè. Túm thiếu thế, nhưng có tiền (tiền sách) là cúng ngay cho xã để xây dựng trường học (300 đồng)*”.

Tôi thấy trong nhà có một cái tủ ọp ẹp, không có khoá, mở ra thấy chất đầy bản thảo của Nguyên Hồng. Tôi tìm thấy một cuốn nhật ký. Đọc mấy trang, thấy hoàn cảnh gia đình Nguyên Hồng hồi ấy thật bi đát. Tôi có ghi được mấy

đoạn:

21.4.1968. Nhà tôi đi lĩnh ngô về thì bị hen. Tôi lại phải làm cơm...

24.4.1968. Sáng tôi đi chợ Nhã Nam mua dây khoai cho lợn ăn bữa cuối cùng. Khoai lang bán 11 đồng một gánh, tôi không dám mua. Mua thêm chục mớ rau muống để về cấy. Tôi đến hàng chị Lương xem ra làm sao, nhưng không mua được gì cả. Tôi đã bắt đầu viết bản thảo ba "Đôi chim tan lạc và anh bộ đội".

26.4.1968. Tôi sang huyện. Mua đôi dép cho Thu 5đ5 và bé Diệu cái bàn chải đánh răng. Xin mua được 3 thếp giấy và 2 cân dầu.

28.4.1968. Nhà tôi trả trâu. Cái Nhã cắt cỏ, cái Thế đi chăn lần cuối cùng: "Trâu ơi! Tao giả mày, tao nhớ mày lắm!". Nó tần ngần mãi khi đưa trạc cho cái Hạnh.

Mẹ tôi đi xin cơm cho con mèo múp. Vợ tôi nhá ngô cho các gà con.

Tôi giã ngô, những hạt nở mềm nhất cho mèo ăn.

Chủ nhật trống rỗng. Bầu Hội đồng nhân dân tỉnh. Nhã bắt được 40 con cua. Nhã nấu canh cua với rau khoai lang. Tôi nhắm rượu với mấy con cua con xào tỏi... Thu, Nhã làm đất trồng rau dền. Bãi rau muống đã hái được.

29.4.1968. Cái Diệu khoe "Nhà cái Quỳnh sắp nhịn đói, nhà ta nhịn đói đã từ lâu rồi!". Hôm nhà tôi ốm, nó cũng khoe với các bạn Quỳnh, Các: "Bu tao sắp chết rồi!"

Nhà tôi rên lên: "Phải, tao sắp chết rồi đây"

Tình cảnh Nguyên Hồng như thế mà không ai dám cứu. Hội nhà văn, Tỉnh uỷ Bắc Giang, Hội Văn nghệ Hải Phòng đều sợ, không dám hỏi han gì đến. Nhưng hoàn cảnh như thế mà Nguyên Hồng vẫn viết, hết *Cửa biển* (4 tập, mỗi tập 500 trang) lại *Núi rừng Yên Thế*. Lao động như thế, ăn uống như thế, ông sống được đến ngoài 60 tuổi kể cũng giỏi!.

Bản lĩnh Nguyên Hồng như thế nên Nguyễn Tuân rất phục. Khi Nguyên Hồng mất, người ta làm lễ viếng ở 51 Trần Hưng Đạo. Nguyễn Tuân phát biểu, vừa nói vừa khóc. Ông còn nói với chị Ngọc Trai: "Người ta cứ bảo tôi bướng, chứ tôi bướng sao bằng Nguyên Hồng!"

Chính trong lễ viếng Nguyên Hồng hôm ấy, chị Lê Minh, phụ trách mục Văn nghệ trên báo *Nhân dân*, đặt tôi viết một bài về Nguyên Hồng. Tôi viết một hơi bài *Thương tiếc nhà văn Nguyên Hồng*, lấy chuyện mau nước mắt của ông làm lời kết: "Bây giờ nằm dưới ba thước đất, nguồn nước mắt ấy liệu có bao giờ khô cạn được chăng?".

Nguyên Hồng, trong sinh hoạt, có nhiều cái hết sức nhếch nhác. Xem *Cát bụi chân ai* của Tô Hoài thì đủ rõ. Nhưng có lẽ chưa bao giờ ông lâm vào tình trạng nhục nhã, ê chề như trường hợp kể sau đây.

Tôi có một anh bạn thân tên là Trần Văn Lộc. Lâu ngày quá, giờ tôi không còn nhớ đã quen Lộc trong trường hợp nào và từ bao giờ.

Hồi xưa anh học Sư phạm trung cấp ở Khu học xá Việt Nam tại Nam Ninh (Trung Quốc). Sau lại về học tiếp ở Đại học Sư phạm Hà Nội. Có một hồi không hiểu sao anh lại tự sát nhưng cứu được. Tôi đến thăm anh ở bệnh viện, anh ôm lấy tôi khóc ồ ồ, rất tội.

Trần Văn Lộc là em ruột Trần Văn Nhung. Hồi Nhật đảo chính Pháp ở Hà Nội (9.3.1945), Trần Văn Nhung theo Nhật đánh Pháp và bị tử thương.

Thời gian học ở khu học xá Nam Ninh, Lộc bị bệnh sa ruột (gọi là sa đì) phải vào chữa ở bệnh viện Nam Ninh. Đúng lúc ấy, Nguyên Hồng cũng sang điều trị tại đây, và cũng bị bệnh ấy. Bị bệnh này thì phải giải phẫu. Giải phẫu thì phải làm vệ sinh cẩn thận, trước hết phải cạo hết lông ở quanh dương vật rồi bôi thuốc sát trùng.

Nguyên Hồng lên bàn mổ trước. Máy cô y tá Trung Quốc trẻ trung, hồng hào, trắng trẻo, làm công việc này một cách rất tỉ mỉ, cẩn thận, nên kéo dài rất lâu. Nguyên Hồng hoảng quá. Phải làm sao át đi những ý nghĩ bậy bạ. Ông bèn nghĩ đến đất nước đang có chiến tranh, khói lửa mịt mù, nhân dân cực khổ. Nhưng không sao át được. Cái ấy dần dần cương lên. Nhưng cô y tá cứ tiếp tục công việc một cách tỉ mỉ kỹ lưỡng. Cuối cùng một việc “quốc sỉ” đã xảy ra, nó vọt vào áo của cô y tá. Cô gái cứ coi như không có chuyện gì, thản nhiên lau chùi đi và tiếp tục công việc của mình.

Giải phẫu xong, Nguyên Hồng về phòng, kể nỗi nhục nhã này với Trần Văn Lộc.

Lộc sợ quá, vội buồng màn, tự làm vệ sinh trước.

Con người này quá giàu xúc cảm, lại giàu tưởng tượng. Xuân Diệu nói Nguyên Hồng có năng khiếu của một nhà văn lớn là thế.

Nhưng lý trí yếu, không làm chủ được. Nguyên Hồng có 7 con. Vợ cứ để sồn sồn. Xuân Diệu thì rất ghét người để nhiều, vô kế hoạch. Đi đâu ông cũng tuyên truyền sinh đẻ có kế hoạch. Ông bực với Nguyên Hồng: “Sao đẻ nhiều thế?”. Nguyên Hồng có câu trả lời rất lạ: “Vi vợ tôi nó xấu”.

Xuân Diệu kể với tôi chuyện này, và nói anh không hiểu được ý nó muốn nói gì.

Tôi nghĩ chắc là không làm chủ được cảm xúc, không làm chủ được bản năng thể thôi.

Nhưng Nguyên Hồng có mấy ông con thật không ra gì. Luôn oán bố. Bố chết rồi vẫn thù oán. Tô Hoài nói với tôi như vậy. Đang yên đang lành ở Hà Nội, dùng dùng đưa cả nhà lên cái quả đồi sỏi đá heo hút, khiến vợ con đói khát, phải mò cua bắt ốc, ăn khoai ăn sắn. Nhưng bố chết rồi vẫn còn thù oán thì quá tệ. Mà cái lý do ông bỏ biên chế, bỏ Hà Nội, phải nói là rất đáng phục chứ! Hội Hải Phòng tổ chức một cuộc hội thảo về Nguyên Hồng nhân ngày giỗ đầu của ông (Nguyên Hồng vốn là chủ tịch Hội Văn nghệ Hải Phòng), người ta cho xe đón Hồng Hà (anh con cả của Nguyên Hồng) đi dự. Anh ta không đi.

Vào khoảng 1986, 1987, tôi có biên soạn cuốn *Nguyên Hồng, con người và sự nghiệp*. Tôi nói với Hồng Hà về bảo mẹ kể lại những kỉ niệm về bố rồi viết lại cho tôi một bài để đưa vào tập sách. Anh ta không làm. Thế mà sinh thời, Nguyên Hồng từng làm một bài thơ dài rất thống thiết: “*Hồng Hà, con ơi!*” Tôi lo lắng cho cái tử không khoá ở Nhã Nam dựng các bản thảo, nhật kí của Nguyên Hồng, nay có còn không? Nguyên Hồng còn có một người con trai khác tên là Giang vẫn ở Nhã Nam.

Hôm tôi lên thăm mộ Nguyên Hồng, có gặp Giang. Anh ta không nói gì về sự nghiệp của bố mà cứ khuyên tôi nghiên cứu Tân Đà. Mà cứ nói đi nói lại mấy lần. Trong khi đó, chưa có ai sưu tầm tài liệu để làm *Toàn tập Nguyên Hồng*.

Đúng là Nguyên Hồng chết rồi vẫn khổ!

Chuyện làng văn Trần Văn Đò

Nguyễn Hồng bên lề trang viết

Con người nhà văn Nguyễn Hồng giàu lòng vị tha, nhân hậu, sống giản dị và hòa hợp với đời sống nhân quần - một đời sống mà chính ông cũng trải qua không ít cam go, cực nhọc, nhưng là chất men say sáng tạo của ông, thiếu đi đời sống ấy sẽ không thể có được những trang văn đầy xúc động ám áp tình người.

Nhân kỷ niệm 50 năm thành lập Hội Nhà văn Việt Nam và 25 năm ngày giỗ Nhà văn Nguyễn Hồng (5/1982 - 5/2007), chúng tôi trân trọng giới thiệu bài viết của nhà thơ Nguyễn Thanh Kim về ông.

Bức vách trống

Đang viết, nhà văn Nguyễn Hồng đột ngột dừng bút, đứng dậy ngó nghiêng trước bức vách trống, lẩm bẩm không rõ điều gì. Và như bị thôi miên, ông lập cập chạy đến đóng rác góc nhà hối hả lôi ra một tờ giấy đã nhàu nát. Vừa như bị xúc phạm, vừa cảm thấy mình có lỗi, ông vội vàng đặt nó lên chiếc chõng tre quen thuộc.

Với đôi tay thô nháp, run run, nhà văn cẩn thận vuốt từng ly từng tí mặt tờ giấy đó, chỗ nào quăn và mép gầy gập ông lấy cùi tay xoa nhẹ nhiều lần cho phẳng. Bản thảo chẳng? - Không, đó là một bức tranh Đông Hồ, với những hình gà quen thuộc, màu sắc nhuần nhuyễn, tranh đã cũ, ai đó vô tình quét lẫn với rác trong nhà. Bức tranh được treo về chỗ, nơi nó đã rơi xuống. Trông bức tranh sáng sủa hơn vì ông đã dán thêm phía sau một tờ giấy trắng muốt. Có lẽ chưa ai hiểu rằng nhà văn Nguyễn Hồng quý bức tranh đậm đà “Hồn dân tộc tươi trong” ấy đến thế.

Nhiệt tâm của Nhà văn với tác giả “Bên kia sông Đuống”

Gần 40 năm qua, bài thơ Bên kia sông Đuống của nhà thơ Hoàng Cầm được nhiều thế hệ bạn đọc yêu mến và chép tay truyền đọc. Ngay cả thời vượt Trường Sơn chống Mỹ, bài thơ vẫn nằm trong hành trang người chiến sĩ trên những chặng đường hành quân. Nhưng có lẽ ít người hiểu được bài thơ dài này đã được nhà văn Nguyễn Hồng trân trọng như thế nào? Vào khoảng năm 1947-1948, nhà văn Nguyễn Hồng là chủ bút báo Quân Việt Bắc đóng ở xóm Thượng - Phú Bình (Thái Nguyên), cùng với nhà thơ Hoàng Cầm lúc đó phụ trách Đội Văn nghệ Tuyên truyền khu 12. Nhà văn Nguyễn Hồng sau một ngày làm “công việc bếp núc” của tòa soạn ngủ thiếp đi, chợt có ai lay mình dậy: “- Kia, Hoàng Cầm đấy à, có việc gì cần mình thế!”. Nhà thơ Hoàng Cầm tay cầm mảnh giấy, khuôn mặt hốc hác sau một đêm mất ngủ, nhưng cặp mắt ánh lên vẻ nhẹ nhõm, thư thái: “Anh Nguyễn Hồng, đêm qua cán bộ và nhân dân làng tôi ở Thuận Thành lên báo cáo. Giặc Pháp chiếm hết khu Nam phần Bắc Ninh rồi, kể cả cái làng Nguyệt Cầu mà hồi nào anh chạy giặc ở nhờ nhà ông Ngọc Giao ấy! Mình xúc động viết bài thơ này đọc cho Nguyễn Hồng nghe nhé. Nghe giọng đọc trầm ấm của Hoàng Cầm: “Em ơi buồn làm chi? - Anh đưa em về bên kia sông Đuống...” Tự nhiên nhà văn Nguyễn Hồng ôm mặt khóc nức nở. Ông vật mình thổn thức, nước mắt giàn giụa... Nhà thơ Hoàng Cầm biết tính ông, cứ đọc... cho đến hết bài thơ dài. Còn nhà văn Nguyễn Hồng cứ khóc... khi những âm hưởng của bài thơ kết thúc từ lâu. Rồi ông lặng lẽ rút ra 4-5 tờ giấy trắng tinh (hồi này giấy rất hiếm, ngay nhà văn cũng chỉ dám dùng giấy giang Hoàng Văn Thụ chép bản thảo của mình mà thôi!): - Hoàng Cầm này, ông chép cho tôi ba bản thật sạch sẽ, bài thơ này rất cần cho nhiều người đọc... Nhất là các chiến sĩ ta. Khoảng 2 tháng sau, trong lúc nhà thơ Hoàng Cầm đang hướng dẫn cho diễn viên tập vở kịch Đưa con nuôi thì nhà văn Nguyễn Hồng xuất hiện ở bậc cửa, tay cầm tờ báo Cứu Quốc khỏ nhờ (do nhà nghiên cứu văn học Như Phong và nhà văn Tô Hoài phụ trách):

“Này Hoàng Cầm, bài của ông tôi gửi đây, giờ báo in đây!”. Nhà thơ Hoàng Cầm run run nhận tờ báo từ tay Nguyễn Hồng. Bao nhiêu tâm sự trào dâng về quê hương ông, về cái làng Lạc Thổ phía bên kia sông Đuống, về các cô gái “môi trầu cắn chì”, về tranh làng Hồ. Màu dân tộc sáng bừng trên giấy điệp... đang bị giặc Pháp giày xéo dưới xuôi kia vẫn không thể làm hoen ố cái hồn dân tộc phồng phồng trên nền giấy bản lem nhem, dưới những con chữ mòn vẹt kia. Và nhà thơ Hoàng Cầm đến tận bây giờ cũng không quên được nhiệt tâm của nhà văn Nguyễn Hồng đối với ông là tác giả bài thơ Bên kia sông Đuống ngay từ những ngày đầu tiên ấy.

Không quá bận tâm

Trong một cuộc vui, một bạn viết văn trẻ có nói xen vào: - Bác Nguyễn Hồng ạ, bên Liên Xô vừa in tuyển tập của bác đấy! Bác thấy thế nào?”. Nhà văn Nguyễn Hồng trầm ngâm một lúc rồi chậm rãi trả lời:

- Việc in và giới thiệu là việc của họ. Việc của mình là lo viết và viết cho hay, cho có ích. Không nên quá bận tâm đến việc in và ấn loát làm gì cho nhọc thân... Ông nâng chén rượu lên và nói sang chuyện khác.

Tìm đâu cũng không thấy nữa

Nhà văn Nguyễn Hồng rất ưa hoạt động. Trong các môn thể thao, ông rất mê môn bóng đá. Hồi trẻ, ông đã từng giữ chân cầu thủ trong nhiều năm. Cậu con trai nhà văn Nguyễn Hồng có kể lại một chuyện về người cha thân yêu của mình: Hồi sinh thời, Nguyễn Hồng có đưa cậu đi xem trận bóng đá ở sân Hàng Đẫy (Hà Nội). Hình như là đội Cảng Hải Phòng gặp đội Công an Hà Nội. Suốt buổi xem, ông cổ vũ rất hăng hái, hò hét, tay chân vung lên, thậm chí nói cười đến... chảy nước mắt. Có điều, ông rất ít chú trọng đến kỹ thuật đá bóng, mà thiên về nhận xét tính cách của cầu thủ: Thăng hậu vệ này “hỗn” quá, cản bóng không được, cứ giở người ta mà nện. Đến nước ấy chỉ có thể tổng cổ ra khỏi bãi mới yên được!”. Một pha bắt bóng của thủ thành ở cạnh “góc chết” khi chịu quả phạt đền. Ông reo lên như con trẻ: “Chà, một pha tuyệt đẹp. Nghệ thuật cũng chỉ đến thế là cùng!” Xong buổi bóng đá, Nguyễn Hồng kéo cậu con trai xuống bãi, bắt tay từng cầu thủ. Riêng thủ thành, không những ông bắt tay, mà còn ôm hôn hồi lâu cảm động. “Tuyệt quá, hay quá. Thỏa quá... Trận này không có cậu cứu nguy cú sút hiểm thì... đội này hôm nay thua “trắng rón” rồi còn gì”. Mọi người còn đang ngỡ ngác vì một cử động viên quá nhiệt tình và hơi kỳ quặc như vậy. Khi hỏi ra biết ông là nhà văn Nguyễn Hồng, định kéo ông ra chụp ảnh chung kỷ niệm với đội thì ông và cậu con trai đã đi tự hồi nào, tìm đâu cũng không thấy nữa.

Nhuận bút ấy sử dụng sao cho ý nghĩa?

Nhà giáo ưu tú Khuất Chi Mai (nguyên là Hiệu trưởng trường PTCS xã Quang Tiến - huyện Tân Yên - Hà Bắc cũ) cho tôi biết: “Hồi sinh thời, nhà văn Nguyễn Hồng có đưa cho thầy số tiền nhuận bút cuốn sách vừa in xong tặng nhà trường mà thầy cứ bắn khoả mãi. Hai người vốn là hàng xóm nên chẳng còn lạ gì gia cảnh của nhau. Nhà văn có ẩm trà ngon cũng bảo con mời thầy sang chơi. Khi đi xa về, có chuyện gì nhà văn cũng kể với thầy. Tuy chênh lệch về tuổi đời nhưng Nguyễn Hồng coi thầy như bạn tâm giao. Thời gian này, nhà văn rất eo hẹp về kinh tế gia đình - thầy Mai bảo thế - nhà neo bán, các con đi học xa. Chẳng hiểu nhuận bút cuốn Sóng gầm được bao nhiêu, mà sử dụng số tiền vào nhà trường sao cho có ý nghĩa. Thật khó quá!”. Nghĩ đi nghĩ lại, thầy Mai cất công đạp xe xuống tận Xí nghiệp ngói Bến Tuần đặt vấn đề mua ngói cho nhà trường. Nghe thầy Mai trình bày và khi biết số tiền thầy Mai mang theo là nhuận bút của nhà văn Nguyễn Hồng, các đồng chí trong Ban giám đốc Xí nghiệp đã ưu tiên cho nhà trường mua ngói loại 1, giá cung cấp và hai phòng học đầu tiên của trường PTCS xã Quang Tiến được lợp ngói. Cảm kích trước tấm lòng của nhà văn Nguyễn Hồng, cán bộ và nhân dân

xã Quang Tiến đã ngói hóa toàn bộ các lớp học của nhà trường chỉ sau một thời gian ngắn. Tình huống khó xử Hôm ấy, Nguyễn Hồng xách nước đi từ dưới suối lên. Bỗng ông nghe ngoài ngõ xôn xao tiếng người cười nói. Chiếc xe com-măng-ca đỗ xích dưới chân đồi. Mấy người khách da trắng cao lớn, ngực đeo máy ảnh bước vào. Thì ra khách nước ngoài của Hội Nhà văn Việt Nam từ Hà Nội lên thăm. Mấy ngày nay, vợ ông xuống huyện chăm sóc cô con dâu vừa ở cũ. Chợ xa, khách lại lên đột xuất, thật bí. Ông bảo cô con gái út làm thịt con ngan đang ấp và “ốp lép” một chục quả trứng gà để tiếp khách. Đồng chí phiên dịch can ông: “Bác không lo, chúng tôi đã mang đồ nguội lên”. Khách bày thức ăn chật chiếc chiếu trải giữa nhà. Suốt buổi, chủ nhà hàn huyên đủ chuyện. Tuy vậy, Nguyễn Hồng vẫn đứng ngồi không yên. Nhìn dáng điệu lúng túng của ông, ai tinh ý sẽ nhận ra tình thế khó xử của ông. Khách đã gỡ cho ông thế bí khi lên thăm nhà, riêng ông vẫn băn khoăn vì chưa chuẩn bị được chu đáo để đáp lại sự thịnh tình của khách từ xa lại.

Về một vé đối

Nhà văn Nguyễn Hồng đang ngồi dự họp ở Vĩnh Phú thì có người đến đưa cho ông một mảnh giấy. Ông giở ra đọc. Thì ra, anh cán bộ văn báo nọ biết nhà văn đang viết bộ tiểu thuyết Núi rừng Yên Thế liền ra một vé đối:

- Buổi sáng lên núi Sáng, trông hoa vàng lại nhớ Hoàng Hoa.

Về đối này khá hóc hiểm, vừa gọi thời gian và không gian “Buổi sáng - Hoàng Hoa” vừa gọi tên hoa, tên người “hoa vàng - hoàng hoa”, lại mở ra địa danh Hoàng Hoa Thám và nghĩa quân Yên Thế hoạt động ở vùng núi Sáng (Vĩnh Phúc) trong nỗi hoài vọng mệnh mang. Người ra vé đối đã khó, nhưng đối lại càng khó hơn. Xong buổi họp, Nguyễn Hồng đến xin khát một dịp khác đối lại. Sau đó, tình cờ một buổi chiều muộn, ông đạp xe qua Phồn Xương, bốn phía sương giăng mờ lung. Tâm trí ông rưng rưng trước cảnh sắc núi rừng. Vé đối này ra trong óc. Nhà văn Nguyễn Hồng vội về viết thư ngay cho anh cán bộ văn hóa nọ trong đó có vé đối:

- Đêm sương đến Phồn Xương, ngắm sự thế càng yêu Yên Thế.

Vé đối này rất chỉnh về đối ý, khá chỉnh về đối lời nhưng quan trọng hơn là đã ký thác được nỗi niềm tâm sự của ông đối với con người và mảnh đất Yên Thế.

Luyện thơ có như luyện võ?

Nhà văn Nguyễn Hồng có lần tâm sự với anh em làm thơ trẻ: - Mỗi người làm thơ phải luyện cho mình một ngón độc - “độc nhất vô nhị”. Trình Giảo Kim ngón độc là búa. Lý Nguyên Bá có cặp chùy đồng... Ra trận, đối phương nghe thấy khiếp vía, vào trận chỉ có bỏ mạng. Chữ thì phải có hồn chữ, phần máu thịt nhất của nhà thơ hiện lên trang giấy. Chữ nghĩa run rẩy, phập phồng tươi mới như ép thì chẳng làm rung động được ai. Chỉ có điều khác là luyện võ thì dùng để đánh người (hay là tự vệ), còn luyện thơ là thứ nghệ thuật “đánh” vào lòng người, nhưng trong ý hướng nâng đỡ.

Cái tên nhỏ của một nhà văn lớn

Cách đây gần 30 năm, họa sĩ vẽ bìa cho cuốn sách đầu trong bộ tiểu thuyết Núi rừng Yên Thế do Hội văn nghệ Hà Bắc xuất bản, đem mẫu bìa đến, nhà văn Nguyễn Hồng rất cảm động: toàn bộ bìa được bố cục bằng mảng chữ được lặp đi lặp lại, màu sắc nhẹ nhàng chắc khỏe. Ông đặt mẫu bìa ngay ngắn trên bàn vừa nói chuyện, vừa ngắm nghía với vẻ hài lòng. Có một chi tiết mà họa sĩ nhớ mãi khi Nguyễn Hồng chỉ tên mình trong bìa sách, ông nói nhỏ bằng giọng nói

lấp chân tình:

- Nay họa sĩ, trước khi đưa in, cháu nhớ giúp bác bố trí cái chữ này nhỏ lại nhé, để to bác thấy chướng quá. Nói xong ông cười. Hôm đó họa sĩ thấy trong mắt ông có đọng giọt nước mắt vì sung sướng.

Nhà văn Nguyễn Hồng: tài năng và nhân cách Vũ Quốc Văn

Ngoài hạnh phúc là nhà văn có nhiều tác phẩm để lại cho hậu thế, Nguyễn Hồng còn là một bậc lão trượng được nhiều nhà văn Việt Nam lớp sau yêu mến, kính trọng ông. Hình như các nhà văn cùng sống làm việc gần gũi với Nguyễn Hồng chưa ai nổi ghét hoặc nói xấu, nghĩ xấu về ông. Ông có một nét sống khiêm nhường, tận tâm với tất cả mọi người. Dường như điều đó tạo được cái uy, cái tín của riêng ông.

Nhà văn Nguyễn Hồng đã vĩnh biệt dương gian trở về cõi bình lai cực lạc ba mươi năm nay rồi. Ông mất ngày mùng 02 tháng 5 năm 1982 ở ấp Cầu Đen, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang, hưởng thọ mới chỉ 64 tuổi.

Vậy là nhà văn đành lỗi hẹn, bỏ lại những dự định công việc ông đang và sẽ làm trong thời gian còn lại của đời mình.

Bộ tiểu thuyết "Núi rừng Yên Thế" ông hằng ấp ủ mấy chục năm cũng mới chỉ kịp hoàn thành một ít trang, ông cho in tập một "Thù nhà nợ nước" năm 1981. Hơn mười năm sau ngày Nguyễn Hồng mất (1993) "Núi rừng Yên Thế" được in tiếp tập hai và lấy chính tên của bộ tiểu thuyết mà sinh thời Nguyễn Hồng dự định là ông sẽ không chỉ viết hai tập.

Nhiều lúc tôi cứ nghĩ nếu nhà văn Nguyễn Hồng còn sống đến bây giờ chắc bạn bè, đồng nghiệp và độc giả yêu quý sẽ còn được đọc nhiều, thậm chí rất nhiều trang viết nữa của ông. Bởi ông là một nhà văn luôn chăm chỉ cần mẫn viết; ông yêu mê, say đắm đến cực độ lao động nhà văn, điều ấy được minh chứng, được ghi nhận, được khẳng định qua gần ba mươi cuốn sách thơ văn với vài chục ngàn trang in mà ông đã cống hiến, để lại cho đời và văn học nước nhà.

Nhớ lại ngày tôi là một chú lính vừa hết thời trận mạc được giải ngũ về lại quê nhà Hải Phòng, một chiều đi qua phố Trần Hưng Đạo, tình cờ nhìn tấm biển "Hội văn nghệ" gắn trước cổng ngôi biệt thự cũ, tôi đã dừng xe, chần chừ một khắc rồi đánh bạo bước vào ngôi biệt thự ấy. Niềm mê đắm say khát văn chương từ hồi còn ngồi ghế trường phổ thông, hồi còn cảm sùng nằm hầm ngủ rừng, khuyến khích, hối thúc tôi làm khách không mời, không hẹn đến nơi này.

Người đầu tiên tôi gặp là nhà văn Nguyễn Quang Thân lúc đó là trưởng ban Văn của Tập Sáng tác Cửa biển. Sau khi nghe tôi bày tỏ ngỏ ý định liêu lĩnh với nghiệp viết lách, anh Thân nhìn tôi cười, khuyến khích: "Cậu cứ về viết đi rồi gửi bài lại cho mình".

Ít ngày sau tôi đến Hội Văn nghệ gửi bài cho anh Nguyễn Quang Thân, may mắn sao bữa đó tôi được gặp cả nhà văn Nguyễn Hồng. Tôi mừng quýnh khi được gặp một nhà văn lớn mà tôi hằng ngưỡng mộ. Tôi như người đang mơ trong cõi thực. Tôi say sưa ngắm khuôn mặt rằm nắng, chòm râu đen lẫn đôi sợi bạc, đôi mắt sáng và khuôn miệng luôn đậu một nụ cười bao dung, chân thiện của Nguyễn Hồng. Thời gian sau đó cứ một vài tháng Nguyễn Hồng lại từ Bắc Giang xuôi tàu thủy về Hội văn nghệ Hải Phòng làm việc thì thi thoảng tôi lại được gặp ông. Những lần gần gũi nhà văn Nguyễn Hồng, được nghe ông nói, ông chỉ bảo, khen chê góp ý với tôi về công việc viết văn từ dạo ấy đến bây giờ tôi vẫn nhớ.

Nhà văn có một cách nói giản dị, dễ hiểu, gần như nôm na nhưng hết sức thiết thực quý giá với những người mon men bước vào nghiệp viết như tôi. Một lần Nguyễn Hồng đọc thẩm định một truyện vừa của một tác giả có thâm niên, trước đó anh nói với nhà văn rằng anh sẽ viết tác

phẩm đó khoảng 70 trang. Nhưng khi Nguyễn Hồng đọc thẩm định cái truyện của tác giả kia đã hơn 40 trang mà vẫn chưa thấy hình hài nhân vật đâu cả thì ông than và bảo tác giả rằng: “Cứ đà này có lẽ anh sẽ viết đến 700 trang mất thôi”. Rồi ông ngừng nói, triu mền nhìn tác giả truyện vừa và bộn viết trẻ chúng tôi giọng nhẹ nhàng thủ thỉ: “Các anh đọc cái truyện “Đồi móng giò” của ông Nam Cao rồi phải không? Mào đầu thiên truyện đó ông ấy chỉ viết có mấy dòng mà cái nhân dạng, tính cách của cái thằng Trạch Văn Đoàn nó đã rõ hiện mồn một ra rồi”. Nghĩa là khi các anh viết thì hãy đừng có đồng dài vòng vo mà truyện nó tãi ra, nhạt lảm.

Một lần khác Nguyễn Hồng khuyên chúng tôi phải tự biết mình. Ông nói: “Các cụ ta xưa có câu “liệu cơm gắp mắm” nghĩa thủng thạp nhà anh chỉ vớt được có hai lẻ gạo nếu anh bỏ vào cái nồi tèo hương (niêu đất nung loại nhỏ xíu) mà nấu may còn thành cơm được. Chứ hai lẻ gạo mà anh bỏ vào cái nồi 12 mà nấu thì chắc chắn cơm chẳng thành cơm, cháo chẳng thành cháo mà hồ cũng chẳng thành hồ được đâu. Ý Nguyễn Hồng muốn nhủ chúng tôi muốn viết văn thì hãy lượng xem cái vốn sống của anh nó dày mỏng, có ngần nào. Vốn sống còn nghèo mà tài lại hẻo mọn thì vội ham bốc giời là không ổn. Một lần khác, nói về nghệ thuật viết truyện, nhà văn Nguyễn Hồng nói đại ý rằng: Viết truyện nó cũng giống giống cái người đan rổ. Anh biết đan tre, biết ra nan, chuốt nan, biết gậy, biết đan, biết lát. Nhưng anh lại không biết đánh cạp, không biết “lên” khuôn hình thù cái rổ thì nó vẫn chỉ là cái mê chứ sao có thể gọi là cái rổ được. Viết văn cần phải có năng khiếu. Nhưng không phải anh có năng khiếu rồi là làm chơi ăn thật được đâu, mà phải lao tâm khổ trí lao động cật lực nữa may ra mới gặt hái được cái gì, không đùa được.

Tôi yêu quý kính trọng Nguyễn Hồng bởi ông là người hiền lành thánh thiện. Tấm lòng ông vị tha nhân hậu. Ông là một nhà văn gắn bó chí cốt và luôn bên vực chia sẻ với những lớp người cùng khổ. Nói như ai đó, ông là nhà văn của những lớp người “dưới đáy”. Mười sáu, mười bảy tuổi đời Nguyễn Hồng đã viết thành công “Bỉ vỏ”. Thiên tiểu thuyết đầu tay này mang đến cho đời viết văn của ông không chỉ là một giải thưởng văn chương danh giá của “Tự lực văn đoàn, 1937” mà nó còn xác lập vị trí, uy tín, danh tiếng của Nguyễn Hồng trong lịch sử văn học hiện đại nước nhà.

Nguyễn Hồng sinh ra ở Nam Định, nhưng ông sớm lặn lội gắn bó với Hải Phòng. Có thể nói từng con đường, hẻm phố, ga tàu, bến sông, xóm thợ nghèo ở thành phố cửa biển này đều in dấu chân ông. Nguyễn Hồng “thuộc” từng gương mặt, thân phận con người nơi đây. Có lẽ vì thế và hẳn là thế ông mới viết được hàng loạt truyện ngắn và bộ tiểu thuyết “Cửa biển” bốn tập: “Sóng gầm” (1961); “Cơn bão đã đến” (1963); “Thời kỳ đen tối” (1973); “Khi đưa con ra đời” (1976); dài đến hai chục ngàn trang in, ngồn ngộn hơi thở cuộc sống lao động, đấu tranh ở miền đất đầy sóng và gió này. Đây cũng là bộ tiểu thuyết đồ sộ nhất, dài nhất của đời văn Nguyễn Hồng. Và, có lẽ cũng là một trong những tiểu thuyết dài nhất của văn học hiện đại Việt Nam.

Bây giờ là thời đại của máy tính thì số chữ, số trang của bộ tiểu thuyết Nguyễn Hồng từng viết kia với nhiều nhà văn có năng lực sáng tạo chắc chẳng mấy ngại ngần gì. Nhưng với những người vẫn không bỏ được thói quen cầm bút máy, bút bi viết văn thì bộ sách “Cửa biển” không thể không đáng kính nể thời gian, mồ hôi, sức lực của Nguyễn Hồng đã bỏ ra trên cánh đồng chữ mệnh mông ấy.

Nhà văn Nguyễn Hồng từng nhiều lần nói với những người viết trẻ chúng tôi, rằng: “Nghề văn là nghề nhọc nhằn, nghiệt ngã sòng phẳng lắm, nó không kẻ là già hay trẻ, viết lâu năm rồi hay mới viết. Nó cũng không có sự phân biệt “chiều dưới”, “chiều trên” mà nó đòi hỏi người viết phải lao động cật lực. Những con chữ anh viết phải được chất ra từ cảm xúc thực, từ tim, óc, máu thịt anh chứ không thể “giả khướt” - (chữ của Nguyễn Hồng hay dùng). “Văn của anh nó là con anh, không thể con của anh lại giống con người khác, như thế là hủ hóa đấy. Văn chương nó không chấp nhận sự hủ hóa, sự giống nhau đâu”. Và tôi nhận thấy nhà văn Nguyễn Hồng là người kiên trì thủy chung một nguyên tắc là trung thực, ông luôn tôn thờ sự thành thực trong văn chương.

Những gì mà đời văn ông để lại là một đại diện tiêu biểu của nghị lực, của tài năng. Ông có những tác phẩm để đời từ rất sớm. Hôm nay và mai sau tôi dám chắc các thế hệ người Việt Nam mỗi khi nhắc đến Nguyên Hồng sẽ không thể không nhắc đến các tác phẩm "Bỉ vỏ", "Những ngày thơ ấu" - một tác phẩm tự truyện thuộc hàng đặc sắc không có nhiều ở nước ta cùng nhiều tác phẩm khác nữa của ông.

Ngoài hạnh phúc là nhà văn có nhiều tác phẩm để lại cho hậu thế, Nguyên Hồng còn là một bậc lão trượng được nhiều nhà văn Việt Nam lớp sau yêu mến, kính trọng ông. Hình như các nhà văn cùng sống làm việc gần gũi với Nguyên Hồng chưa ai nỡ ghét hoặc nói xấu, nghĩ xấu về ông. Ông có một nét sống khiêm nhường, tận tâm với tất cả mọi người. Đường như điều đó tạo được cái uy, cái tín của riêng ông.

Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, nhà văn Nguyên Hồng đều được tin nhiệm giao nhiệm vụ bồi dưỡng lực lượng viết văn trẻ. Ông được các lớp nhà văn từng là môn sinh thân thương gọi là "Ông đốc Hồng".

Tôi không có may mắn được là môn sinh của Nhà văn Nguyên Hồng mà chỉ được ông chỉ bảo, khai tâm trong một vài trại viết do ông thẩm định tác phẩm. Nhưng tôi vẫn còn nhớ mãi ông già có vóc người thấp đậm, nhanh nhẹn, vui vẻ thường mặc chiếc áo nâu may kiểu nửa ta nửa tây. Cái quần Nguyên Hồng mặc là loại quần âu rộng thùng thình và bao giờ ông quần cũng được gấp lên hai ba gấu. Chân ông thường đi đôi dép da có quai hậu là hàng xuất khẩu bị lỗi một hay phé phẩm vừa to vừa dài vẫn bày bán phá giá ở các cửa hàng bách hóa.

Nhà văn Nguyên Hồng là người có tác phong giản dị, ăn mặc xuề xòa, nhưng rất đa cảm và rất hay khóc. Ông đọc hoặc kể câu chuyện gì đó có tình tiết thương tâm là nước mắt ứa ra không cầm được. Những giọt nước mắt chảy ra từ tim óc, lòng dạ, máu thịt ông chứ không bao giờ có chuyện diễn kịch hay giả vờ cả.

Ông là người có sức, mỗi bước đi cứ phăm phăm. Suốt ngày ông cặm cụi đọc, cặm cụi viết không biết mệt. Tưởng không có thứ sương gió bệnh tật nào có thể bẻ gãy đánh gục được con người như cây lim, cây sến ấy được.

Nhưng than ôi! Số phận vẫn cứ là số phận. Ông già Nguyên Hồng - nhà văn Nguyên Hồng sức vóc thế mà bỗng đột ngột ra đi ở tuổi 64. Đi mãi mãi. Nếu còn sống thì đến ngày 5 tháng 11 năm Thìn này ông thọ tuổi 95. (Nguyên Hồng sinh ngày 5/11/1918).

Ngày ông tạ thế (02/5/1982), tôi - một người yêu văn chương ông không về đưa tiễn ông được. Nhưng từ bấy đến nay đã mấy lần tôi về thăm viếng nơi ông yên nghỉ. Đó là một phần mộ khiêm tốn nằm trên sườn đồi bên cạnh con suối nhỏ. Và, mỗi lần đứng trước di ảnh ông tôi lại nhớ ơn những lần ông răn dạy về nghiệp và nghề của người cầm bút.

Nếu mỗi người được ước một điều gì đó cho người mình yêu mến, kính trọng thì tôi sẽ ước: Giá như Nhà văn Nguyên Hồng có được một ngôi nhà tưởng niệm dù là nhỏ thôi để lưu giữ những tác phẩm, những kỷ vật của đời ông thì quý biết bao nhiêu./.

Văn Nguyên Hồng Phong Lê



Lần đầu tiên đọc Nguyên Hồng tôi cứ ngỡ hoài trước một tuổi thơ sao mà cơ cực đến thế, và sao mà nhà văn lại có thể thành thực đến thế! Một sự thành thực đến tận từng chi tiết, khiến đọc đến mà sững sờ, mà nổi gai lên trong trí, mà run rẩy đến từng cảm xúc. Chẳng hạn cái chi tiết ông bố lần tìm và tước đoạt cọc tiền xu giấu sâu trong dải rút của đứa con, nhờ đánh đáo mà tích góp được, để đi mua thuốc phiện... Mãi về sau này tôi mới chú ý đến câu văn nổi tiếng của Thạch Lam khi giới thiệu cuốn sách này - ấy là “sự rung động cực điểm của một linh hồn trẻ dại”.

Cũng mãi sau này tôi mới biết Nguyên Hồng từng phải đi tù rất sớm khi còn là trẻ con; và mới vào tuổi thành niên đã phải mấy lần vào tù. Hiểu vì sao Nguyên Hồng đã từng viết một lúc cả tù phụ nữ và tù trẻ con.

Nhưng với Nguyên Hồng, cũng khó mà nói cảnh trong tù và cảnh ngoài tù, cảnh nào cay đắng hơn!

Khác với tất cả những người viết cùng thời, Nguyên Hồng là người sống trọn vẹn trong cảnh lầm than, sống với thế giới của tất cả những người lầm than. Tôi nói thế giới, bởi lòng tin ông quen biết không phải chỉ một vài lớp người mà là hàng chục, hàng nhiều chục lớp người nghèo họp thành bộ mặt dưới đáy đời sống thành thị. Bởi, nơi cái Xóm Cầm hoặc cái Vườn-hoa-đưa-người của Hải Phòng mà ông quen thuộc, nào có thiếu bất cứ nghề gì, để được coi là nghề, cho sự sống dưới đáy ấy, để có cái đưa vào miệng, để duy trì cho được một sự sống tối thiểu mà nguy cơ của cái đói, của cả sự chết đói cứ triền miên rình rập quanh họ.

Gọi Nguyên Hồng là nhà văn của người cùng khổ tưởng không ai trong số các nhà văn hiện đại của ta thích hợp hơn, xứng đáng hơn. Bởi số phận của họ còn được nhà văn theo đuổi suốt cả một đời, kể từ cuốn sách đầu tay Bỉ vỏ đến bộ tiểu thuyết đồ sộ cuối đời là Cửa biển, 4 tập, trên 2000 trang. Bộ sách là tổng hợp toàn bộ kinh nghiệm sống của ông, là sự trải rộng và đúc kết mọi mặt vốn sống của ông về Hải Phòng lầm than và hướng tới cách mạng, trong đó không có nhân vật nào ông không gửi gắm một niềm yêu ghét được đẩy đến độ tận cùng.

Nói đến một sự hóa thân triệt để của nhà văn vào thế giới nhân vật, tôi nghĩ không ai hơn được Nguyên Hồng. Sống với những khổ đau của nhân vật đến có thể luôn luôn, lúc nào cũng có thể rưng rưng mà khóc vì họ, bần khoản đến hốt hoảng vì họ, không ăn ngủ được vì họ, như một người mẹ mang thai, có lẽ chỉ riêng Nguyên Hồng mới có...

*

Trong hình dung của tôi, Nguyên Hồng là người mà nỗi đam mê sáng tác là triệt để đến một trăm phần trăm, là không có đam mê nào khác chen vào được. Chỉ có viết và viết. Viết từ trẻ cho đến già. Viết cả trong nhà tù và viết trong cái đói thường trực. Tựa như dốc cạn cuộc đời ra mà viết. Tựa như vắt kiệt mình ra mà viết. Viết với tất cả tín niệm thiêng liêng, cao cả của nghề. Không viết không sống nổi. Không viết không có gì minh chứng cho sự hiện diện, sự tồn tại của bản thân mình. Chỉ ngừng viết khi bất ngờ ngã xuống trên vườn nhà, rồi ra đi vĩnh viễn, từ tuổi 64. Có một lúc dường như ông có thừa viết, ấy là buổi đầu kháng chiến chống Pháp, khi nhà văn từ Hải Phòng chuyển về Bắc Giang... Nhưng rồi từ Sóng gầm, khi chuyển được vào mạch viết quen thuộc thì quả khó có gì ngăn nổi nhà văn rời quill bút, rời tập giấy, rời chiếc chõng tre và rời cái cặp da căng phồng bản thảo luôn luôn ở bên mình, trong tất cả các chuyến đi trên chiếc xe đạp mini Liên Xô nhỏ con từ Tân Yên về Hà Nội và ngược lại. Một hình ảnh trung thực và sống động về Nguyên Hồng là hình ảnh nhà văn cùng chiếc cặp da to phồng trên chiếc xe

mini Liên Xô cũ kỹ; về sau còn có thêm bộ râu đen xum xuê một cách bất thường dưới cằm, ở tuổi ngoài 50, trên khuôn mặt đăm đăm mà phúc hậu dường như lúc nào cũng sẵn sàng để rưng rưng nước mắt.

Cũng cần nói thêm, ở tuổi ngoài 50, Nguyên Hồng đã xin nghỉ hưu, sau khi cả nhà, vợ chồng con cái cùng dắt díu nhau kéo từ Hà Nội trở lại ấp Cầu Đen, Tân Yên. Ông chán cảnh căng thẳng phiền tạp nơi thành phố? Hoặc ông cần tập trung tâm sức, thời gian cho việc hoàn thành bộ Cửa biển, cuốn sách về Hải Phòng, quê hương thứ nhất của ông, về món nợ cho cả một đời văn của ông. Để rồi, sau khi xong Cửa biển lại đến với ông món nợ thứ hai là Bắc Giang. Ông lại bắt tay ngay vào bộ sách mới Núi rừng Yên Thế mà tập I có tên Thù nhà nợ nước đã sớm được Hội văn nghệ Hà Bắc cho in trên một thứ giấy quen thuộc lúc đó, vừa đen thui, vừa bở, khiến cho chỉ cần ngấm vào ít giọt nước là cả trang sách cứ tự nhiên mà rơi mủn ra.

*

Đọc Nguyên Hồng tôi lại có dịp chiêm nghiệm một điều tưởng là mới mà hóa ra không khó hiểu. Đó là, dẫu trong khổ ải, trong cay cực, trong bất hạnh mà con người vẫn không để tất, thậm chí còn có khả năng thấp sáng những gì thánh thiện ở trong mình. Toàn bộ thế giới nhân vật Nguyên Hồng đều phải chịu cảnh sống dưới đáy, nhưng ở họ, không ai không mang một mầm giống nhân bản để tuông ra, để ngoi lên. Con người đòi được sống với bản chất người, với tính cách người, thậm chí khi bị dồn vào chân tường, khi bị tha hóa, bị vật hóa đến cùng độ, họ vẫn cứ là người, vẫn đầy khả năng nhân hóa - đó chính là kết luận lạc quan tôi luôn luôn được thấy trên từng sáng tác của cả một đời văn ngót 50 năm của ông.

Ở nhận xét này tôi thấy Nguyên Hồng cũng gần gũi với Macxim Gorki - người có chính tên là Cay đắng.

Đời Nguyên Hồng là một đời vất vả; như để bù lại, cái chết lại đến với ông một cách nhẹ nhàng. Ông nằm xuống, trong sự thay đổi động tác, như là để nghỉ ngơi, và như là để ngủ. Ông chưa có chuẩn bị gì cho một cuộc ra đi vĩnh viễn.

Nhớ về Nguyên Hồng tôi nghĩ đến một người lao động văn chương trong nghĩa khổ hạnh và thiêng liêng nhất.

*

Nói Nguyên Hồng là nói đến nhà văn của lớp dân nghèo thành thị. Không đi sâu vào các quá trình có tính quy luật diễn ra sau “lũy tre xanh” như Ngô Tất Tố, Nguyễn Công Hoan, Nam Cao... Nguyên Hồng chỉ đón lấy cái chặng đường người dân quê phiêu dạt ra tỉnh. Ông chờ họ ở một bến xe, một ngã ba sông... Ông quan sát với biết bao hồi hộp, lo lắng trước vẻ ngơ ngác, sợ sệt của họ nơi một vườn hoa có tên “đưa người”, một ngách phố, rồi mắt hút trong quầng sáng điện, hoặc biến đi sau một ngõ hẻm... Để rồi, chính từ giờ phút đó, đời sống thành thị sẽ cuốn họ vào guồng quay của nó, hoặc tàn nhẫn bóp chết, hoặc làm biến dạng hình hài và số phận họ. Để rồi, trên sự chen lấn, tranh giành, tước đoạt đầy nhón nháo và hỗn loạn này mà làm xuất hiện những “bỉ vỏ” như Tám Bính, những anh chị như Năm Sài Gòn, Ba Bay, những gái điếm, ăn xin đủ dạng, tóm lại, cả một thế giới người bị tước đi quyền sống, nên đến lượt mình lại phải dùng sự tước đoạt để giành lại phần sống lay lắt cho mình.

Tất cả sáng tác của Nguyên Hồng là nhằm vào câu trả lời: Họ đã sống ra sao? Sự sống ấy, nếu cũng được gọi là sự sống, quả đã ngồn ngộn trên các trang viết của ông. Sống trong sự cùng cực, bị vắt kiệt. Sống trong sự lo âu, khắc khoải, được hôm nay không biết ngày mai. Sống trong cái đói thường trực. Và sống trong sự dằn vặt, day dứt, hành hạ, làm khổ lẫn nhau... Nhưng cũng là sống trong sự nương tựa, cứu mang, đùm bọc, hy sinh cho nhau. Có thể nói chung quanh cái chuyện sống hết sức sinh tử đó, hoặc có thể nói hẹp hơn, chung quanh việc

vật lộn cho có miếng ăn hàng ngày đó, Nguyên Hồng đã có thể khai triển mà cho thấy biết bao là phong phú, là chùng chát và dồn nén cả một thế giới vừa đầy mâu thuẫn, ngang trái vừa giàu vẻ đẹp và chất thơ trong các cảnh đời và tình người!

*

Đọc Nguyên Hồng không thể không dừng lại trên bộ tiểu thuyết lớn Cửa biển mà nhà văn dường như đã dốc vào đấy gần như toàn bộ vốn liếng, tâm huyết của cả một đời cầm bút của mình. Ba mươi lăm năm nung nấu cho những gì đã được trang trải và dồn nén ở đây, nơi bộ sách có lẽ là vào loại dài nhất trong văn học hiện đại Việt Nam, tính cho đến khi Nguyên Hồng qua đời. Không phải không có sự khó nhọc cho chúng ta mỗi khi phải đọc liền một thôi hàng mấy trăm trang, khi phải đi suốt một mạch cuộc hành trình dài qua bốn tập Cửa biển. Nhưng rõ ràng nếu thiếu đi bộ sách đó thì sự hình dung về xã hội cũ ở chúng ta hôm nay, và nhiều thế hệ mai sau sẽ thiếu hụt đi không nhỏ. Trước hết, đó là một mảng tối, toát lên từ bao cảnh đời cơ cực, bao kiếp sống lầm than, bao số phận bị giày đạp... Nhưng là một mảng tối không đứng im mà đang chuyển động. Nếu Sóng gầm (1961), Cơn bão đã đến (1968), Thời kỳ đen tối (1973), như tên truyện gợi ra là những diễn biến, phát triển và dồn nén của một cuộc sống đang chuyển dần vào đêm sâu, thì với Khi đứa con ra đời (1976) tác giả lại rọi ánh sáng vào cái hiện thực vĩ đại và thiêng liêng của dân tộc là cách mạng, nó là sự giải tỏa, là xu thế tất yếu của cuộc sống, từ đau thương đi tới quật khởi, được thu nhỏ trong hình ảnh một vùng Cửa biển: Hải Phòng.

Cái mới của bộ Cửa biển chính là ở những cố gắng của nhà văn nhằm khẳng định sự phát triển cách mạng của hiện thực. Cũng chính ở đây thể hiện sự đổi mới trong phương pháp nghệ thuật ở Nguyên Hồng, dấu bên cạnh đó, về bút pháp tiểu thuyết, bộ truyện vẫn còn lắm trang nặng nề, rậm rạp.

*

* *

Một phong cách giàu cảm xúc; một tình thương vừa mênh mông vừa thấm thía đối với nhiều lớp người lao khổ; một bức tranh đời trước Cách mạng tháng Tám với bao nỗi xót xa, cay đắng của con người; những tính cách nhân vật như muốn cưỡng lại các số phận; một khát vọng hướng về cái thiện, và do vậy mà hướng về cách mạng như một lẽ phải tự nhiên... Có thể xem tất cả đó là những dấu ấn đặc sắc mà Nguyên Hồng đã để lại cho văn học Việt Nam thế kỷ XX sau ngót năm mươi năm sáng tác của nhà văn./.

Tháng 12-2008

Nguồn: hnv.vn